CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2017

QL 80, Cụm CN Vàm Cống, Xã Bình Thành, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp
Điện thoại: 0673 680383 - 0673 296800 Fax: 0673 680382
Email: idiseafood@vnn.vn
Website: idiseafood.com

MỤC LỤC

Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT 4 -5
LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG
I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG
1.1 *Thành lập* 6-6
1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ 6-6
1.3 Các sự kiện khác 7-8
II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN
2.1 Ngành nghề kinh doanh 10-10
2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển 10-13
2.3 Địa bàn kinh doanh 14-14
III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
3.1 Các *mục tiêu chính của công ty* 14-14
3.1.1 *Xây dựng trại cá tra giống* 14-14
3.1.2 Phát triển vùng nuôi cá của công ty 15-15
3.1.3 Nâng công suất hoạt động Nhà máy chế biến cá tra fillet xuất khẩu 15-16
3.1.4 Nâng công suất hoạt động của Nhà máy bột cá 17-17
3.1.5 Hoàn thiện Nhà máy tinh luyện dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy *hoạt động 100% công suất* 17-23
3.1.6 Nâng công suất hoạt động Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản 23-25
3.1.7 Xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì thủy sản 25-25
3.1.8 Xây dựng Nhà máychế biến thủy sản số 3 25-26
3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn 26-27
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH 27-32
II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 33-34
III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017 33-39
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH & TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
1.1 *Kết quả hoạt động kinh doanh* 39-43
1.2 Tình hình tài chính 43-44
II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ 44-48
2.2 *Nguyên vật liệu* 48-50
2.3 Trình độ công nghệ 50-51
2.4 Tình hình *nghiên cứu sản phẩm mới* 52-58
2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ 59-59
2.6 *Hoạt động Marketing* 59-61
2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR) 62-62
2.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 63-63
III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
3.*1 Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2017* 63-69
3.2 *Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018* 69-81
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 82-132
TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY
I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC 133-133
II/ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC PHÒNG BAN
2.1 Hội đồng quản trị 134-135
2.2 Ban Tổng giám đốc 135-135
2.3 Ban *kiểm soát* 135-136
2.4 Các phòng ban khác 136-136
III/ THÔNG TIN HĐQT, BAN GĐ, BAN KIỂM SOÁT.
3.1 *Hội đồng quản trị* 137-142
3.2 Ban tổng giám đốc 142-146
3.3 Ban kiểm soát 146-146
IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM
V/ NGUỒN NHÂN LỰC
5.1 Lực *lượng lao động* 147-148
5.*2 Chính sách đối với người lao động* 148-148
5.*3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo* 148-149
THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY
1.1 Hội đồng quản trị 149-149

1.2 Ban kiểm soát 150-150
II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty 150-150
2.2 Danh sách cổ đông sáng lập 150-151
2.3 Cơ cấu cổ đông 151-151
2.4 *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu* 151-151
2.5 *Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI* *151-152*
2.6 Doanh nghiệp là công ty con của IDI 152-157
BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY
I/ QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU 158-158
II/ TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG 158-158
III/TIÊU THỤ NƯỚC 159-159
IV/ TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 159-159

THƯ NGỎ !
THƯ NGỎ CT.HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA IDI

Kính thưa: **Đại hội đồng Cổ Đông thường niên năm 2108!**

Lời đầu tiên thay mặt Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Đa Quốc Gia IDI , tôi gửi lời chào, lời tri ân sâu sắc đến toàn thể quý vị đã tin tưởng và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt chặng đường vừa qua! Bên cạnh niềm tự hào những thành công, chúng tôi không quên câu hỏi lớn: Liệu những thành tựu Công ty IDI có được là bao nếu không có sự song hành và ủng hộ toàn diện của cổ đông, khách hàng và **các đối tác**.

Năm 2017 là năm đặc biệt đánh dấu sự phục hồi của nền kinh tế Việt Nam khi mục tiêu tăng trưởng 6,81% được thực hiện – mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm trở lại đây cùng với 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã được hoàn thành. Năm vừa qua cũng đánh dấu cột mốc quan trọng khi Việt Nam tổ chức thành công Năm APEC 2017 với sự tham gia của 11.000 đại biểu, lãnh đạo các nền kinh tế APEC, góp phần thể hiện vị thế và nâng cao uy tín của Việt Nam ở châu Á – Thái Bình Dương. Với những nỗ lực vượt bậc của Đảng và Chính phủ trong điều hành, ổn định vĩ mô, cải cách thể chế, chính sách nhằm nâng cao môi trường kinh doanh và năng lực cạnh tranh quốc gia, nền kinh tế Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ và ngày càng hội nhập sâu rộng.

Tuy nhiên, kinh tế thế giới cũng có một số thay đổi so với năm trước, vẫn những sự kiện suy giảm và nổ lực phục hồi của các nền kinh tế lớn, vẽ lên một viễn cảnh nhiều biến động. Nổi bật nhất là sự kiện nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh châu Âu (EU); Tân tổng thống Mỹ rút lui khỏi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); Nhật Bản vẫn còn giảm phát; ... Gần đây nhất là *cuộc chiến tranh thương mại* giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ và Trung Quốc. Những biến động đó cũng ảnh hưởng đến sự tăng trưởng Việt Nam nói chung và các doanh nghiệp Việt Nam nói riêng, nhất là những doanh nghiệp xuất khẩu.

Với tình hình như trên, nhưng Công ty IDI thành công rực rở. Doanh thu thuần năm 2017 tăng 1.287 tỷ đồng tương ứng với 31,85% so với năm 2016. So với kế hoạch năm 2017 thì doanh thu chúng ta vượt kế hoạch là 1.770 tỷ đồng tương ứng 49,76%. Nguyên nhân là do trong năm 2017 công ty chúng ta phát triển thị trường mới rất tốt đặc biệt là thị trường Trung Quốc... Bên cạnh việc giữ vững thị trường truyền thống từ đó làm cho việc bán hàng của chúng ta thuận lợi hơn. Ngoài ra do trong năm vừa qua chúng ta bổ sung thêm sản phẩm mới đến với người nuôi cá đó chính là thức ăn thủy sản với doanh số hơn 1.000 tỷ đồng đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu của Công ty lên đáng kể. Các thị trường xuất khẩu về bột cá và tình hình kinh doanh của Công ty Trisedco có nhiều khởi sắc cũng là một trong những nhân tố làm nên sự cộng hưởng đẩy doanh số tăng vượt kế hoạch đề ra. Như vậy hầu hết doanh thu trong năm đều đến từ việc kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thủy sản là chủ yếu và chúng ta đang thực hiện việc cơ cấu ngành giữa các Công ty trong Tập Đoàn theo đúng kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 243 tỷ đồng so với năm 2016 tương ứng tăng 244,44%. Kết quả này là rất ấn tượng nó cho thấy một nổ lực rất lớn của Ban giám đốc

trong năm 2017 được xem là năm còn nhiều khó khăn cho lĩnh vực cá tra khi mà nguồn nguyên liệu khan hiếm và các rào cản nhập khẩu cá tra của Mỹ và Châu Âu. Nguyên nhân của kết quả trên so với kế hoạch là do trong năm 2017 vừa qua có hàng loạt doanh nghiệp thủy sản lớn tiếp tục gặp khủng hoảng cho thấy một năm đầy khó khăn và các doanh nghiệp không đủ sức khỏe, tài chính không tốt kết hợp chưa có tư duy tự chủ về nguồn nguyên liệu, nên các doanh nghiệp này đã không có đủ nguyên liệu đưa vào sản xuất khiến một số nhà máy giảm mạnh sản xuất. Điều này dẫn tới lượng lớn đơn hàng từ các doanh nghiệp gặp khó khăn này đã chuyển về Công ty IDI đã nắm bắt kịp thời cơ hội trên kết hợp với khả năng tự chủ nguyên liệu đến 80% kế hoạch đặt ra, nên Ban giám đốc đã điều hành tăng tối đa công suất các nhà máy, tuy nhiên vẫn chỉ đáp ứng đủ cho kế hoạch năm 2017 và tối đa khoảng 70% các đơn hàng phát sinh thêm.

Kính thưa Quý cổ đông,

Để chúng ta làm để xây dựng bản sắc cho chính mình. Vì không đơn thuần là kinh doanh nuôi trồng chế biến Thủy sản, Dầu cá , Bột Cá , Thức ăn Thủy Sản, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI , tâm huyết thực hiện khát vọng tạo những chuẩn mực đích thực cho cuộc sống tương lai. "Đối thoại với tương lai, chúng tôi lắng nghe từng nhịp chuyển động của nhu cầu cuộc sống. Đối thoại với tương lai, chúng tôi nắm bắt hướng đi của các chuẩn mực ngày mai".Nói cách khác, chúng ta cảm nhận mọi yêu cầu cần đáp ứng các lĩnh vực của Công ty trong thời đại mới. Như vậy, chúng ta luôn biết rõ và làm tốt nhất mỗi hoạt động ngay từ hôm nay. Định hướng này thúc đẩy chúng ta tự hoàn thiện, đổi mới và nâng tầm bắt đầu từ chính mình. Sau lộ trình vừa tinh lọc, vừa bổ sung, kết hợp tính chặt chẽ và sáng tạo trong tổ chức, Công ty IDI khởi bước trong bình minh của kỷ nguyên mới. Với công nghệ kỹ thuật hiện đại, khoa học, khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến, với tài chính vững mạnh và nhân lực ưu tú, chúng tôi hoàn toàn tự tin cho hành trình chinh phục đỉnh cao.

Nhìn lại những gì đã đạt được năm qua, Công ty tiếp tục đưa ra kế hoạch phấn đấu cho năm 2018. Với tinh thần lạc quan, sự đoàn kết, sáng tạo, không ngừng cải tiến và thi đua sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Công ty IDI cam kết cùng quyết tâm cố gắng hết sức mình để đạt các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2018.

Lời tri ân được nói lên ở đây cũng chính là lời hứa của Công ty IDI .

Cuối cùng, thay mặt Hội đồng quản trị, Ban điều hành, tôi chân thành cảm ơn Quý Khách hàng, Quý Cổ đông và Quý Đối tác đã luôn ủng hộ và tiếp sức cho Công ty IDI trong suốt chặng đường vừa qua. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ, hợp tác của Quý vị trong những chặng đường sắp tới.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và đạt nhiều thành công trong năm 2018!

Trân trọng!

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch

Lê Thanh Thuấn

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG
I/ NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

1.1 Thành lập

- Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI được thành lập năm 2003 theo giấy chứng nhận ĐKKD số 4103001715 do Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/07/2003 và Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 ngày 09/06/2016.
- Tên tiếng Việt : Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I
- Tên tiếng Anh : International Development & Investment Corporation.
- Tên viết tắt : Công ty Cổ phần I.D.I
- Vốn điều lệ đăng ký : 1.816.096.710.000 đồng.
- Vốn điều lệ thực góp : 1.816.096.710.000 đồng.
- Địa chỉ ĐKKD: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
- Điện thoại : 067 3680 383 Fax: 067 3680 382
- Website : www.idiseafood.com
- Email : idiseafood@vnn.vn
- Mã số thuế : 0303141296

1.2 Quá trình tăng vốn điều lệ

Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I báo cáo về quá trình tăng vốn kể từ khi hoạt động đến nay như sau:

o *Đăng ký lần đầu:* Vốn điều lệ hoạt động là 29 tỷ đồng.

o *Thay đổi lần 1:* Tăng từ 29 tỷ đồng lên 47,94 tỷ đồng, tăng thêm 18,94 tỷ đồng, tương đương 947 cổ phần (Mệnh giá: 20 triệu đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 027/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/02/2007.

o *Thay đổi lần 2:* Tăng từ 47,94 tỷ đồng lên 91,474 tỷ đồng, tăng thêm 43,534 tỷ đồng, tương đương 4.353.400 cổ phần (Mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 028/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/8/2007.

o *Thay đổi lần 3:* Tăng từ 91,474 tỷ đồng lên 228.107.040.000 đồng, tăng thêm 136.633.040.000 đồng tương đương 13.663.304 cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng/cp), theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số: 068/07-IDI ngày 18/9/2007, kèm theo báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu ra công chúng ngày 30/6/2008.

o *Tăng vốn lần 4:* Tăng từ 228.107.040.000 đồng lên 380.000.000.000 đồng, tăng thêm 151.892.960.000 đồng tương ứng với số cổ phần là: 15.189.296 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty ngày 11/05/2010, căn cứ theo báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán phía nam (AASCS) ngày 24/8/2010.

o *Tăng vốn lần 5:* Tăng từ 380.000.000.000 đồng lên 456.000.000.000 đồng, tăng thêm 76.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 7.600.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014.

o *Tăng vốn lần 6:* Tăng từ 456.000.000.000 đồng lên 855.000.000.000 đồng, tăng thêm 399.000.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 39.900.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2014 ngày 09/05/2014. Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 23/01/2015, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

o *Tăng vốn lần 7:* Tăng từ 855.000.000.000 đồng lên 983.250.000.000 đồng, tăng thêm 128.250.000.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 12.8250.000 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015. Nội dung của đợt tăng vốn này là phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận năm 2014 và lợi nhuận giữ lại để thực hiện chia cổ tức cho cổ đông 2014 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15%.Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 05/08/2015, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

o *Tăng vốn lần 8:* Tăng từ 983.250.000.000 đồng lên 1.816.096.710.000 đồng, tăng thêm 832.846.710.000 đồng tương ứng với số cổ phần là 83.284.671 cổ phần (10.000 đồng/cp) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ Công ty số 01/NQ-ĐHCĐ/2015 ngày 10/05/2015.Việc tăng vốn này hoàn thành vào ngày 22/04/2016, Công ty đã thực hiện kiểm toán vốn cũng như báo cáo UBCK Nhà nước và đã lưu ký niêm yết cho toàn bộ số cổ phần tăng thêm này.

1.3 Các sự kiện khác

Trong quá trình phát triển, IDI đã được vinh dự nhận nhiều giải thưởng như sau:

- Tháng 10/2009: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen về thành tích xuất xắc góp phần phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Tháng 01/2010: Hội nghề cá Việt Nam trao giải thưởng "Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009" và Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tặng bằng khen là một trong 10 doanh nghiệp xuất xắc nhất nhận giải thưởng "Danh hiệu chất lượng vàng thủy sản Việt Nam năm 2009".
- Tháng 03/2010: Đảng ủy Khối Doanh nghiệp thuộc Đảng bộ tỉnh An Giang khen tặng Chi bộ Thủy sản IDI đạt tiêu chuẩn cơ sở "Trong sạch, vững mạnh" tiêu biểu 3 năm liền.
- Tháng 04/2010: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế năm 2009.
- Tháng 11/2010: UBND huyện Lấp Vò khen tặng có thành tích đóng góp về cơ sở vật chất cho phong trào thể dục thể thao của huyện.
- Ngày 10/01/2012: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn tặng bằng khen do có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong số các đơn vị đạt danh hiệu "Chất lượng vàng thủy sản Việt Nam" lần thứ hai – Năm 2012.
- Ngày 22/02/2012: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2011.
- Ngày 30/01/2013: UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen CB-CNV Công ty IDI đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD và đóng góp an sinh xã hội trên địa bàn huyện Lấp Vò năm 2012.
- Ngày 22/02/2013: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội (SHB) trân trọng vinh danh I.D.I là khách hàng vàng của SHB năm 2012.
- Ngày 31/12/2013: Công ty điện lực Đồng Tháp khen tặng Công ty IDI đã sử dụng năng lượng điện tiết kiệm và hiệu quả năm 2013.
- Ngày 27/04/2014: Bộ Công thương tặng bằng khen cho Công ty IDI đã có thành tích suất sắc trong công tác đẩy mạnh xuất khẩu năm 2013.
- Ngày 09/12/2015: Sở Công thương Đồng Tháp khen tăng Công ty IDI đã có thành tích năng động sáng tạo, vượt khó trong sản xuất kinh doanh và có nhiều đống gốp cho sự phát triển ngành Công thương năm 2015.
- Năm 2015 IDI được vinh danh là một trong năm trăm doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam do báo Vietnamnet phối hợp với Công ty CP Báo Cáo Đánh Giá Việt Nam bình chọn.

- Năm 2016 IDI được Chủ tịch Hiệp hội Cá tra Việt Nam tặng Bằng Khen là Hội viên có đóng góp tích cực cho hoạt động Hiệp hội góp phần phát triển bền vững ngành hàng cá tra năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH HIỆP HỘI CÁ TRA VIỆT NAM
CHAIRMAN OF VIETNAM PANGASIUS ASSOCIATION

Tặng / AWARDS

BẰNG KHEN
CERTIFICATE OF MERITS

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION

Là Hội viên có đóng góp tích cực cho hoạt động Hiệp hội góp phần phát triển bền vững ngành hàng cá tra năm 2016
Who had positive contribution to Vietnam Pangasius Association's activities to develop sustainable pangasius industry in 2016

Cần Thơ, ngày 24 tháng 02 năm 2017
TM.BCH HIỆP HỘI CÁ TRA VIỆT NAM
On behalf of Vietnam Pangasius Association board
CHỦ TỊCH
Chairman

Quyết định số/ Decision No: 02./HHCTVN.17-QĐ

DƯƠNG NGHĨA QUỐC

- Năm 2016 IDI được vinh danh là một trong 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam do báo Nhịp cầu Đầu tư bình chọn.

- Năm 2017, IDI được UBND tỉnh Đồng Tháp tặng bằng khen có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dẫn đầu phong trào thi đua của Khối, Cụm thi đua năm 2017.

II/ QUÁ TRÌNH PHÁT TRIỂN

2.1 Ngành nghề kinh doanh

Đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh với các ngành nghề sau:

- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn.
- Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất.
- Mua bán, chế biến thủy hải sản. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản.
- Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa – giấy, nước đóng chai.
- Sản xuất và đóng hộp dầu, mở động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ôtô chuyên dụng; đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Lĩnh vực kinh doanh chính:

- Nuôi trồng, chế biến cá tra fillet đông lạnh xuất khẩu.
- Kinh doanh bất động sản.
- Sản xuất và kinh doanh dầu cá.

2.2 Tóm tắt quá trình hình thành & phát triển công ty.

- Năm 2003, Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia được thành lập với số vốn ban đầu là 29 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, hầu hết Ban điều hành là cán bộ chủ chốt của Công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2005, IDI khởi động dự án Cụm Công nghiệp Vàm Cống qui mô 23ha tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2006, IDI chi trả đền bù và khởi công xây dựng hạ tầng Khu tái định cư và Cụm CN Vàm Cống giai đoạn 1.

- Năm 2007, IDI khởi công xây dựng nhà máy chế biến thủy sản đông lạnh số 1, các hạng mục phụ trợ khác và khởi động dự án vùng nuôi cá tra nguyên liệu.

- Năm 2008, IDI hoàn thành xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị giai đoạn 1 và 2 đạt công suất thiết kế 300 tấn nguyên liệu/ngày và kho lạnh 4.600 tấn đi vào hoạt động. Ghi tên I.D.I vào danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cá tra của Việt Nam. Đồng thời, IDI cũng tiếp tục khởi công xây dựng nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2009, I.D.I tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị giai đoạn 3, tiến tới đạt công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày và hoàn thiện nhà máy chế biến phụ phẩm giai đoạn 1.

- Năm 2010, vận hành nhà máy thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

- Năm 2011, khởi công dự án Nhà máy tinh luyện dầu cá với công suất thiết kế 100 tấn dầu cá thô/ngày và tổng vốn đầu tư 300 tỷ đồng (giai đoạn I), diện tích sử dụng 10.600m^2. Hoàn thiện vùng nuôi cá tra theo tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P gần 6 ha tại xã An Thạnh Trung, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và 10ha ở xã Tân Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Năm 2012 đầu tư Nhà máy tinh luyện dầu cá đến cuối tháng 6/2013 đã hoành thành đưa vào khai thác. Tháng 12 năm 3014 sản phẩm dầu cá cao cấp Ranee chính thức đi vào hệ thống siêu thị Việt nam.

- Ngày 10/10/2015 Công ty IDI đã khởi công dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất thiết kế 378.000 tấn/năm. Công ty đã mạnh dạng đầu tư công nghệ hiện đại nhất nhằm tạo ra những sản phẩm tốt nhất với giá thành thấp. Ngoài ra dự án này cũng đang được nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện năng lượng mặt trời để thay thế cho nguồn điện phổ thông như hiện nay. Từ đó làm cơ sở đánh giá và mở rộng đầu tư cho toàn bộ tất cả các nhà máy nằm trong Cụm công nghiệp của Công ty.

- Ngoài ra, I.D.I có tên trong top 3 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra đông lạnh hàng đầu Việt Nam. Đăng ký niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 64/2011/QĐ-SGDHCM ngày 17/05/2011 tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

IDI NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Hoàn thành dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản 378.000 tấn thành phẩm/năm.

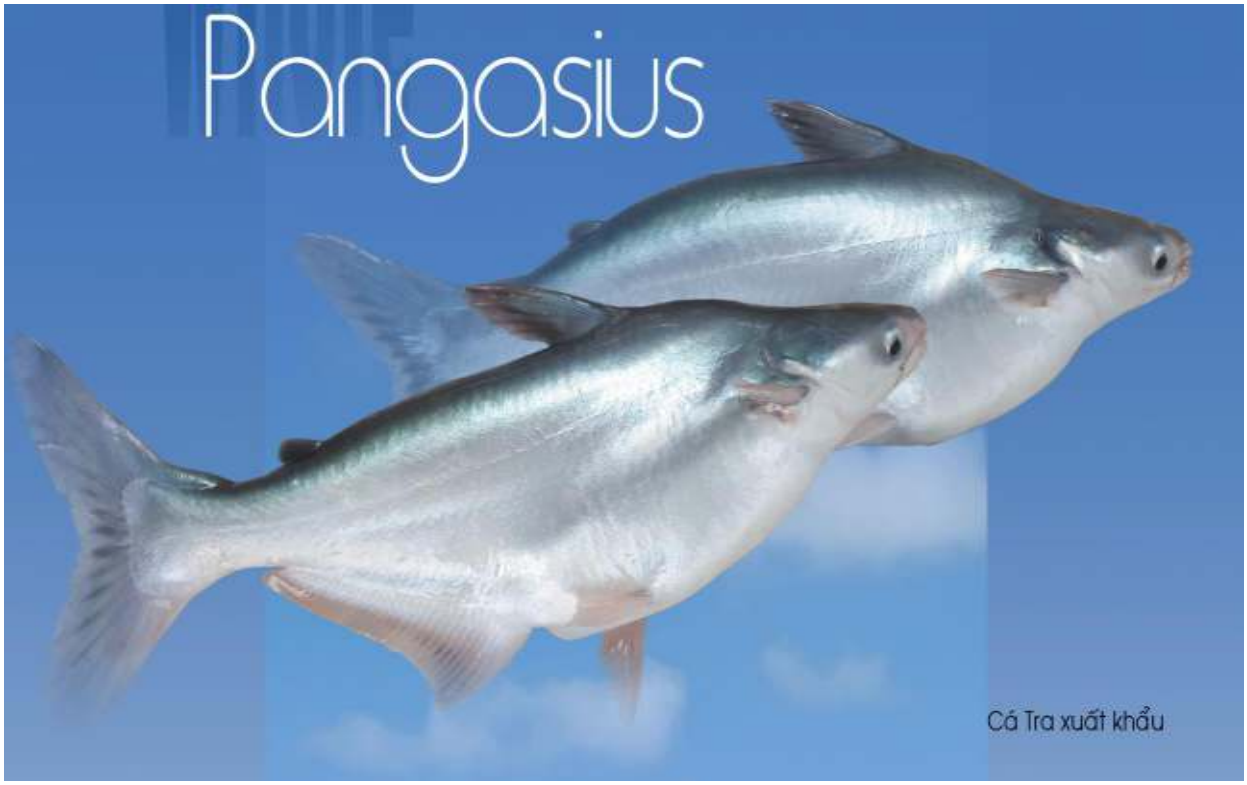

Cụm Công Nghiệp Vàm Cống và Các Nhà máy Thủy Sản

2.3 Địa bàn kinh doanh:

- Các hoạt động Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc gia IDI tập trung tại trụ sở của Công ty, địa chỉ: Quốc lộ 80, Cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Riêng vùng nuôi cá tra nguyên liệu công ty được xây dựng ở lân cận nhà máy đông lạnh với bán kính khoảng 30 km ở các tỉnh Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ. Sau khi được chế biến thì sản phẩm cá tra đông lạnh cũng như các sản phẩm khác của Công ty có mặt khắp các thành phố, tỉnh thành ở Việt Nam và xuất khẩu đi ở rất nhiều nước của 5 Châu lục.

III/ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

3.1 Các mục tiêu chính của công ty

- Cá tra là đặc sản của người tiêu dùng trên thế giới và là sản vật của đất nước ta. Đứng trước một đất nước Việt Nam đang đổi mới từng giờ và tầm nhìn đến năm 2020 thì ngành thủy sản có một tiềm năng phát triển rất lớn, cơ hội sinh lời rất cao và luôn đóng một vai trò quan trọng để phát triển bền vững cho ngành nông nghiệp của quốc gia. Nên hiện tại IDI đang tập trung hoàn thiện quy trình sản xuất khép kín cho chuỗi thủy sản như sau:

3.1.1) Xây dựng trại cá tra giống:

- Chất lượng cá giống suy giảm là một thực trạng đáng lo ngại, làm giảm hiệu quả nuôi một cách nghiêm trọng. Nguyên nhân chính là do chất lượng đàn cá bố mẹ bị thoái hóa, lai cận huyết, sự cạnh tranh thiếu lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cá bột, cho cá đẻ ép, đẻ non và đẻ nhiều lần trong năm, dẫn đến nhiều hệ lụy kèm theo trong việc nuôi cá như:

- Tỷ lệ hao hụt: lớn khoảng 30 – 35%, một số ao cá biệt tỷ lệ hao hụt lên đến 40 – 45%.

- Chi phí nuôi tăng cao: Trước đây do giống cá tra còn tốt nên thời gian nuôi bình quân khoảng 5-6 tháng là cá đã đạt tiêu chuẩn sản xuất (0.8 – 0.9 kg/con) với hệ số thức ăn chỉ khoảng 1.5kg. Còn hiện nay để đạt được Size cá trên người nuôi phải mất khoảng 8-9 tháng với hệ số thức ăn 1.55 – 1.6kg.

- Chất lượng cá nguyên liệu giảm: Chất lượng giống cá tra thấp không những ảnh hưởng lớn đến tỷ lệ sống của cá nuôi, năng suất và thời vụ… mà còn ảnh hưởng đến cả chất lượng cá nguyên liệu, cá dễ bị còi cọc, dị hình, màu thịt cơ xấu, tỷ lệ thu hồi fillet giảm.

- Dịch bệnh nhiều hơn: Theo kết quả khảo sát gần đây của Trung tâm Quốc gia Giống thuỷ sản nước ngọt Nam Bộ, tỷ lệ cá tra nuôi ở ĐBSCL bị nhiễm bệnh là khá cao. Hầu như tất cả các vùng nuôi đều xuất hiện những loại bệnh phổ biến trên cá tra như xuất huyết, trắng mang, trắng gan, và nhất là căn bệnh nguy hiểm gan thận mủ… Có những vùng nuôi, tỷ lệ cá tra nhiễm bệnh gần như tới 100%. Cá tra ở ĐBSCL bị bệnh từ nhiều nguyên nhân. Trước hết, là do cá bị nhiễm khuẩn gây các bệnh xuất huyết, đốm trắng…, hoặc bị các loài ký sinh trùng (trùng mặt trời, trùng bánh xe…), giáp xác ký sinh và nấm gây hại. Bên cạnh đó, chế độ dinh

3.1.2) Phát triển vùng nuôi cá của Công ty:

- Với mục tiêu khép kín về chuỗi sản xuất cá tra thì ngoài việc có trại cá giống hiện đại vẫn chưa đủ. Công ty cần phải nổ lực để đầu tư cho vùng nuôi của mình một mặt để đảm bảo nguồn nguyên liệu cung cấp cho chuỗi sản xuất, mặc khác đảm bảo chất lượng cá cũng như việc kiểm soát giá thành.

- Với tầm quan trọng như trên thì công ty dự kiến mở rộng vùng nuôi đến năm 2020 thì diện tích vùng nuôi của công ty đạt khoảng 400 ha và đạt các tiêu chuẩn Global G.A.P, A.S.C, B.A.P. Công ty đã lập dự án nuôi cá tra với diện tích 34 hecta tại Cồn Qụa, xã Định Yên, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp, bên cạnh đó Công ty cũng đã hoàn thành hồ sơ quy hoạch vùng nuôi ở xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp với diện tích 12 hecta. Công ty cũng đã mở rộng thêm được 11 hecta vùng nuôi cá nguyên liệu ở huyện Châu Thành tỉnh Đồng Tháp và hiện đang được khai thác. Như vậy đến cuối năm 2017 diện tích tự nuôi cá và nuôi liên kết của Công ty đạt gần 240 hecta đảm bảo cơ cấu nguyên liệu cung cấp cho nhà máy đông lạnh đạt khoảng 90-95% so với nhu cầu nguyên liệu của năm 2018. Các chính sách đi kèm là phải hỗ trợ người nông dân gắn bó lâu dài, đồng hành cùng công ty trên tinh thần hợp tác cả hai cùng có lợi.

Cho cá ăn tại vùng nuôi thủy sản

3.1.3) Nâng công suất hoạt động nhà máy chế biến cá tra Fillet xuất khẩu:

- Với lượng cá thu hoạch từ vùng nuôi của Công ty kết hợp với nuôi liên kết sẽ được đưa về nhà máy chế biến đông lạnh để fillet xuất khẩu. Với công suất thiết kế của nhà máy đông lạnh số 1 là 300 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động 12 giờ) thì hiện tại nhà máy đã hoạt động hết công suất. Tháng 05/2016 thì nhà máy số 2 đã đi vào hoạt động với công suất thiết kế là 150 tấn nguyên liệu/12 giờ thì năm 2017 cũng đã hoạt động hết công suất mà vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu của khách hàng. Công ty dự kiến sẽ khởi công xây dựng nhà máy chế biến cá tra xuất khẩu số 3 với công suất 450 tấn nguyên liệu/ 12 giờ vào Quý II/2018, như vậy năng lực sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể và khắc phục được tình trạng phải thuê gia công bên ngoài. Tạo điều kiện để chúng ta mạnh dạn ký hợp đồng và đẩy mạnh doanh số trong những năm tiếp theo.

Công nhân đang sản xuất trên các băng chuyền tự động của nhà máy Thủy sản IDI

3.1.4) Nâng công suất hoạt động của nhà máy bột cá:

- Hiện tại nhà máy bột cá, mỡ cá là một nhà máy của Công ty CP chế biến đầu tư du lịch & phát triển thủy sản Trisedco. Là một công ty con của IDI với tỷ lệ góp vốn gần 80% và là một thành viên trong tập đoàn Sao Mai An Giang. Sử dụng từ nguồn phụ phẩm của nhà máy đông lạnh IDI để làm nguồn nguyên liệu đầu vào cho nhà máy. Với quy trình và Công nghệ hiện đại thì nhà máy chế biến bột cá và mỡ cá cho ra 2 sản phẩm chính đó là bột cá và mỡ cá. Hiện tại Công ty đã hoàn thành việc nhập dây truyền sản xuất bột cá mỡ cá và đã đưa vào sử dụng với công suất gần 400 nguyên liệu/ngày. Việc nhà máy đông lạnh của IDI được mở rộng và nâng công suất thì nhà máy bột cá và mỡ cá mặc nhiên cũng sẽ được nâng công suất lên. Với Công suất này thì hàng ngày sẽ cho ra 70 tấn mỡ và 75 tấn bột cá, phần mỡ cá này sẽ đáp ứng cho nhu cầu của nhà máy tinh luyện dầu của chúng ta.

3.1.5) Hoàn thiện nhà máy tinh luyện dầu và đẩy mạnh sản xuất để đảm bảo nhà máy hoạt động 100% công suất.

Hiện tại dự án này đã được chuyển giao lại cho Công ty CP Đầu Tư Du Lịch và Phát Triển Thủy Sản (DAT) khai thác quản lý và đây cũng chính là Công ty con của IDI mà IDI đang sở hữu tới gần 80% vốn điều lệ. Hiện tại Dự án đã được bổ sung dây chuyền chiết rót đóng chai tự động và nâng Công suất lên 220 tấn nguyên liệu/ngày kết hợp với dây chuyền sản xuất Shortterning thì sẽ đưa nhà máy chúng ta hoàn chỉnh và có thể cung ứng ra thị trường trong nước cũng như Thế Giới các sản phẩm dinh dưỡng nhất, chất lượng nhất.

Chúng ta đã biết dầu cá, một sản phẩm không hề xa lạ với mọi người vì từ lâu đã được biết đến như là thực phẩm tốt cho tim mạch, sáng mắt, bổ não. Dầu cá phổ biến vẫn là loại được trích ly từ cá đánh bắt ở vùng biển sâu như cá hồi, cá ngừ, cá trích, . . . và sản lượng rất hạn chế không đáp ứng đủ nhu cầu của người tiêu dùng. Việt Nam có một lượng dầu (mỡ) cá tra dồi dào mà không một quốc gia nào khác có được. Với sản lượng cá tra nuôi mỗi năm hơn 1,5 triệu tấn thì lượng dầu (mỡ) cá tra thô thu được ít nhất là 180.000 tấn mỗi năm. Dầu (mỡ) cá tra thô không chứa cholesteron, chứa nhiều các axít béo không no MUFA, PUFA (lớn hơn 70%) rất thiết yếu cho cơ thể, đặc biệt là EPA, DHA (lớn hơn 0,4%), thành phần đặc biệt quan trọng đối với não người và không thể tìm thấy trong dầu thực vật. Ngoài ra, dầu cá tra còn chứa nhiều vitamin A, D, E… và các khoáng chất khác. Bên cạnh đó, do cá tra Việt Nam rất

an toàn vệ sinh để xuất khẩu đi các nước nên dầu cá cũng rất an toàn vệ sinh thực phẩm, không nhiễm vi sinh, kháng sinh cấm cũng như dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Tuy nhiên, hiện nay dầu cá tra thô (mỡ cá) đang được sử dụng lãng phí, sai mục đích. Trong khi đó, nhu cầu về dầu mỡ của người tiêu dùng trên thế giới ngày càng tăng cao, đặc biệt là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Người tiêu dùng đang ngày càng hướng về những sản phẩm an toàn và bổ dưỡng. Vì vậy, rất cần thiết phải sử dụng công nghệ tinh luyện hiện đại (tẩy sạch màu, loại hết tạp chất, đáng lưu ý là không còn mùi tanh, giữ lại trọn vẹn được các thành phần bổ dưỡng) để chuyển dầu (mỡ) cá tra thô thành dầu thành phẩm hảo hạng, phục vụ người tiêu dùng. Từ những lý do trên, IDI đã đặt hàng và tập đoàn Desmet – vương quốc Bỉ đã nghiên cứu chế tạo và chuyển giao thành công công nghệ tinh luyện mỡ cá tra hiện đại, đảm bảo cho ra những sản phẩm tốt nhất, để chiên xào hoặc ăn sống trong bữa ăn hàng ngày của mọi gia đình hay làm nguyên liệu cho ngành công nghiệp thực phẩm, dược phẩm. Nhà máy tinh luyện mỡ cá tra của công ty có công suất thiết kế là 200 tấn nguyên liệu/ngày. Giai đoạn 1 công suất 100 tấn/ngày đã đi vào hoạt động đầu tháng 7 năm 2013, tạo ra 97 tấn thành phẩm mỗi ngày. Hiện tại Công ty đã lắp ráp thiết bị của giai đoạn 2 để nâng công suất của nhà máy tinh luyện dầu lên 220 tấn/ngày (hoàn thành giai đoạn 2) sản phẩm chính của nhà máy này sẽ cung cấp ra thị trường gồm:

A. **DẦU NỀN (OLEIN):** Là thành phần lỏng thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:

A1. Cảm quan.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Vàng nhạt (3R/30Y)
2	Mùi	Dễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Lỏng, nhớt

A2. Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	≤ 10
3	E.Coli	≤ 03
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

A3. Đặc tính hóa lý.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy (^{0}C)	
2	Điểm mờ (^{0}C)	3.3^0C
3	FFA (%)	≤ 0.26
4	IV (wijs)	≥ 80
5	PV (meq O_2)	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	≤ 3.49
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện

A4. Thành phần hóa học.

Stt	Tên axít hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	3.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	22.4
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.1
8	C17:0 (Margaric)	0.3
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1

10	C18:0 (Stearic)	6.4
11	C18:1t (Petroselenic)	0.6
12	C18:1c (Oleic)	45.6
13	C18:2t (Linoleic)	0.5
14	C18:2c (Linoleic)	15.0
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.4
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	1.0
19	C22:0 (Beheric)	0.2
20	C22:1 (Cetoleic)	0.6
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.8
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.5
23	C20:5 (EPA)	0.1
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.1
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.2
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.1
27	C22:6 (DHA)	0.3
28	b-Caroten (ppm)	0.88
SFA (%)		≤ 32
MUFA (%)		≥ 50
PUFA (%)		≥ 18

A5. Công dụng:

Công nghệ tinh luyện hiện đại hàng đầu thế giới với hiệu suất thu hồi cao hơn 97%, đảm bảo lưu giữ hầu hết các dưỡng chất ban đầu đã cho phép Công ty IDI biến mỡ cá tra thô ĐBSCL thành sản phẩm dầu cá cao cấp Ranee đưa vào bếp ăn của mọi gia đình. Với cảm quan màu dầu rất đẹp, hoàn toàn không có mùi tanh và thành phần chính là các acid béo không no Omega 3, 6, 9, khoáng vi lượng canxi, vitamin E, đặc biệt là EPA, DHA dầu cá cao cấp Ranee không chỉ là một sản phẩm dầu ăn rất có giá trị cho người tiêu dùng mà còn là nguồn cung Omega 3 EPA, DHA dồi dào cho những ai cần loại dưỡng chất quí giá này. Ngoài ra không giống như cá biển, con cá tra ĐBSCL được nuôi xuất khẩu theo các tiêu chuẩn ATVSTP quốc tế nghiêm ngặt nên đương nhiên dầu cá cao cấp Ranee chiết xuất từ cá tra hoàn toàn không có nguy cơ gây mất an toàn với người tiêu dùng. Rõ ràng, sự ra đời của nhà máy tinh luyện dầu cá cao cấp Ranee của Công ty IDI đã tạo ra một tương lai mới tươi sáng hơn cho việc khai thác nguồn Omega 3 EPA, DHA vô tận từ ĐBSCL.

Theo những tài liệu khoa học được công bố, dầu cá có đến hơn 20 lợi ích đối với sức khỏe con người. Dùng dầu cá thường xuyên sẽ giúp ngăn ngừa các bệnh tim mạch, giúp điều trị huyết áp, chống béo phì, bảo vệ xương, da, mắt, tóc, móng tay, chống viêm, hỗ trợ điều trị hen suyễn, cải thiện tâm trạng, chống trầm cảm, tốt cho phụ nữ mang thai, có lợi cho hệ thần kinh, ngăn ngừa rối loạn tâm thần, tăng cường trí nhớ, hiệu quả làm việc và đặc biệt chống lại bệnh tiểu đường type 2, tăng cường hệ miễn dịch và giảm thiểu nguy cơ mắc bệnh ung thư. Trong khi đó, theo số liệu báo cáo tại các hội thảo khoa học thì thực trạng bệnh ung thư ở Việt Nam rất đáng lo ngại vì mỗi năm phát hiện mới hơn 110.000 cas/năm) và 2/3 số đó bị cướp đi mạng sống (hơn 80.000 trường hợp/năm).

Giờ đây, giải pháp đơn giản để ngăn ngừa ung thư là người Việt Nam chỉ cần thường xuyên bổ sung EPA và DHA vào cơ thể qua bữa ăn hàng ngày bằng phương pháp chiên xào bình thường bởi dầu cá cao cấp Ranee giàu Omega-3. Hơn thế nữa, trong bối cảnh một số quốc gia đang mất kiểm soát về an toàn vệ sinh thực phẩm trong lĩnh vực dầu ăn thì sự xuất hiện của dầu cá cao cấp Ranee như một tương lai đầy hứa hẹn cho người tiêu dùng.

Việc sở hữu loài cá tra basa độc tôn cũng như sự ra đời của nhà máy tinh luyện mỡ cá thành dầu ăn cao cấp Ranee đầu tiên trên thế giới đã khẳng định những giá trị mới mà Công ty IDI mang lại, không những đem đến cho người tiêu dùng một loại dầu ăn bổ dưỡng mà còn làm phong phú thêm nguồn cung Omega 3 EPA, DHA cho thế giới.

DẦU ĐẶC (STEARIN):Là thành phần đặc thu được sau khi kết thúc quá trình tinh luyện. Sản phẩm này có một số đặc tính như sau:

B1. Cảm quan.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Màu sắc	Trắng ngà (0.3R/1.7Y)
2	Mùi	Dễ chịu, không mùi tanh hay ôi khét
3	Vị	Nhạt
4	Trạng thái	Đặc, sệt

B2. Vi sinh vật.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Tổng vi sinh vật hiếu khí	$\leq 10^3$
2	Coliform	≤ 10
3	E.Coli	≤ 03
4	S.aureus	Không có
5	Salmonella (/25 ml)	Không có
6	Tổng số bào tử nấm mốc, nấm men	Không có

B3. Đặc tính hóa lý.

Stt	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Nhiệt độ nóng chảy (^{0}C)	44^0C
2	Điểm mờ (^{0}C)	
3	FFA (%)	≤ 0.16
4	IV (wijs)	≥ 57
5	PV (meq O_2)	Không phát hiện
6	AnV (ppm)	≤ 2.62
7	Độ ẩm (ppm)	Không phát hiện

B4. Thành phần hóa học.

Stt	Tên axít hữu cơ	Tỉ lệ khối lượng (%)
1	C12:0(Lauric)	0.1
2	C14:0 (Myristic)	4.0
3	C14:1 (Myristoleic)	0.1
4	C15:0 (Pantadecylic)	0.2
5	C16:0 (Palmitic)	35.3
6	C16:1t (Palmitoleic)	0.5
7	C16:1c (Sapienic)	1.0
8	C17:0 (Margaric)	0.4
9	C17:1 (Margaroleic)	0.1
10	C18:0 (Stearic)	10.5
11	C18:1t (Petroselenic)	0.8
12	C18:1c (Oleic)	33.8
13	C18:2t (Linoleic)	0.4
14	C18:2c (Linoleic)	10.1
15	C18:3t (Linolenic)	Không phát hiện
16	C18:3c (Linolenic)	0.3
17	C20:0 (Arachidic)	Không phát hiện
18	C20:1 (Eicosenic)	0.9
19	C22:0 (Beheric)	0.1
20	C22:1 (Cetoleic)	0.5
21	C20:2 (Eicosadienoic)	0.4
22	C20:3 (Eicosatrenoic)	0.2
23	C20:5 (EPA)	0.0
24	C22:3 (Docosatrenoic)	0.0
25	C22:4 (Docosatetraenoic)	0.1
26	C22:5 (Docosapentaenoic)	0.0
27	C22:6 (DHA)	0.1
28	b-Caroten (ppm)	0.85
SFA (%)		≤ 50
MUFA (%)		≥ 38
PUFA (%)		≥ 12

B5. Công dụng:

Dầu đặc thu được sau tinh luyện có màu trắng đẹp, nhiệt độ tan chảy thấp khoảng 44^0C, có thể được sử dụng để chiên các sản phẩm trong ngành công nghiệp thực phẩm như: mì ăn liền, bánh snack, khoai tây chiên, trái cây chiên đóng gói, . . . Ngoài ra, stearin là nguyên liệu chủ yếu và quan trọng nhất để chế biến shortening và magarine - sản phẩm sử dụng phổ biến trong công nghiệp thực phẩm, bánh kẹo.

Với công nghệ thiết bị hiện đại của Châu Âu, hoàn toàn tự động đã cho ra sản phẩm hoàn hảo và chính thức được bán trên thị trường trong nước tháng 12 năm 2014. Bộ phận kinh doanh của chúng ta cũng đã tìm các đối tác lớn từ trong cũng như ngoài nước để xúc tiến trong việc bán hàng và kết quả nhận được cũng rất ấn tượng. Từ những yếu tố như trên Công ty cố gắng đưa nhà máy lên hoạt động 100% công suất và đã nâng công suất lên 220 tấn nguyên liệu/ngày trong năm 2017.

3.1.6) Nâng công suất hoạt động nhà máy chế biến thức ăn thủy sản:

Hiện tại mỗi năm Công ty IDI chúng ta đã tiêu thụ thức ăn thủy sản với doanh số hàng năm lên đến gần 2.500 tỷ đồng và con số này tiếp tục được nâng lên cùng với sự phát triển của công ty. Trước tình hình như vậy Ban điều hành cũng đã đưa ra kế hoạch đầu tư nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và đã được khởi công vào ngày 10/10/2015. Nhà máy này được đầu tư thiết bị, công nghệ hiện đại từ Châu Âu và sản phẩm dự kiến sẽ tốt hơn thức ăn thủy sản của các công ty hiện tại đang bán tại Việt Nam. Với vốn đầu tư gần 1.000 tỷ đồng và công suất thiết kế là 378.000 tấn thành phẩm/năm. Công ty đang nghiên cứu phương án đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời cho dự án và theo thiết kế nếu tận dụng hết mặt bằng của nhà xưởng, kho bãi trong nhà máy thì lượng điện sẽ cung cấp được cho ½ điện năng của toàn dự án. Như vậy so với giá điện hiện nay thì Công ty sẽ tiết kiệm chi phí rất nhiều và là cơ sở để kiểm soát giá thành cho sản phẩm của chúng ta để cạnh tranh với các Công ty khác. Ngày 21/11/2017 nhà máy này đã chính thức hoàn thành và đi vào hoạt động sản xuất. Dự án này tận dụng từ nguồn nguyên liệu là bột cá từ nhà máy Trisedco đảm bảo cho nhà máy có được nguồn nguyên liệu ổn định để sản xuất thức ăn thủy sản cho cá có vẩy. Bên cạnh đó với công suất thiết kế như trên thì cơ bản vẫn đảm bảo để nhà máy sản xuất đủ thức ăn cho vùng nuôi cá tra của công ty. Như vậy chuỗi sản xuất thủy sản của Công ty IDI chúng ta đang dần được khép kín. Từ đó góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm đầu ra và sản phẩm của chúng ta có tính chất cạnh tranh hơn so với các đối thủ.

Lễ khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản

3.1.7 Xây dựng nhà máy sản xuất bao bì thủy sản:

Hiện tại trong chuỗi sản xuất thủy sản của IDI gồm 2 nhà máy chế biến đông lạnh xuất khẩu và đang chuẩn bị đầu tư thêm 1 nhà máy mới, 1 nhà máy chế biến phụ phẩm và đang tiếp tục được mở rông nâng công suất lên gần 600 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy tinh luyện dầu ăn với công suất 220 tấn nguyên liệu/ngày, 1 nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất 378.000 tấn/năm. Với số lượng và nhu cầu của các nhà máy này, hàng năm trong chuỗi cần mua hàng trăm tỷ đồng bao bì các loại. Chính vì nhu cầu này mà để quản lý chuỗi sản xuất hiệu quả, tiết kiệm giá thành, tăng tính cạnh tranh cho các sản phẩm của Công ty. Ban điều hành đã trình HĐQT về kế hoạch đầu tư dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm đáp ứng nhu cầu trên cũng như cung cấp bao bì các loại cho cả thị trường ở khu vực ĐBSCL. Với định hướng đầu tư dự án hiện đại, tự động hóa nhằm kiểm soát giá thành tốt nhằm giảm giá thành sản phẩm của Công ty tăng tính cạnh tranh với các đối thủ cùng ngành. Tổng giá trị của dự án đầu tư dự kiến khoảng 200 tỷ đồng, với quỹ đất sẵn có thì dự án có thể được khởi công trong Quý IV/2018 và dự kiến hoàn thành trong năm 2020. Khi dự án hoàn thành thì một phần ổn định trong chuỗi sản xuất thủy sản, phần còn lại cũng góp phần nâng doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty lên đáng kể, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.8 Xây dựng nhà máy chế biến thủy sản số 3:

Bên cạnh việc đầu tư kho lạnh số 3 dự kiến sẽ hoàn thành trong Quý IV/2018, được xây dựng bằng nguồn vốn tự có, với sức chứa thiết kế là 10.000 tấn để giảm chi phí thường xuyên phải thuê lưu kho, bãi hàng ngày, đồng thời để đáp ứng nhu cầu mua tăng cao của Khách hàng, do công suất tối đa của nhà máy chế biến thủy sản số 1 và số 2 không đáp ứng đủ số lượng lớn đơn đặt hàng của khách hàng năm 2017, thì Ban điều hành đã trình HĐQT về kế hoạch đầu tư dự án nhà máy chế biến thủy sản số 3. Nhằm đáp ứng các nhu cầu trên cũng như kế hoạch phát triển bền vững và lâu dài trong những năm tiếp theo. Tổng giá trị của dự án đầu

tư dự kiến khoảng 500 tỷ đồng, công suất thiết kế là 450 tấn/12 giờ, với quỹ đất sẵn có thì dự án có thể được khởi công trong Quý II/2018 và dự kiến hoàn thành trong năm 2019.

3.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Tiếp tục phát triển toàn diện con cá tra, cá basa và đầu tư quỹ bất động sản theo hướng bền vững, thành một ngành sản xuất hàng hóa lớn, tổ chức sản xuất hợp lý, có năng suất, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu uy tín, có khả năng cạnh tranh cao và hội nhập vững chắc vào kinh tế thế giới. Đồng thời từng bước nâng cao trình độ chuyên môn, đời sống vật chất và tinh thần cho CB-CNV, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

- Đổi mới và ứng dụng khoa học công nghệ trong nuôi trồng và chế biến thủy sản, bảo quản sản phẩm để giảm tổn thất sau sản xuất. Hình thành các vùng nuôi công nghiệp tập trung có quy mô diện tích lớn theo tiêu chuẩn GlobalGAP, ASC, BAP phù hợp với từng thị trường, tạo sản lượng cá tra công nghiệp lớn phục vụ xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, gắn với truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu thủy sản uy tín, chất lượng cao.

- Tập trung đối tượng có thị trường tốt, đã có truyền thống, có thương hiệu, chủ động sản xuất giống và quy trình sản xuất. Áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, công nghệ cao vào sản xuất giống, tập trung nguồn lực để tạo nguồn giống sạch bệnh, trước hết đối với con cá tra.

- Giữ vững thị phần trên các thị trường lớn (EU, Nam Mỹ, Trung Quốc, . .), đồng thời không ngừng mở rộng thị trường để tăng thị phần trên các thị trường tiềm năng khác (Nga, Trung Đông, Ấn Độ, các nước Đông Âu, Trung Mỹ, Châu Phi, Canada, Asean và Úc..). Bên cạnh đó, củng cố và phát triển chế biến thủy sản nội địa, mở rộng thị trường trong nước trên cơ sở đa dạng hóa các sản phẩm để phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của người Việt Nam đối với sản phẩm cá tra, và cả dầu cá.

- Tổ chức sản xuất thủy sản liên hoàn theo chuỗi giá trị sản phẩm. Hình thành hệ thống kênh phân phối thủy sản trong và ngoài nước. Xây dựng mối quan hệ liên kết, chia sẻ lợi ích giữa các công ty, người nuôi, nhà khoa học nhằm tạo môi trường thuận lợi nâng cao hiệu quả sản xuất. Đặc biệt chú trọng giám sát các cơ sở chế biến thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y phục vụ nuôi thủy sản, đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các công đoạn trong chuỗi giá trị của quá trình sản xuất thủy sản, đồng thời tạo sự công bằng giữa các thành phần kinh tế và giữa các lực lượng lao động tham gia sản xuất thủy sản.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I/ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Kế hoạch Năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tăng giảm so với năm 2016		Tăng giảm so với kế hoạch	
				Số tuyệt đối	%	Số tuyệt đối	%
Doanh thu thuần	4.041.173	3.557.991	5.328.502	1.287.329	31,85%	1.770.511	49,76%
Tổng lợi nhuận sau thuế	99.550	177.836	342.892	243.342	244,44%	165.056	92,81%

➢ Doanh thu thuần năm 2017 so với năm 2016 tăng 1.287 tỷ đồng tương ứng với 31,85% . Nguyên nhân là do trong năm 2017 công ty chúng ta phát triển thị trường mới rất tốt đặc biệt là thị trường Trung Quốc... Bên cạnh việc giữ vững thị trường truyền thống từ đó làm cho việc bán hàng của chúng ta thuận lợi hơn. Ngoài ra do trong năm vừa qua chúng ta bổ sung thêm sản phẩm mới đến với người nuôi cá đó chính là thức ăn thủy sản với doanh số hơn 1.000 tỷ đồng đã góp phần làm tăng trưởng doanh thu của Công ty lên đáng kể. Các thị trường xuất khẩu về bột cá và tình hình kinh doanh của Công ty Trisedco có nhiều khởi sắc cũng là một trong những nhân tố làm nên sự cộng hưởng đẩy doanh số tăng vượt kế hoạch đề ra. Như vậy hầu hết doanh thu trong năm đều đến từ việc kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất thủy sản là chủ yếu và chúng ta đang thực hiện việc cơ cấu ngành giữa các Công ty trong Tập Đoàn theo đúng kế hoạch đề ra.

➢ So với kế hoạch năm 2017 thì doanh thu chúng ta vượt kế hoạch là 1.770 tỷ đồng tương ứng 49,76%. So với các công ty cùng ngành thì tốc độ tăng trưởng bình quân qua các năm cho thấy tốc độ tăng trưởng của Công ty chúng ta khá tốt và tương đối nhanh, ổn định so với các công ty cùng ngành. Với tốc độ này trong năm 2018 có thể chúng ta sẽ vươn lên nằm trong top đầu các doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu cá tra Việt Nam. Với tốc độ tăng trưởng như thế này trước những năm được xem như là rất khó khăn trong việc xuất khẩu cá tra, đã

cho chúng ta thấy được khả năng điều hành tuyệt vời của Ban giám đốc công ty trong thời gian qua và từ đó làm cơ sở để Hội đồng quản trị cũng như Quý cổ đông tin tưởng vào sự điều hành để phát triển trong tương lai.

➢ Lợi nhuận sau thuế năm 2017 tăng 243 tỷ đồng so với năm 2016 tương ứng tăng 244,44%. Kết quả này là rất ấn tượng nó cho thấy một nổ lực rất lớn của Ban giám đốc trong năm 2017 được xem là năm còn nhiều khó khăn cho lĩnh vực cá tra khi mà nguồn nguyên liệu khan hiếm và các rào cản nhập khẩu cá tra của Mỹ và Châu Âu. Nguyên nhân của kết quả trên so với kế hoạch là do trong năm 2017 vừa qua có hàng loạt doanh nghiệp thủy sản lớn tiếp tục gặp khủng hoảng cho thấy một năm đầy khó khăn và các doanh nghiệp không đủ sức khỏe, tài chính không tốt kết hợp chưa có tư duy tự chủ về nguồn nguyên liệu, nên các doanh nghiệp này đã không có đủ nguyên liệu đưa vào sản xuất khiến một số nhà máy giảm mạnh sản xuất. Điều này dẫn tới lượng lớn đơn hàng từ các doanh nghiệp gặp khó khăn này đã chuyển về Công ty IDI đã nắm bắt kịp thời cơ hội trên kết hợp với khả năng tự chủ nguyên liệu đến 80% kế hoạch đặt ra, nên Ban giám đốc đã điều hành tăng tối đa công suất các nhà máy, tuy nhiên vẫn chỉ đáp ứng đủ cho kế hoạch năm 2017 và tối đa khoảng 70% các đơn hàng phát sinh thêm. Năm 2018 này nguồn tín dụng ngân hàng vẫn mở tuy nhiên việc tiếp cận vốn cũng không dễ dàng gì do hầu hết các Ngân hàng vẫn không chịu rủi ro và còn nhiều thận trọng trong việc tiếp cận với doanh nghiệp khiến một số doanh nghiệp không đủ điều kiện sẽ bị loại khỏi cuộc chơi và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có sức khỏe tốt sẽ tiếp cận với các khách hàng mới và kết quả là đẩy một lượng khách hàng truyền thống của họ sang những doanh nghiệp khỏe mạnh và biểu hiện là khách hàng của IDI chúng ta tăng lên trong năm 2017 và những tháng đầu năm 2018 là tương đối nhiều. Không những thế năm 2018 này việc thiếu hụt nguyên liệu vẫn sẽ là bài toán nan giải cho các doanh nghiệp chế biến bởi vì việc tiếp cận vốn của nông dân nuôi cá cũng như của một số doanh nghiệp yếu kém cũng không dễ dàng chút nào dẫn đến việc treo ao. Việc thiếu hụt con giống cũng là một bài toán khó mà không dễ để doanh nghiệp nào cũng khắc phục được. Trong khi đó nhận định được tình hình cũng như để ổn định sản xuất nên Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc công ty tiến hành đầu tư mạnh vào việc nuôi liên kết với nông dân. Trong năm 2018 về cơ bản IDI chúng ta tự chủ động được khoảng 95% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy với giá cá bình quân khoảng 22.000 đồng/kg. Việc thiếu hụt cá nguyên liệu sẽ đẩy giá cá nguyên liệu lên và điều không thể khác là các doanh nghiệp sẽ điều chỉnh giá xuất khẩu tăng theo, IDI cũng không ngoại lệ trong khi giá thành của chúng ta tốt thì năm 2018 này chắc chắn biên lợi nhuận của chúng ta sẽ còn được cải thiện nhiều hơn so với năm 2017.

Tóm tắt một số chỉ tiêu kinh doanh của IDI qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Doanh thu thuần	2.119.961	2.543.398	4.041.174	5.328.502
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.467	109.993	100.331	362.059
Lợi nhuận trước thuế	39.747	120.704	105.575	361.333
Lợi nhuận sau thuế	90.419	104.135	99.550	342.892
Lợi nhuận gộp	258.116	362.348	333.433	646.269

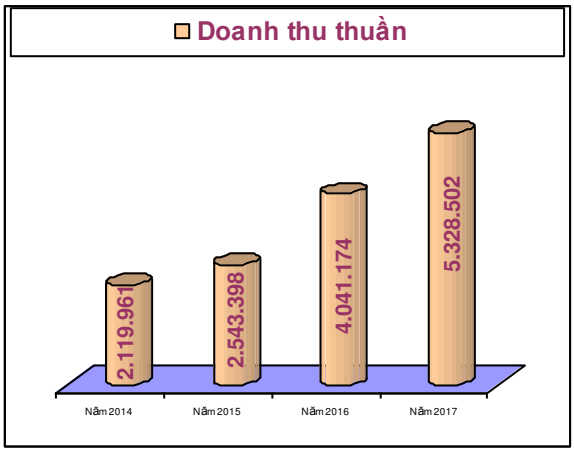

Tăng trưởng doanh thu (Đvt: triệu đồng)

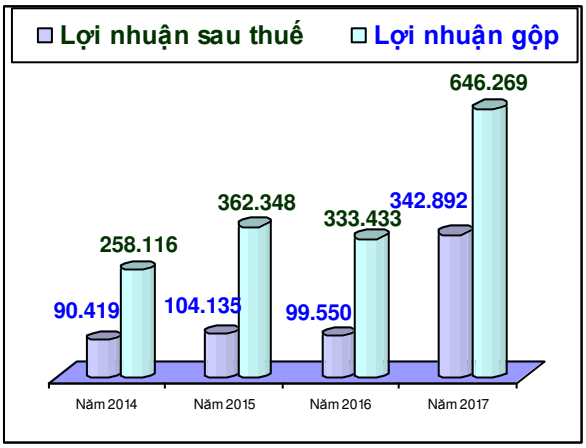

Tăng trưởng lợi nhuận (Đvt: triệu đồng)

Tóm tắt tình hình tài chính của IDI qua các năm như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Tổng tài sản	1.950.652	3.480.209	5.080.583	5.736.895
Tổng vốn chủ sở hữu	627.893	1.220.681	2.151.011	2.220.947
Nợ ngắn hạn	1.216.237	1.916.484	2.355.358	2.911.803
Nợ dài hạn	106.522	343.045	574.213	604.144

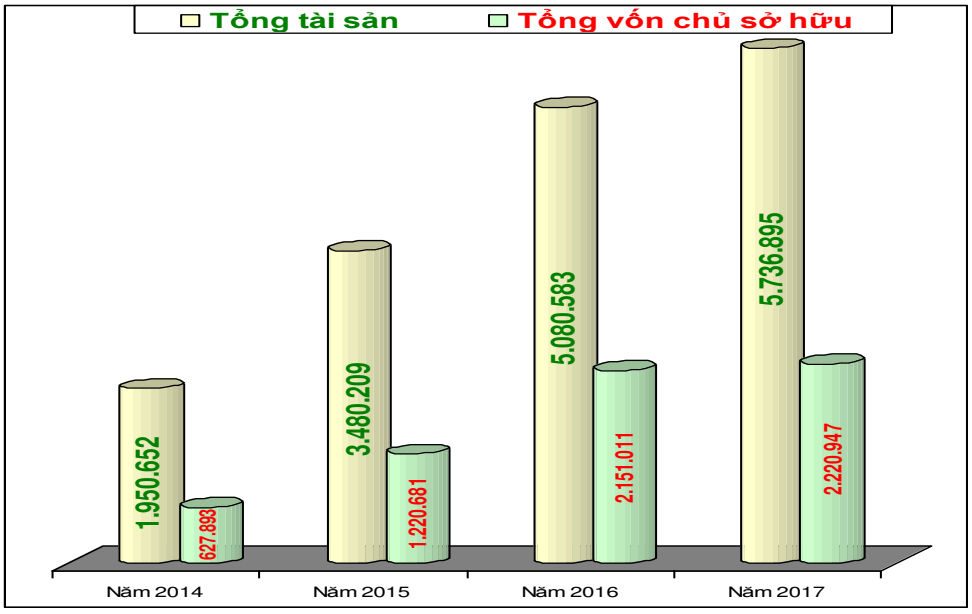

Tình hình tài sản (Đvt: triệu đồng)

* Về tình hình thực hiện đầu tư trong năm 2017 so với kế hoạch như sau:

- Dự án Nhà máy Tinh luyện dầu cá: Đã hoàn thành và đào tạo được cán bộ của công ty làm chủ công nghệ mới. Về cơ bản nhà máy đã hoàn thành hoàn toàn tự động, sản phẩm sản xuất ra hoàn hảo và đã bán trong hệ thống siêu thị Việt Nam. Trong năm 2017 sản phẩm này đã được phân phối với độ phủ kín trên cả nước Việt Nam và sớm chiếm lĩnh thị trường Thế giới. Trong năm 2017 để chuyên môn hóa sản xuất thì chúng ta đã chuyển nhượng dự án này

cho Công ty CP Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản (Trisedco mã chứng khoán: DAT) đồng thời chúng ta cũng nâng tỷ lệ sở hữu Công ty Trisedco lên gần 80 % và trở thành Công ty con của IDI. Hiện tại dự án này được bổ sung dây chuyền chiết rót đóng chai hoàn toàn tự động được nhập từ Châu Âu và đang được Công ty Trisedco khai thác. Trong năm 2017 Công ty Trisedco cũng đã tiếp tục làm việc và ký hợp đồng với Tập Đoàn Desmet để nâng công suất nhà máy lên 220 tấn nguyên liệu/ngày. Với Công nghệ hiện đại thì dầu cá Ranee sẽ sớm chiếm lĩnh thị trường và thay đổi ý thức người tiêu dùng về một dầu ăn dinh dưỡng sạch.

Nhà máy tinh luyện dầu IDI với công nghệ thiết bị được nhập hoàn toàn từ Châu Âu

- Ngày 21/11/2017 chúng ta đã hoàn thành dự án nhà máy chế biến thức ăn thủy sản theo kế hoạch đề ra với tổng vốn đầu tư dự án gần 1.000 tỷ đồng. Đây là một dự án trọng điểm trong chuỗi sản xuất thủy sản khép kín của chúng ta. Với công nghệ hiện đại được nhập khẩu từ Châu Âu thì chắc chắn sẽ sản xuất ra sản phẩm chất lượng tốt hơn so với các Công ty cùng ngành, từ đó đóng góp đáng kể trong tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận trong những năm tới. Bên cạnh đó dự án cũng được nghiên cứu đầu tư thêm hệ thống điện năng lượng mặt trời và theo ước tính mỗi kw điện có giá thành chỉ tương đương 50% giá điện mà Công ty phải mua như hiện nay. Đây sẽ là cơ sở để kiểm soát giá thành tốt nhất từ đó làm cho sản phẩm của chúng ta có tính cạnh tranh và hiệu quả hơn. Khi dự án hoàn thành sẽ cho ra doanh số hàng năm ước tính trên 4.000 tỷ đồng và cho lợi nhuận hàng năm từ gần 400 tỷ mỗi năm.

* Kế hoạch cũng như định hướng đầu tư sắp tới như sau: Đẩy nhanh tiến độ và hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản cụ thể như sau:

- Nhanh chóng tiến hành đầu tư nhà máy bao bì. Dự kiến với quỹ đất sẵn có, chúng ta sẽ khởi công dự án này trong giai đoạn Quý IV năm 2018. Khi nhà máy bao bì hoàn thành thì chúng ta cũng không phải đi mua mỗi năm hàng trăm tỷ đồng bao bì cho việc chế biến cá tra fillet xuất khẩu và việc chế biến dầu ăn, bao bì cho thức ăn thủy sản, bột cá… Và con số trên cũng sẽ lớn dần sau mỗi năm theo sự phát triển của công ty.

- Bên cạnh việc kho lạnh số 3 chuẩn bị hoàn thành trong Quý IV/2018, được xây dựng bằng nguồn vốn tự có, với sức chứa thiết kế là 10.000 tấn để giảm chi phí thường xuyên phải thuê lưu kho, bãi hàng ngày, đồng thời để đáp ứng nhu cầu mua tăng cao của Khách hàng, do công suất tối đa của nhà máy chế biến thủy sản số 1 và số 2 không đáp ứng đủ số lượng lớn đơn đặt hàng của khách hàng năm 2017, khi nhà máy chế biến thủy sản số 3 hoàn thành sẽ đáp ứng các nhu cầu trên cũng như kế hoạch phát triển bền vững và lâu dài trong những năm tiếp theo.

- Xây dựng trung tâm giống chất lượng cao và hiện đại, với đội ngũ chuyên gia nghiên cứu có thể ứng dụng công nghệ sinh học phát triển những gen tốt để cho ra cá tra giống tốt. Mục tiêu cụ thể là sản phẩm cá tra giống sẽ cho chất lượng thịt tốt hơn, tỷ lệ thịt cao hơn và thời gian nuôi ngắn hơn, sức đề kháng tốt hơn... để cung cấp giống cho vùng nuôi cá của công ty góp phần hạ giá thành trong việc nuôi cá và đây sẽ là chìa khóa mới cho Công ty để bước vào giai đoạn phát triển mới.

- Trong 5 năm sau chúng ta phải có vùng nuôi tập trung khoản 450 hecta đáp ứng đủ các yêu cầu khắt khe về nuôi cá và đạt tiêu chuẩn của các nước như: Nhật, Châu Âu, Mỹ....Việc Công ty có thể phát triển tốt và bền vững hay không thì yếu tố này cũng không thể thiếu khi bước vào giai đoạn mới.

- Dự án khu liên hợp công nghiệp và cảng biển quốc tế IDI: Với vị trí địa lý là trung tâm của vùng ĐBSCL nhưng hiện tại chưa có cảng xuất nhập khẩu nào hoạt động hiệu quả và khai thác được tiềm năng này của vùng. Hầu hết việc xuất hàng đi nước ngoài của vùng phải vận chuyển hàng lên Cảng Sài Gòn, Cảng Cát Lái tốn kém chi phí vận chuyển....Vì thế Công ty cũng đang xúc tiến các thủ tục cũng như thu xếp nguồn vốn, tìm đối tác để sớm triển khai dự án này song song với việc thúc đẩy phát triển kinh tế vùng theo chủ trương của Chính Phủ.

II/ NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM

Ngày 22/12/2017 Công ty chi trả cổ tức năm 2015 là 3% và năm 2016 là 4% ,tổng cộng là 7%/ cổ phiếu bằng tiền mặt.

Ngày 26/12/2017 Công ty tạm ứng cổ tức năm 2017 bằng tiền để chi trả cổ tức 8%/cổ phiếu bằng tiền mặt.

Cuối năm 2017 Công ty quyết định xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tăng tỷ lệ nắm giữ trên 51% đến mức tối đa có thể, trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

III/ TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

** Triển vọng kinh tế vĩ mô thế giới:*

Các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế dự báo, kinh tế thế giới năm 2018 sẽ đạt mức tăng trưởng cao hơn năm 2017. Các chuyên gia của IMF cũng nhận định, kinh tế thế giới năm 2018 sẽ đạt mức tăng trưởng khoảng 3,7% (so với mức tăng 3,6% của năm 2017), trong đó, các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển tăng trưởng mạnh mẽ với tỷ lệ 4,9%, trong khi các nước phát triển chỉ đạt 2%.

Theo dự báo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), tỷ lệ tăng trưởng của Ấn Độ và Trung Quốc trong năm 2018 vẫn tiếp tục dẫn đầu thế giới với con số tương ứng là 7% và 6%. Dự báo, năm 2019, tỷ lệ tăng trưởng của Ấn Độ tăng lên mức 7,4% trong khi tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc sẽ đạt mức 6,4%. Các chuyên gia kinh tế nhận định, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao nhất trên thế giới là Ấn Độ trong năm 2018 và 2019 chủ yếu nhờ tiêu dùng.

Các nước khác cũng thuộc nhóm có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới là Ghana, Ethiopia, Uzbekistan, Nepal, Djibouti, Lào, Campuchia, Myanmar và Philippines. Năm quốc gia trong khu vực Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia, Philippines, Thái Lan và Việt Nam) được dự báo có thể đạt mức tăng trưởng 5,2% trong năm 2018. Ngược lại, Nhật Bản và Brazil là 2 quốc gia được dự báo có mức tăng trưởng thấp nhất giống nhau (0,7%) trong năm 2018.

Nguyên nhân dẫn tới mức tăng trưởng thấp ở Nhật Bản là do tiêu dùng cá nhân thấp, trong khi tỷ lệ thất nghiệp gia tăng, lao động thiếu hụt do dân số bị già hóa cùng với những bất ổn trong nội tại nền kinh tế. Hai tổ chức IMF và OECD có mức dự báo giống nhau khi dự báo tốc độ tăng trưởng của Hoa Kỳ và châu Âu năm 2018 lần lượt là 2,3% và 1,9%. Năm 2018, Anh được dự báo đạt mức tăng trưởng khoảng 1,5%, giảm 0,2% so với mức tăng trưởng của năm 2017, do tiến trình Brexit đang được Chính phủ hiện thực hóa.....

**** Triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước:***

Thuận lợi đầu tiên cho sự phát triển khi bối cảnh kinh tế thế giới đang trong quá trình phục hồi, nền kinh tế thế giới xu hướng ổn định và phát triển nhanh. Điều này tác động đến nền kinh tế nước ta khi độ mở của nền kinh tế rất lớn, năm 2017 xuất nhập khẩu đạt trên 400 tỷ USD do vậy bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng phục hồi là yếu tố, môi trường hỗ trợ lớn cho kinh tế của ta. Đáng chú ý, diễn đàn kinh tế thế giới xếp hạng năng lực cạnh tranh của Việt Nam tăng 5 bậc, lên thứ 55/137; Ngân hàng Thế giới xếp hạng về môi trường kinh doanh của Việt Nam tăng 14 bậc, lên thứ 68/190 quốc gia, vùng lãnh thổ.

Thứ hai, cùng với quá trình mở cửa hội nhập kinh tế quốc tế, năm 2017 thành công của APEC đưa hội nhập gần gũi hơn, các cam kết đầu tư, quan hệ thương mại song phương đa phương được mở rộng là môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam.

Thứ ba, quá trình cải cách kinh tế trong nước trong những năm vừa qua đã chú trọng cải cách hành chính, tạo lập môi trường đầu tư hấp dẫn, cơ sở hạ tầng tăng nhiều. Môi trường chính trị ổn định, hạ tầng được cải thiện, môi trường kinh doanh, cải cách hành chính phát

triển là "mảnh đất màu mỡ hơn" trong thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước. Đó là những cơ hội để đảm bảo phát triển kinh tế tiếp tục đà tăng trưởng tương đối cao.

Theo các chuyên gia thế giới, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2018 có thể đạt mức 6,5% cùng với sự ổn định về kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn có nhiều tiềm năng tăng trưởng nhất định và có thể vượt qua con số này bởi ngành chế tạo đang phát triển rất tốt, cùng với đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Môi trường thuận lợi này tạo cơ hội thúc đẩy và làm sâu sắc hơn các chính sách kinh tế táo bạo, giúp tăng khả năng phục hồi kinh tế và hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai. Sự phục hồi kinh tế vĩ mô của Việt Nam được kỳ vọng sẽ được củng cố mạnh mẽ hơn nhờ sự điều chỉnh linh hoạt tỷ giá hối đoái, sự tích trữ nhiều hơn nữa dự trữ ngoại hối, sự cải thiện về củng cố tài chính, các bước đi nhằm củng cố sự ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam thời gian tới cần được thực hiện song song với cải cách cơ cấu, từ đó giúp nâng cao tiềm năng tăng trưởng kinh tế cũng như năng suất lao động, cải thiện môi trường pháp lý, cải thiện các yếu tố về thị trường như đất đai, nguồn vốn…

Những thuận lợi

Theo báo cáo của Rabobank- một ngân hàng của Hà Lan, ngành **nuôi trồng thủy sản** toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 3-4% vào năm 2018, với ngành cá hồi salmon là một trong những lĩnh vực tăng trưởng mạnh.Trong khi sản lượng thủy sản của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm do những thách thức từ các vấn đề liên quan đến sức khoẻ và khí hậu, tăng trưởng ở Đông Nam Á, châu Phi và đặc biệt là Ấn Độ dự kiến sẽ tăng bù đắp cho sản lượng giảm ở Trung Quốc. Sau 3 năm với sản lượng thấp do hiện tượng El Nino gây ra, báo cáo ghi nhận rằng năm 2017 sản lượng khai thác đã có sự cải thiện đáng kể và dự báo xu hướng đi lên sẽ tiếp tục trong năm 2018.

Theo kết quả cuộc khảo sát vừa công bố của Reuters, **giá vàng** bình quân năm 2018 vào khoảng 1.300 USD/oz, tăng khoảng 3% so với năm 2017 do tác động trái chiều giữa kế hoạch tăng lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và khủng hoảng địa chính trị. Một yếu tố khác hứa hẹn sẽ tác động lớn đến giá vàng là kết quả từ việc cải cách thuế của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Ngoài ra, có một số thông tin đồn đoán nhiều khả năng Tổng thống Mỹ sẽ bổ nhiệm ông Taylor giữ chức Chủ tịch FED. Nếu quá trình cải cách đó được tiến hành, đây sẽ là một tín hiệu tích cực đối với đồng đô la Mỹ nhưng lại là điểm xấu đối với giá vàng.

Theo dự báo của Hiệp hội Thép Thế giới (WSA), trong năm 2018, nhu cầu tiêu thụ thép toàn cầu sẽ tăng 1,6% so với năm nay, lên 1,65 tỷ tấn. Trong năm 2017, tăng trưởng tiêu thụ mặt hàng này ước đạt 2,8%. Cả hai con số này đều cao hơn so với dự báo ban đầu của WSA, lần lượt là 1,3% đối với năm nay và 0,9% đối với năm tới.Trong đó, tăng trưởng nhu cầu thép của tất cả quốc gia và vùng lãnh thổ dự báo vẫn tăng; riêng châu Phi và các nước nằm ngoài khối Liên minh châu Âu sẽ giảm tiêu thụ trong năm nay. Trong đó, nhu cầu tiêu thụ thép của Trung Quốc sẽ đi ngang khi chính phủ nước này chủ trương chuyển dịch từ nền kinh tế sản xuất sang kinh tế dịch vụ.

Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra dự báo giá **dầu mỏ** có thể tăng lên 56 USD/thùng vào năm 2018, do nhu cầu "vàng đen" đang có xu hướng tăng cao và việc cắt giảm sản lượng của các nước xuất khẩu dầu mỏ. Theo báo cáo của WB, giá năng lượng thế giới, gồm dầu mỏ, khí đốt tự nhiên và than đá, sẽ tăng 4% vào năm 2018 sau khi tăng mạnh 28% trong năm nay. Giá năng lượng đang có dấu hiệu hồi phục chủ yếu là do đáp ứng nhu cầu ổn định và thị trường chứng khoán toàn cầu sụt giảm, nhưng nguyên nhân chủ yếu vẫn phụ thuộc vào việc các nhà sản xuất dầu mỏ có mở rộng sản xuất hay không.

Triển vọng "sáng" cho nông sản trong thời gian tới, với mức tăng tích cực ước khoảng 5,7% trong quý IV/2018, cao hơn nhiều so với mức tăng 3,3% trong quý IV/2017.Trong báo

cáo tháng 11/2017, Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo lượng gạo thương mại tiếp tục được dự đoán tăng 1% lên mức 42,3 triệu tấn trong năm 2018.
Trong đó, Ấn Độ và Thái Lan vẫn tiếp tục là hai nước xuất khẩu gạo lớn nhất, còn Trung Quốc và Nigeria sẽ là hai thị trường nhập khẩu gạo hàng đầu thế giới.

Theo báo cáo "Tình hình và những triển vọng của nền kinh tế thế giới năm 2018" của Liên Hợp Quốc, năm 2017 **kinh tế thế giới** đạt mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011 và mức tăng trưởng này sẽ tiếp tục được duy trì trong các năm 2018 và 2019. Sở dĩ nền kinh tế toàn cầu đạt được mức tăng trưởng như vậy chủ yếu là nhờ tốc độ tăng trưởng mạnh của một số nền kinh tế phát triển, Đông và Nam Á vẫn là những khu vực năng động nhất thế giới. Ngoài ra, việc các quốc gia như Argentina, Brazil, Nigeria và Nga thoát khỏi suy thoái cũng góp phần thúc đẩy tăng trưởng của kinh tế toàn cầu.

***Khó khăn và thách thứ*c**

Biến đổi khí hậu khiến cho ngành nông nghiệp đứng trước rủi ro rất lớn từ thiên tai, hạn hán. Trong khi đó, môi trường kinh tế thế giới trong năm 2018 cũng sẽ có nhiều bất định, ảnh hưởng đến khả năng dự báo và mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô của Việt Nam.

Việc Mỹ cắt giảm thuế thu nhập doanh nghiệp từ 35% xuống còn 21%, các khoản đầu tư nước ngoài của các nhà đầu tư Mỹ mà chuyển về nước cũng chỉ bị đánh thuế 10,5%. Điều này dẫn đến lo ngại các doanh nghiệp của Mỹ lâu nay hoạt động ở nước ngoài, trong đó có Việt Nam, sẽ chuyển tiền về nước thay vì lâu nay họ giữ lại để tái đầu tư. Điều đáng lo ngại hơn, sau khi Mỹ giảm thuế khả năng một số nước phát triển có thể giảm thuế để cạnh tranh với Mỹ. Làn sóng này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến điều hành kinh tế vĩ mô của Việt Nam. Nhất là khi chúng ta tham gia hiệp định tự do thương mại phải cắt giảm thuế suất nhập khẩu. Để bù ngân sách hụt do giảm thuế Bộ Tài chính đề xuất tăng 5 loại thuế.

Lạm phát năm 2018 sẽ chịu áp lực chủ yếu từ việc điều chỉnh tăng giá dịch vụ công và giá thực phẩm. Giá dịch vụ công năm 2018 tiếp tục được điều chỉnh theo lộ trình tăng giá giai đoạn 2016 - 2020 cho nên được dự báo đóng góp vào lạm phát tổng thể tương đương năm 2017, khoảng 2 đến 2,5 điểm %. Việc điều chỉnh giá dịch vụ khám, chữa bệnh không thuộc quỹ Bảo hiểm y tế tại 18 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, việc điều chỉnh mức lương cơ sở trong tính toán giá dịch vụ y tế cũng sẽ tác động vào CPI.

Bên cạnh đó, giá nhóm dịch vụ giáo dục sẽ tiếp tục tăng 8% đến 10% trong năm 2018, tác động khoảng 0,3% vào CPI chung của năm nay. Giá điện tăng 6,08% từ ngày 1-12-2017 dự kiến sẽ tác động trực tiếp làm tăng CPI năm 2018 khoảng 0,1% và sẽ tác động gián tiếp tới giá thành các mặt hàng khác sử dụng điện là chi phí đầu vào. Dự báo giá dầu thô thế giới bình quân năm 2018 sẽ trong khoảng từ 50 đến 55 USD/thùng, giá xăng dầu thành phẩm sẽ ở mức từ 66 đến 70 USD/thùng, tăng từ 5% đến 10% so với bình quân năm trước, sẽ khiến giá xăng dầu trong nước biến động.

**** Triển vọng ngành cá tra fillet xuất khẩu*:**

Năm 2017, diện tích nuôi cá tra của cả nước đạt hơn 6.000 ha, sản lượng 1,78 triệu tấn, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1,85 tỷ USD, tăng 4.3% so với cùng kỳ 2016. Tuy nhiên, giá trị xuất khẩu sang hai thị trường quan trọng là Mỹ và EU đã giảm lần lượt là 11% và 22,3%, theo số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP).Trong khi đó, thị trường Trung Quốc đạt 420 triệu USD, tăng 37% so với cùng kỳ năm 2016.

Năm 2017 cũng chứng kiến sự thay đổi về cơ cấu tỷ trọng của các thị trường nhập khẩu cá tra từ Việt Nam, trong khi các thị trường Mỹ và EU tiếp tục giảm thì thị trường Trung

Quốc, ASEAN hay Trung Đông, Nhật Bản có dấu hiệu tăng mạnh. Đặc biệt, Trung Quốc đã vượt qua Mỹ để trở thành thị trường nhập khẩu cá tra lớn nhất của Việt Nam và thị trường ASEAN được dự đoán sẽ sớm vượt qua EU để trở thành thị trường nhập khẩu cá tra lớn thứ 3 (sau Trung Quốc và Mỹ) .

Tuy nhiên, một số nhà máy chế biến cá tra hiện nay đang phải giảm công suất, chế biến cầm chừng do thiếu hụt nguyên liệu. Hiện giá cá tra nguyên liệu mua tại ao ở Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) loại 1kg/con ở mức 29.000 – 31.000 đồng/kg. Mức giá này được dự báo sẽ còn tăng trong thời gian tới do sản lượng cá cung cấp cho các nhà máy chế biến hiện chỉ đạt 40%, tương đương hơn 2.000 tấn/ngày, thiếu hụt khoảng 2.500 tấn/ngày. Ngoài ra, giá cá tra giống cũng tăng gấp 3 lần so với trước đây. Hiện giá cá giống loại 25 con/kg đã lên đến hơn 60.000 đồng/kg song cũng không cung ứng đủ cho thị trường.

Vấn đề quy hoạch và liên kết

ĐBSCL là vùng nuôi cá tra chính của nước ta. Trước đây, có 10 tỉnh thả nuôi cá tra, nhưng hiện nay, theo Hiệp hội Cá tra Việt Nam, một số địa phương đã thu hẹp hoặc không còn nuôi cá tra nữa. Chẳng hạn, tỉnh Sóc Trăng, Hậu Giang, Vĩnh Long giảm diện tích và sản lượng nuôi, tỉnh Kiên Giang hoàn toàn không còn nuôi, trong khi một số địa phương khác lại tăng diện tích và sản lượng. Thực hiện Nghị định 36/2014/NĐ-CP về nuôi, chế biến, xuất khẩu sản phẩm cá tra, một số địa phương nuôi cá tra chủ lực như Sóc Trăng, Vĩnh Long, Bến Tre, Đồng Tháp đã ban hành quy hoạch vùng nuôi, một số địa phương khác cũng bước đầu hoàn thiện công tác rà soát quy hoạch vùng nuôi, góp phần định hình bản đồ quy hoạch vùng nuôi cá tra của cả nước, giúp nâng cao công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất của chính phủ đối với hoạt động nuôi cá tra.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp chế biến cá tra cũng đã dần hình thành vùng nuôi nguyên liệu tự chủ, đảm bảo các điều kiện tiêu chuẩn kỹ thuật nguyên liệu cũng như ổn định nguyên liệu đầu vào phục vụ cho chế biến xuất khẩu, đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm của các thị trường xuất khẩu khó tính, nâng cao chất lượng và giá thành của sản phẩm cá tra của Việt Nam.

Ngược lại, nông dân nuôi cá tra lại tương đối dè dặt trong việc thả nuôi cá tra. Sau những khó khăn liên tiếp từ vài năm gần đây, người nuôi cá tra rơi vào cảnh cạn kiệt nguồn lực hoặc khá thận trọng trước quyết định thả nuôi vụ mới. Do đó, dù giá nguyên liệu đang tăng cao, song nhiều người nuôi vẫn không mặn mà thả giống vụ mới do lo ngại không biết giá còn duy trì được cho đến khi thu hoạch vụ mới hay lại rơi vào cảnh "được mùa mất giá". Một trong những nguyên nhân của hiện tượng trên là do khả năng liên kết giữa người nuôi và doanh nghiệp chế biến còn kém. Chuỗi liên kết giữa doanh nghiệp và người nuôi chưa nhiều, chưa chặt chẽ, nhiều hộ còn gặp khó khăn trong việc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp chế biến. Nguyên nhân đến từ cả 2 phía, doanh nghiệp và hộ nuôi. Có trường hợp doanh nghiệp không tái đầu tư cho người nuôi vụ kế tiếp, song cũng có trường hợp hộ nuôi tự ý phá hợp đồng, bán sản phẩm ra bên ngoài khi thấy được giá dẫn đến tình trạng trên.

Con giống cũng là vấn đề cần được tháo gỡ ngay nếu muốn đạt được mục tiêu đề ra cho ngành cá tra năm 2018. Hiện nay, cá tra giống đang thiếu hụt nghiêm trọng tại ĐBSCL. Nguyên nhân do giá cá tra giống sụt giảm mạnh vào cuối năm 2016 đã khiến nhiều trại ương đồng loạt ngừng sản xuất, chờ giá tăng, khiến sản lượng cá giống sụt giảm đột ngột. Đến khi giá cá tăng trở lại thì sản xuất không kịp cung ứng cho thị trường. Cộng thêm những diễn biến không thuận lợi của thời tiết trong những tháng đầu năm 2017 lại càng ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất cá giống.

Cùng với đó, các nhà khoa học cũng chỉ ra vấn đề tồn tại hiện nay của các cơ sở ương nuôi cá tra giống, đó là tỷ lệ sống trong quá trình ương nuôi cá tra giống đang giảm. Minh chứng cho vấn đề này là sản lượng cá bột tăng nhưng cá giống không tăng. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, trước hết là do mật độ ương quá cao nên thức ăn tự nhiên ban đầu cho cá bột không đủ, môi trường ao ương không đảm bảo.

WELCOME TO SAO MAI GROUP
LỄ KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG BAO TIÊU CÁ TRA GIỐNG

Tháo gỡ khó khăn

Có thể nói tình hình quy hoạch nuôi chắc chắn sẽ được cải thiện sau khi các địa phương hoàn thành quy hoạch vùng nuôi, từ đó chấn chỉnh dần hoạt động thả nuôi của người dân, không để tái diễn hiện tượng tự phát, mạnh ai nấy làm như thời gian vừa qua. Tuy nhiên, Chính phủ vẫn cần phải tăng cường hơn nữa liên kết giữa người nuôi và doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp và người nuôi hợp tác hiệu quả, bền vững để đạt mục tiêu cùng có lợi.

Đối với vấn đề con giống và vật tư, cơ quan quản lý nhà nước cần có thêm các chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất giống cá tra mở rộng quy mô, giúp các doanh nghiệp tiếp cận với công nghệ, kỹ thuật để nâng cao chất lượng con giống, kiểm tra, kiểm soát chất lượng con giống chặt chẽ hơn. Cần phải hoàn thiện quy trình kỹ thuật ương giống, nâng cao năng lực quản lý, cần có sự hỗ trợ tích cực từ ngành chức năng và sự liên kết giữa nông dân và nhà khoa học. Các nhà cung cấp thức ăn, thuốc thú y thủy sản cũng cần liên kết chặt hơn với doanh nghiệp chế biến và người nuôi cá để phân phối lợi nhuận hợp lý và chia sẻ rủi ro trong chuỗi sản xuất.

Về thị trường tiêu thụ, hiện nay Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất cho mặt hàng cá tra của Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhận định của Hiệp hội Cá tra, tuy đang có mức tăng trưởng khá cao, song Trung Quốc vẫn luôn được đánh giá là thị trường tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam. Không chỉ rủi ro trong hoạt động mua bán, thị trường Trung Quốc cũng ngày càng khó tính về chất lượng sản phẩm. Hiện thị trường Trung Quốc đã bắt đầu xiết chặt các quy định về quản lý chất lượng cá tra nhập khẩu. Do đó, các doanh nghiệp cũng cần chú ý điều này. Cần đa dạng hóa hơn nữa các sản phẩm cá tra xuất khẩu, đặc biệt là các sản phẩm chế biến và sản phẩm giá trị gia tăng cao. Theo nhận định của ngành hải quan, cá tra năm 2017 xuất khẩu với 35 loại sản phẩm, tuy nhiên, chủ yếu vẫn là cá tra đông lạnh, chiếm đến 99,2% kim ngạch; còn lại tỷ lệ quá nhỏ cá tra chế biến (cá tra tẩm gia vị, cá tra tẩm bột, cá tra cuộn hoa hồng và cá tra xiên que…). Một nghiên cứu của các chuyên gia ở Khoa Công nghệ thực phẩm (Trường ĐH Nông lâm TPHCM) cho biết, thịt phi lê chỉ chiếm khoảng 36% trọng lượng con cá. Còn lại 64% trọng lượng con cá thường được gọi là phụ phẩm, thậm chí là phế phẩm có giá trị dinh dưỡng cao, chưa được quan tâm chế biến thành sản phẩm có chất lượng. Với sản lượng cá tra một năm trên 1 triệu tấn, tiềm năng chưa được khai thác còn rất lớn.

Để làm được điều này, các doanh nghiệp chế biến cần đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm theo hướng bền vững, gia tăng giá trị cho các sản phẩm chế biến. Cùng với sự hỗ trợ của Chính phủ, các doanh nghiệp cũng cần tự nhận thức tầm quan trọng của việc cải tiến công nghệ nếu muốn tiếp tục tồn tại và phát triển trong bối cảnh hiện nay.

**** Trên những cơ sở đó, Hội đồng quản trị đã đề ra kế hoạch năm 2018 như sau:***

+ Nhanh chóng khai thác lượng vốn đầu tư đã bỏ ra, như hoạt động triệt để công suất nhà máy. Đồng thời triển khai nhanh dự án nhà máy bao bì thủy sản, nhà máy chế biến Thủy sản số 3, trung tâm nghiên cứu giống thủy sản nhằm đảm bảo quy trình sản xuất khép kín, giảm giá thành sản phẩm xuất khẩu từ đó tăng sức đề kháng cho sản phẩm của công ty trước các đối thủ cạnh tranh.

+ Tiếp tục liên kết với các hộ nuôi cá tra, đảm bảo chủ động 90-95% nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định cho nhu cầu nguyên liệu nhà máy.

+ Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu đi kèm với xây dựng và phát triển trung tâm giống chất lượng cao.

+ Mở rộng thị trường xuất khẩu Châu Phi, Nam Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, ASEAN các nước SNG, thông qua các hội chợ, chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá trên các phương tiện truyền thông nước ngoài.

+ Xây dựng một thương hiệu mạnh về thức ăn thủy sản đi kèm đó là công tác hợp tác với nông dân trên tinh thần hỗ trợ, hợp tác cả 2 cùng có lợi.

+ Thiết lập chi nhánh ở một số thị trường mới để tăng cường khả năng bán hàng như Trung Quốc, Nam Mỹ.

+ Tiếp tục giảm chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, cũng như định mức sản xuất.

+ Cải tiến và nâng cao chất lượng hàng hóa, đảm bảo xây dựng một thương hiệu đẹp với khách hàng.

+ Triệt để khai thác mọi nguồn vốn để đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Tiếp tục đào tạo và phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I/ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH &TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (đính kèm báo cáo tài chính)

1.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Cổng chính vào nhà máy Thủy Sản Đa Quốc Gia trong Cụm Công Nghiệp Vàm Cống

Năm 2017, nền kinh tế thế giới phục hồi tốt hơn, tăng trưởng kinh tế đạt 3,6% (cao hơn 0,5% so với năm 2016) nhờ sự gia tăng đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Các nền kinh tế chủ chốt đều có sự phục hồi vững chắc đóng vài trò dẫn dắt tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Tăng trưởng kinh tế Mỹ đạt gần 2,5% trong năm nhờ chi tiêu tiêu dùng, hoạt động đầu tư tăng mạnh và cán cân thương mại cải thiện. Tỷ lệ thất nghiệp giảm xuống mức thấp chỉ 4,1%, là giai đoạn có tỷ lệ thất nghiệp thấp nhất trong vòng 17 năm qua và lạm phát củng chỉ quanh mức 2%.

Kinh tế Trung Quốc đạt mục tiêu tăng trưởng 6,8% cho năm 2017 nhờ tiêu dùng nội địa tăng mạnh, xuất khẩu và sản xuất công nghiệp đạt mức cao nhất từ năm 2015..

Kinh tế Việt Nam 2017 tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, cao hơn khoảng 0,8% so với năm 2016 nhờ sự cải thiện mạnh về tổng cung của nền kinh tế. Trong năm 2017 khu vực dịch vụ đóng góp nhiều nhất nhờ kết quả tăng trưởng ấn tượng của hoạt động bán buôn bán lẻ và ngành du lịch, tiếp theo là khu vực nông, lâm, thủy sản, và cuối cùng khu vực công nghiệp và xây dựng.

Về phía IDI, Công ty vẫn tiếp tục đà phát triển ổn định và bền vững, khẳng định thương hiệu và vị thế trên thị trường Quốc Tế. Năm 2017 vừa qua, Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch		Theo kết cấu		
			Tăng/giảm	%	Năm 2016	Năm 2017	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.047.446.216.761	5.331.809.878.938	1.284.363.662.177	31,73%	100%	100%	0,00%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	6.272.360.664	4.379.439.674	-1.892.920.990	-30,18%	0,15%	0,08%	-0,07%
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.041.173.856.097	5.327.430.439.264	1.286.256.583.167	31,83%	99,85%	99,92%	0,07%
4. Giá vốn hàng bán	3.707.741.281.934	4.681.161.393.778	973.420.111.844	26,25%	91,61%	87,80%	-3,81%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	333.432.574.163	646.269.045.486	312.836.471.323	93,82%	8,24%	12,12%	3,88%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	91.358.867.256	114.958.876.816	23.600.009.560	25,83%	2,26%	2,16%	-0,10%
7. Chi phí tài chính	152.034.877.065	195.477.010.765	43.442.133.700	28,57%	3,76%	3,67%	-0,09%
Trong đó: Chi phí lãi vay	134.599.843.069	178.163.816.583	43.563.973.514	32,37%	3,33%	3,34%	0,02%
8. Chi phí bán hàng	133.533.863.455	164.216.174.982	30.682.311.527	22,98%	3,30%	3,08%	-0,22%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	41.612.890.824	39.475.534.127	-2.137.356.697	-5,14%	1,03%	0,74%	-0,29%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	100.330.948.770	362.059.202.428	261.728.253.658	260,86%	2,48%	6,79%	4,31%
11. Thu nhập khác	7.162.995.833	993.411.776	-6.169.584.057	-86,13%	0,18%	0,02%	-0,16%
12. Chi phí khác	1.918.609.756	1.719.034.158	-199.575.598	-10,40%	0,05%	0,03%	-0,02%
13. Lợi nhuận khác	5.244.386.077	-725.622.382	-5.970.008.459	-113,84%	0,13%	-0,01%	-0,14%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	105.575.334.847	361.333.580.046	255.758.245.199	242,25%	2,61%	6,78%	4,17%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.130.763.550	18.417.157.725	12.286.394.175	200,41%	0,15%	0,35%	0,19%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-105.462.482	-110.107.086	-4.644.604	4,40%	0,00%	0,00%	0,00%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	99.550.033.779	343.026.529.407	243.476.495.628	244,58%	2,46%	6,43%	3,97%
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	612	1.859	1.247	203,76%	-	-	-

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Tổng Doanh thu năm 2017 đạt 5.531 tỷ đồng tăng 1.284 tỷ đồng so với năm 2016. Với tốc độ tăng khá nhanh của doanh thu cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng cũng như mở rộng thị trường là hợp lý. Bên cạnh đó là sự chỉ đạo sâu sắc của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành đã cố gắng áp dụng nhiều chính sách linh hoạt trong việc bán hàng. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành nhưng với tốc độ phát triển trên sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng cho một tốc độ tăng trưởng vượt bật khi năm 2018 kinh tế trong nước và Thế Giới có nhiều điểm sáng thuận lợi.

Giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp: Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn 26,25% chậm hơn tốc độ tăng của doanh thu 31,73%. Nguyên nhân năm 2017 giá cá tra nguyên liệu liên tục tăng có lúc hơn 29.000 đồng/kg, đồng thời giá bán cá tra xuất khẩu tiếp tục tăng. Trong khi đó Công ty chúng ta đã chủ động đầu tư vùng nuôi cá tra nguyên liệu và nuôi liên kết với diện tích tăng từ 200 hecta lên 240 hecta (thời điểm cuối năm 2017), do đó giá vốn hàng bán tăng chậm hơn doanh thu. Đó cũng là nguyên nhân làm cho lợi nhuận gộp tăng mạnh và cũng là nguyên nhân chính mà năm 2017 IDI vượt xa kế hoạch lợi nhuận đề ra và so với năm 2016.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu hoạt động tài chính tăng 23,6 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 25,83% so với năm 2016. Kết quả này do trong năm dòng tiền kinh doanh của Công ty có nhiều thuận lợi nên Công ty có thực hiện gửi tiền có kỳ hạn đã góp phần làm tăng doanh thu hoạt động tài chính. Bên cạnh đó tỷ giá được điều chỉnh tăng khoảng 1,4% so với năm 2016 mà trong năm 2017 tổng doanh số xuất khẩu của IDI đạt 102 triệu USD cũng mang lại một khoản không nhỏ cho doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính tăng 43,4 tỷ đồng tương ứng 28,57 % so với năm 2016. Nguyên nhân là Công ty đang mở rộng sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó Công ty cũng đang tăng tốc mở rộng đầu tư để hoàn thiện hàng loạt các dự án như: Dự án nhà máy chế biến thức ăn, nhà máy thủy sản số 3, nhà máy bao bì thủy sản….Chính vì vậy mà chi phí tài chính của Công ty có tăng hơn so với năm 2016.

Chi phí bán hàng: Chi phí bán hàng tăng 30,6 tỷ đồng với tỷ lệ tăng là 22,98% so với năm 2016. Với tốc độ tăng của doanh thu 31,73% nhưng chi phí bán hàng tăng với tốc độ 22,98%. Điều này cho thấy hệ thống quản lý kiểm soát tốt khoản mục chi phí này là rất hiệu quả trong năm 2017. Ban giám đốc và bộ phận kinh doanh của Công ty luôn nhận thức rằng trước những khó khăn nhất định thì ngoài việc nắm bắt từng cơ hội cũng phải tiết kiệm từng đồng chi phí. Đây cũng thể hiện được việc tiết kiệm chi phí để mang lại hiệu quả và loại bỏ hoàn toàn các chi phí không cần thiết trong việc bán hàng. Đó là một nổ lực của bộ phận kinh doanh đã thực hiện được triệt để những chỉ đạo sâu sắc của ban giám đốc góp phần không nhỏ trong việc cải thiện kết quả kinh doanh trong năm 2017.

Chi phí quản doanh nghiệp: Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm từ 41,6 tỷ đồng năm 2016 xuống còn 39,4 tỷ đồng năm 2017, tương ứng giảm 2,2 tỷ đồng so với năm 2016. Nhìn vào kết quả cho thấy công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí này so với năm 2016 trong khi Công ty đang mở rộng nhiều dự án cũng như việc sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng hơn. Việc kiểm soát tốt chi phí này cũng như các khoản chi phí khác như là một sự cộng hưởng nhằm đem lại kết quả kinh doanh khả quan hơn vượt xa kế hoạch đề ra.

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh: Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng 261,7 tỷ đồng so với năm 2016, tương đương với tốc độ tăng 260,86%. Có được kết quả trên là do Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo thực hiện việc cơ cấu thị trường, ổn định và phát triển thị trường truyền thống trên cơ sở chủ động đầu tư được vùng nguyên liệu cho kế hoạch SXKD. Bên Cạnh đó với giá xuất khẩu tăng mạnh đồng thời các phòng ban cũng đồng thuận trong việc tiết kiệm tất cả các chi phí đã mang lại một lợi nhuận vượt kế hoạch đề ra. Kết quả này sẽ khích lệ tinh thần của CBCNV hơn nữa và cũng là động lực phấn đấu cho năm 2018 có kết quả tốt hơn.

Chi phí thuế TNDN: Hiện tại công ty đang còn ưu đãi thuế suất cũng như ưu đãi theo địa bàn đầu tư chính, vì thế lợi nhuận 343 tỷ đồng nhưng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có 18,4 tỷ đồng. Tuy nhiên xét về vị trí địa lý thì IDI chúng ta rất thuận lợi về giao thông cả đường thủy lẫn đường bộ. Việc công ty chúng ta còn được ưu đãi thuế là một ưu thế rất lớn và đây cũng là một phần quyền lợi cho Quý cổ đông.

Những thuận lợi, khó khăn :

a) Thuận lợi:

- Trong năm 2017 NHNN vẫn tiếp tục cho các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản vay USD. Việc hỗ trợ này góp phần giảm chi phí tài chính cho các doanh nghiệp.
- Thị trường xuất khẩu của công ty tương đối rộng, hàng hóa của công ty đã tạo được thương hiệu và xâm nhập giành được thị phần đáng kể tại các thị trường lớn như: Trung Quốc, Braxin, ColomBia, Mexico, Ấn Độ, Châu Âu, Các quốc gia Đông Nam Á, Arap Sau Di,…
- Lực lượng lao động bao gồm Cán bộ và công nhân viên tương đối ổn định, gắn bó lâu dài với công ty.
- Các phòng ban, bộ phận, nhà máy trong công ty đã cơ bản liên kết tốt trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Công suất nhà máy đảm bảo cho việc sản xuất để cung ứng sản phẩm nhằm đạt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó quy trình quản lý sản xuất chặt chẽ, các phòng kiểm tra chất lượng, kiểm nghiệm kháng sinh, vi sinh có các công nghệ trang thiết bị hiện đại để kiểm soát chất lượng sản phẩm.
- Năm 2017 Công ty chủ động được nguồn thức ăn thủy sản để cung cấp cho toàn bộ diện tích nuôi cũng như liên kết của Công ty với doanh số gần 1.000 tỷ đồng.
- Nguyên liệu (thức ăn thủy sản) cơ bản đáp ứng được 96,75% nhu cầu sản xuất với giá thành tương đối tốt.
- Công ty đã tạo lập được vị trí trong tốp đầu ngành chế biến xuất khẩu cá tra Việt Nam.
- Tỷ giá USD được điều hành theo hướng linh hoạt nhưng vẫn được tăng hơn 1,4% trong năm 2017.

b) Khó khăn:

- Giá cá nguyên liệu luôn biến động và khâu dự báo của công ty cũng như toàn ngành còn thụ động.
- Ngành sản xuất cá tra Việt Nam chưa xác lập được thương hiệu, uy tín về chất lượng sản phẩm trên thị trường thế giới. Các doanh nghiệp vẫn phải sản xuất theo đơn đặt hàng của các công ty thương mại trên thế giới và phải lệ thuộc vào thương hiệu và uy tín của các công ty thương mại tại các nước nhập khẩu.
- Các rào cản thương mại của các nước nhập khẩu thủy sản ngày càng gay gắt hơn nên hàng hóa của Doanh nghiệp xuất khẩu sẽ phải chịu thêm các chi phí như kiểm hàng, các tiêu chuẩn khắt khe… sẽ làm tăng chi phí tư vấn, đánh giá… dẫn tới giá thành sản xuất tăng cao giảm sức cạnh tranh sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Việt Nam nói chung và của IDI nói riêng.
- Thời tiết đang diễn biến thất thường, nhiều thiên tai dẫn đến việc nuôi cá gặp nhiều khó khăn. Cá nuôi có nhiều dịch bệnh làm chi phí tăng cao, ngoài ra thời tiết thay đổi cũng làm ảnh hưởng đến số lượng cũng như chất lượng cá giống làm giảm hiệu quả trong công tác nuôi trồng.

1.2 Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho) Nợ ngắn hạn	1,690 1,484	1,124 0,945
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,464	0,508

+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,095	1,311
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho: *(Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)*	7,641	8,959
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,795	0,929
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,025	0,064
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,046	0,154
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,020	0,064
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,025	0,068

II/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ

- Công ty cung cấp sản phẩm không xử lý phụ gia, sản phẩm đóng túi lẻ cho hệ thống nhà hàng và siêu thị, sản phẩm dưới dạng cá fillet, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v… Giảm định mức sản xuất, cắt giảm chi phí và tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm.

- Công ty đầu tư nhà máy chế biến thủy sản số 1 với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày (hoạt động trong 24 giờ) trong 03 giai đoạn:

+ G/đ 1: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 4/2008.
+ G/đ 2: Công suất TK 150 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 8/2008.
+ G/đ 3: Công suất TK 300 tấn NL/ngày, hoạt động tháng 12/2010.
+ Ngoài ra Công ty cũng đang vận hành nhà máy chế biến thủy sản số 2 của Tập Đoàn với công suất 300 tấn NL/ngày.

Công suất khai thác hiện tại gần 450 tấn nguyên liệu/12 giờ, mang về doanh thu thuần xuất khẩu và nội địa trên 102 triệu USD trong năm 2017.

BRING FLAVOR OF MEKONG RIVER WORLDWIDE
IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
CODE DL 479 - ISO 9001:2000 - HACCP - HALAL - BRC 2005 - IFS
www.idiseafood.com
idiseafood@vnn.vn
PURE SEAFOODS INC.
1370 Center Drive, Suite 206
Atlanta, GA 30338, USA
Phone: 678.803.0187
0% ATD tariff to USA.
DIPOA Nr. 0001/DL 479 to Brazil

CÁC SẢN PHẨM CỦA NHÀ MÁY THỦY SẢN

- Cơ cấu doanh thu trong năm:

CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	1.997.766.593.068	49,35%	2.836.250.440.073	53,18%
2	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	979.806.239.477	24,20%	1.436.018.711.356	26,93%
3	Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	991.845.381.066	24,50%	1.025.256.991.158	19,23%
4	Doanh thu cung cấp dịch vụ	72.025.400.059	1,77%	3.893.145.526	0,07%
5	Doanh thu bất động sản đầu tư	4.999.579.454	0,12%	30.978.446.189	0,58%
6	Doanh thu khác	1.003.023.637	0,02%	484.403.636	0,01%
Tổng Cộng		**4.047.446.216.761**	**100%**	**5.332.882.137.938**	**100%**

+ Trong cơ cấu doanh thu, lĩnh vực thủy sản giữ vị trí chủ đạo, chiếm gần 99,34% trong năm 2017.

+ Doanh thu lĩnh vực thủy sản năm 2017 tăng gần 1.328 tỷ đồng tương đương tăng 33,46% so với năm 2016. Điều đó cho thấy được tiềm năng phát triển rất ổn định và tương đối lớn của con cá tra tại Đồng bằng Sông cửu long nói chung và IDI nói riêng. Và nó được thể hiện rõ hơn khi cá tra Việt Nam xâm nhập vào thị trường Mỹ, ngành nuôi cá da trơn của Mỹ xem như một thảm họa buộc phải dựng nên các rào cản kỹ thuật để bảo hộ cho ngành cá da trơn trong nước Mỹ.

+ Còn cơ cấu doanh thu về dịch vụ, bất động sản và đầu tư xây dựng hạ tầng chiếm tỷ trọng thấp và tăng trưởng không đáng kể. Theo cơ cấu ngành của Công ty và của cả Tập đoàn ASM thì IDI chỉ tập trung cho việc hoàn thiện chuỗi sản xuất thủy sản khép kín chứ không còn tập trung vào các mảng khác như hiện nay.

- Cơ cấu chi phí trong năm:

CƠ CẤU CHI PHÍ GIÁ VỐN Đvt: VND

STT	KHOẢN MỤC	NĂM 2016		NĂM 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	1.806.143.328.983	48,71%	2.319.093.813.634	49,52%
2	Giá vốn Bột Cá, mỡ cá	946.071.099.981	25,51%	1.348.969.515.099	28,80%
3	Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	921.617.505.466	24,85%	979.442.968.732	20,91%
4	Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.167.443.297	0,89%	492.175.740	0,01%
5	Giá vốn kinh doanh Bất động sản đầu tư	(405.469.000)	-0,01%	27.354.842.653	0,58%
6	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	184.349.570	0,01%	8.000.000.000	0,17%
7	Giá vốn khác	963.023.637	0,03%	256.369.542	0,01%
Tổng Cộng		**3,707,741,281,934**	**100%**	**4.683.609.685.400**	**100%**

+ Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm lĩnh vực thủy sản chiếm tỷ trọng 99,23% trong năm 2017, tăng 973 tỷ đồng so với năm 2016. Ta thấy tốc độ tăng của giá vốn hàng hóa thành phẩm tăng là 26,50% so với năm 2016 trong khi doanh thu tăng 33,46% cho thấy được Công ty đang tập trung vào lĩnh vực thủy sản đúng với cơ cấu của Tập Đoàn và hiệu quả được cải thiện rõ rệt hơn năm 2016., nguyên nhân là do chất lượng con giống thấp nên nguồn nguyên liệu khan hiếm dẫn tới chi phí sản xuất đầu vào tăng, nhưng khi giá bán đầu ra tương đối cao hơn năm 2016. Chính vì thế mà tỷ lệ lãi gộp tăng so với năm 2016 vừa qua. Nếu xét toàn ngành thì tỷ lệ này là tương đối tốt và IDI chúng ta vẫn là một trong những doanh nghiệp hoạt động thủy sản hiệu quả nhất của ngành trong năm 2017. Đây sẽ là một tín hiệu đáng mừng cho Công ty làm tiền đề cho việc nâng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong những năm tiếp theo vì sắp tới với sản phẩm thức ăn của chúng ta tự sản xuất, chúng ta có trung tâm giống hiện đại cho ra các loại giống tốt, tự chủ bao bì thì chuỗi sản xuất thủy sản của chúng ta sẽ khép kín và là cơ sở để hạ giá thành và nâng tỷ lệ lãi gộp.

2.2 Nguyên vật liệu:

- Cá tra là nguồn nguyên liệu dễ nuôi, có thể nuôi bè, nuôi ao, nuôi trong quầng đăng, nuôi hồ và nuôi ở các cồn trên sông. Với những ưu thế về đặc tính sinh học như khỏe, dễ nuôi, ít bệnh, dễ sinh sản nhân tạo, thêm vào đó điều kiện thời tiết vùng sông Cửu Long khá phù hợp, đảm bảo việc nuôi cá có thể thực hiện quanh năm.
- Cá tra đã có mặt trên khắp thế giới là sự lựa chọn số một của giới bình dân tới trung lưu và cả giới thượng lưu. Nhu cầu cá tra trên thế giới là vô hạn có bao nhiêu cũng bán hết. Vì các nước khác ở thượng lưu sông Mêkông cũng có nuôi cá tra, nhưng số lượng rất ít không hiệu quả, không có ý nghĩa thị trường.
- GAFIN dự báo kim ngạch xuất khẩu cá tra của Việt Nam đến năm 2020 sẽ tiến gần 3 tỉ USD. Người tiêu dùng lựa chọn cá tra làm thức ăn hằng ngày, thay thế các nguồn đạm động vật khác vì các vấn đề liên quan đến bệnh tim mạch và các vụ ngộ độc thực phẩm và dịch bệnh ở thịt heo, gà, bò... Trong khi nguồn cung hải sản không thể tăng, vì khai thác biển gần như bão hòa và sản lượng ngày càng cạn kiệt.

- Giá cá tra phù hợp với mọi thành phần dân cư. Trong khi tại các nước phát triển phí môi trường, giá nhân công cao và các chính sách hạn ngạch đánh bắt đang tạo ra lợi thế lớn cho cá tra Việt Nam.

- FAO đánh giá sản lượng cá nước ngọt Việt Nam hiện đứng thứ ba thế giới, chỉ sau Trung Quốc và Ấn Độ. Vị thế độc quyền con cá tra càng cho phép chúng ta tin tưởng về một tương lai sáng lạng và một mục tiêu phát triển bền vững.

Công nhân đang chuyển cá từ ghe lên nhà máy tại bến nhập nguyên liệu

- Theo quyết định số 332/QĐ-TTG ngày 03/03/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án phát triển nuôi trồng thủy sản đến năm 2020. Thì Viện nghiên cứu Thủy sản 2 xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia về giống cá tra, cá basa để chuyển đến các Chi cục Thủy sản các tỉnh và cho nhân giống đàn cá bố mẹ có thể sinh sản được ngay sau khi chuyển giao cho các trại giống.

- Đến năm 2019, cung cấp 100% giống thủy sản cho nhu cầu nuôi, 70% giống các đối tượng nuôi chủ lực là giống sạch bệnh, chất lượng, 100% cơ sở nuôi, vùng nuôi các đối tượng chủ lực đạt

tiêu chuẩn tiên tiến về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Xây dựng và áp dụng rộng rãi công nghệ nuôi thủy sản phù hợp với điều kiện môi trường và kinh tế xã hội ở các vùng.

- Ngành cá tra trong năm 2017 tiềm ẩn không ít những rủi ro do hạn chế về chất lượng con giống, kỹ thuật chăn nuôi, chế biến cũng như khâu tiêu thụ. Chi phí sản xuất trong nước tăng cao, nguồn nguyên liệu khan hiếm, nhiều Doanh nghiệp gặp khó khăn khi tập trung xuất khẩu nhiều trên thị trường Mỹ, Châu Âu vì trong năm 2017 các thị trường này đặt ra hàng loạt rào cản gây cản trở mạnh lượng xuất khẩu cá tra Việt Nam. Điều này khiến một số Doanh nghiệp lớn và những Doanh nghiệp nhỏ không đủ năng lực sản xuất đã phải cắt giảm trên 50% giá trị xuất khẩu hoặc treo nhà máy. Sản lượng cá tra năm 2017 của các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long ước đạt 1.780 ngàn tấn, tăng 4,3% so với cùng kỳ, trong đó Đồng Tháp, An Giang, Cần Thơ là những tỉnh trọng tâm trong việc nuôi cá tra.

- Tuy nhiên Công ty IDI luôn chủ động lập kế hoạch sản xuất kinh doanh và bộ phận nuôi trồng của công ty luôn đảm bảo cung cấp được 80% nhu cầu cho nhà máy sản xuất trong năm 2017 với giá thành ổn định và tương đối thấp (bình quân khoảng 22.000 đồng/kg).

2.3 Trình độ công nghệ.

- Dây chuyền và trang thiết bị chế biến hiện đại. Chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm quốc tế. Nhà máy nằm ở trung tâm vùng nguyên liệu và nguồn nhân lực chế biến cá tra nằm trong một cụm công nghiệp riêng nên dễ dàng mở rộng phát triển.

- Vận chuyển cá nguyên liệu đến dây chuyền chế biến, đường đi của bán thành phẩm rất hợp lý, đơn giản hóa công tác quản lý và tiết kiệm chi phí. Không gian bên ngoài sản xuất gọn gàng, sạch sẽ và mỹ quan, thân thiện với môi trường.

- Thiết bị cấp đông và chế biến xuất xứ từ Nhật Bản, Châu Âu và Mỹ, hoạt động ổn định, sản xuất hàng chất lượng cao, cho phép bán tự động và tự động hóa các hoạt động sản xuất. Công nhân có kỹ năng lao động lành nghề. Cán bộ quản lý sản xuất là những người có kinh nghiệm làm việc lâu năm đem đến giá thành sản xuất hợp lý và thấp nhất.

- Đầu năm 2011 nhà máy chế biến số 1 đã hoàn thành 100% với công suất thiết kế 600 tấn nguyên liệu/ngày.

+ Nhà xưởng sản xuất 15.000 m^2, hệ thống thiết bị cấp đông, công cụ dụng cụ chế biến đáp ứng được công suất 600 tấn NL/ngày. Kho lạnh có sức chứa 4.600 tấn cá thành phẩm.

+ Hệ thống xử lý nước, cấp nước đạt tiêu chuẩn Châu Âu, công suất xử lý 240 m^3 nước/giờ. Hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn nước loại A được phép thải ra môi trường theo qui định của Việt Nam, công suất xử lý 240m^3 nước/giờ.

+ Hệ thống cấp điện, trạm điện công suất 3.750 KVA và hai máy phát điện dự phòng 3.250 KVA. Trạm cân cá với 2 bàn cân điện tử tự ghi tải trọng mỗi bàn cân 10 tấn.

+ Nhà ăn cho cán bộ và công nhân sức chứa 3.000 người. Xưởng cơ khí sửa chữa. Trung tâm kiểm nghiệm được xây dựng khang trang sạch đẹp. Hệ thống sân đường nội bộ được giữ sạch với bóng cây xanh phủ mát tạo không khí trong lành thoải mái.

+ Trụ sở làm việc đưa vào sử dụng, hoàn thành trạm phát điện thứ 2 có công suất 3.750 KVA, nhà để xe công nhân, bể chứa nước sạch 500m^3, bể ly tâm nước thải, bờ kè cập sông Lấp Vò. . . .

+ Cuối năm 2013 thì công ty cũng đã hoàn thành dự án nhà máy tinh luyện dầu cá với dây truyền, máy móc hiện đại được nhập từ Châu âu và hoàn toàn tự động. Nhà máy hoạt động dựa vào hệ thống điều khiển trung tâm gồm 4 máy vi tính được lập trình và điều chỉnh các thông số cho nhà máy dầu theo yêu cầu. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ quản lý vận hành nhà máy được Ban lãnh đạo công ty sàng lọc, đào tạo rất chuyên nghiệp. Từ trình độ chuyên môn đến phong cách làm việc cũng như tinh thần trách nhiệm rất cao và hiện tại hoàn toàn làm chủ công nghệ tinh luyện dầu có thể nói là hiện đại nhất thế giới. Hiện tại dự án này đã được chuyển giao cho Công ty con của IDI là Công ty DAT quản lý và khai thác.

+ Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản chính thức đi vào hoạt động tháng 11/2017 được đầu tư hiện đại theo chiều sâu và tự động hóa cao, với máy móc thiết bị được nhập từ Châu và các nước phát

triển nhằm đảm bảo cho sản phẩm đầu ra đạt chất lượng tốt nhất cũng như tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành tăng tính cạnh tranh hơn.

+ Đầu năm 2017 Công ty đã hoàn thành dự án hệ thống năng lượng mặt trời lắp trên mái che nhà máy đông lạnh của IDI. Đây được xem là một trong những dự án tận dụng nguồn năng lượng điện mặt trời vào sản xuất lớn nhất cả nước. Việc nhập khẩu thiết bị từ Tập đoàn Koyo của Nhật Bản cũng cho thấy Công ty IDI của chúng ta luôn đầu tư theo chiều sâu với Công nghệ hiện đại mà Công ty IDI luôn đi đầu trước các đối thủ cùng ngành.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT CÁ TRA XUẤT KHẨU

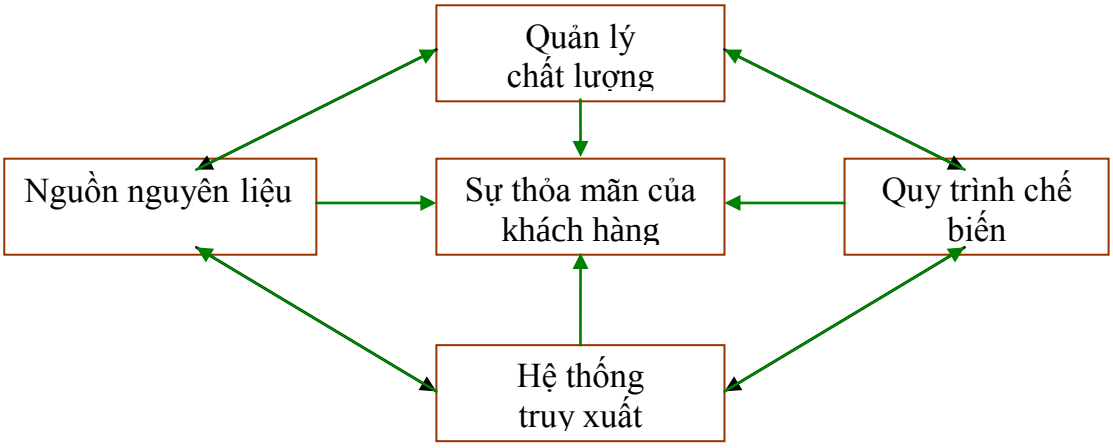

QUY TRÌNH HỆ THỐNG TRUY XUẤT

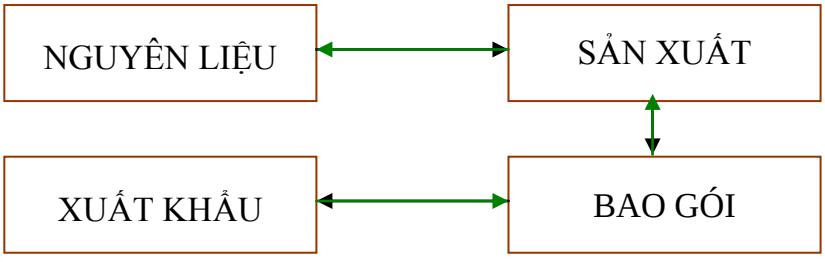

2.4 Tình hình nghiên cứu sản phẩm mới.

- Công ty sản xuất cá tra fillet xuất khẩu và phụ phẩm sản xuất thành các sản phẩm có giá trị khác như bao tử cá, bong bóng, bột cá, mỡ thô, phân bón lá, dầu cá . . . Làm tăng giá trị sản phẩm khi cung cấp ra thị trường.

- Nhà máy tinh luyện dầu cá sẽ đưa sản phẩm mới ra thị trường, nhằm nâng giá trị mỡ thô từ cá tra. Mỡ cá qua tinh luyện sẽ ngăn chặn và điều trị bệnh tim mạch, chứng căng thẳng, bệnh viêm khớp, các bệnh về viêm kinh niên khác và sự rối loạn hệ miễn dịch, đồng thời DHA là thành phần quan trọng đến sự phát triển của não. Tầm quan trọng của Omega-3, 6, 9 PUFA dẫn đến giá trị thương mại của dầu cá được tinh luyện đó là giá trị thực phẩm cho sức khỏe con người. Chất lượng và tính ổn định làm cho dầu cá ngày càng quan trọng hơn.

- Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản sẽ sử dụng triệt để bột cá do Trisedco sản xuất, nhằm cung cấp lượng thức ăn cho nuôi trồng thủy sản (cá có vẩy), tạo một dây chuyền khép kín trong chuỗi sản xuất kinh doanh.

- Nghiên cứu mua bán và chế biến gạo là mặt hàng có mức tiêu thụ ổn định, là lương thực thiết yếu đối với nhu cầu đời sống hàng ngày, khi giá biến động thì nhu cầu về lương thực của người dân vẫn không thay đổi. Lợi thế hơn nữa là nhà máy nằm ở vùng trung tâm của diện tích lúa gạo lớn nhất cả nước.

- Công ty đang xúc tiến trong việc đầu tư trung tâm giống hiện đại với khả năng ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ Gen vào việc sản xuất giống. Khắc phục những hạn chế mà hiện tại giống cá tra đang bị hạn chế để sản xuất ra giống có chất lượng cao, có sức khỏe tốt … nhằm tăng hiệu quả cho công tác nuôi trồng góp phần tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh hơn nữa trong thời gian tới.

- Công ty cũng đang nghiên cứu triển khai dự án nhà máy bao bì thủy sản nhằm sản xuất ra các loại bao bì để cung cấp cho chuỗi thủy sản của chúng ta và một số bao bì khác có thể cung cấp ra thị trường với chất lượng tốt. Dự kiến dự án này cũng mang tính đột phá về ứng dụng công nghệ mới nhằm sản xuất sản phẩm chất lượng tăng tính cạnh tranh giữa các Công ty cùng ngành.

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển đa quốc gia (Sao Mai-IDI) đã mạnh dạn đầu tư nghiên cứu để phát triển những sản phẩm mới mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Chính vì vậy mà trong năm 2017, IDI đã tiến thêm một bước dài trong việc kết nối toàn diện với Bộ khoa học và công nghệ thông qua "Lễ ký kết hợp tác chuyển giao công nghệ sản xuất các sản phẩm giá trị gia tăng con cá tra Việt Nam". Bản Hợp tác có thời hạn 5 năm kể từ ngày ký kết hướng đến tạo lợi thế cạnh tranh tuyệt đối cho con cá tra Việt Nam. Nhiều năm trước, Tập đoàn Sao Mai (Sao Mai – IDI) là Doanh nghiệp luôn biết cách tiên phong ứng dụng công nghệ mới, thành tựu KHKT để sản xuất ra sản phẩm chuyên sâu từ cá tra. Hiện nay, tiềm năng từ loài thủy sản này vẫn còn và lại một lần nữa Sao Mai-IDI lại tiếp tục đột phá để khai thác những giá trị mới từ cá tra. Không bỏ lỡ cơ hội khi trên nền tảng của mối quan hệ hợp tác với các nhà khoa học đã được xác lập từ nhiều năm, Sao Mai-IDI sẽ ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất các sản phẩm: bột cá giàu lysine, cá tra hun khói, cá hộp, xúc xích từ cá tra, sản xuất Shortening từ dầu cá, lạp xưởng cá v.v. … để tiêu thụ nội địa và phục vụ xuất khẩu. Đây sẽ là tiền đề để IDI mở rộng thị trường nội địa với doanh số ước đạt hàng ngàn tỷ đồng mỗi năm và khả năng xuất khẩu để mang về hàng tỷ USD khác ngoài việc xuất khẩu cá tra fillet như hiện nay.

Bộ trưởng Bộ NNo&PTNT Nguyễn Xuân Cường thăm và làm việc với Tập đoàn Sao Mai

Bong bóng cá khô
Fish Maw (Dried)
鱼鳔干
Vảy cá tươi
Fresh fish Fins
新鲜鱼鳍
Ức cá tươi
Fresh Fish Belly
新鲜的鱼腩
Bong bóng cá tươi
Fresh Fish Swimming Bladder
新鲜的鱼鳔
Xẩy cá tươi
Fresh Dorsal Fin
新鲜鱼背鳍
Phụ phẩm từ Cá Tra
Pangasius Filleting offal Products
巴沙鱼副产品
Bao tử cá tươi
Fresh Fish Stomach
新鲜的鱼肚

ASIA FISH OIL CORPORATION
亚洲鱼油股份公司
"Take care about your family health" 对老公好吃，对孩子好处，对家庭美妙
Ranee
UNIQUE FISH OIL
巴沙鱼油

IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
跨国发展和投资股份公司
Website: www.idiseafood.com
Email: idiseafood@vnn.vn
SHORTENING AND MARGARINE

✓Giúp trẻ phát triển não bộ.
✓Nâng cao thị lực.
✓Tốt cho hệ tim mạch.
✓Làm chậm quá trình lão hóa.
Ranee
Ranee
Dầu cá cao cấp
Ranee
RANEE TINH KHIẾT, DỒI DÀO DƯỠNG CHẤT QUÍ TỰ NHIÊN

AFO
ASIA FISH OIL CORPORATION
Address: 80 national road, An Thanh, Binh Thanh,
Lap Vo, Dong Thap, Vietnam
Phone/fax: +84673 623939
Email: tuvanhachhang@afc.com.vn
Ranee
UNIQUE FISH OIL
Ranee
Dầu cá cao cấp
Take care about your family health
IDI
IDI CORPORATION
INTERNATIONAL DEVELOPMENT & INVESTMENT CORPORATION
PURE SEAFOODS INC.

Xuất xứ: Việt Nam
Loại cá: cá Tra
Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh) /bao nhựa
Số lượng cung ứng: 1,000-1200 tấn/tháng

Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn Việt Nam
Độ đạm (%)	58 - 62
Độ ẩm (%)	10 max
Tro (%)	30 max
Độ tươi (mg/100g)	100 max
Chất béo (%)	10 max

Original: Vietnam
Species: Pangasius Fish
Packing: 50kg Net/polypropylene bag
Quantity for sales: 1000-1200 MT/month

Specification	TCVN Standard
Crude protein (%)	58 - 62
Moisture (%)	10 max
Ash content (%)	30 max
TVBN (mg/100g)	100 max
Lipid (%)	10 max

产地：越南
鱼类：巴沙鱼
包装规格：50kg（净重）/塑料袋
供应量：1,000-1,200吨/月

质量标准	越南标准
蛋白质含量(%)	58 - 62
湿度(%)	10 max
灰份(%)	30 max
新鲜度(mg/100g)	100 max
脂肪含量(%)	10 max

Bột cá | Fish meal
鱼粉

Mỡ Cá
Fish Oil
巴沙鱼油

Xuất xứ: Việt Nam
Loại cá: cá Tra
Qui cách đóng gói: 193kg/thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank
Số lượng cung ứng: 1000-1200 tấn/tháng

Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn Việt Nam
Chỉ số Acid (mgKOH/g)	3% max
Chỉ số Iodine (gI2/100g)	80 max

Original: Vietnam
Species: Pangasius Fish
Packing: 193 kg Net weight/Drum or 20 MT net weight/flexitank
Quantity for sales: 1000-1200MT/month

Specification	TCVN Standard
Acid value (mgKOH/g)	3% max
Iodine value (gI2/100g)	80 max

产地：越南
鱼类：巴沙鱼
包装规格：193kg/桶 或20吨/ flexitank
数量供应：1000-1200吨/月

质量标准	越南标准
酸价(mgKOH/g)	3% max
碘价(gI2/100g)	80 max

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

QUY TRÌNH CHẾ BIẾN CÁ TRA FILLET

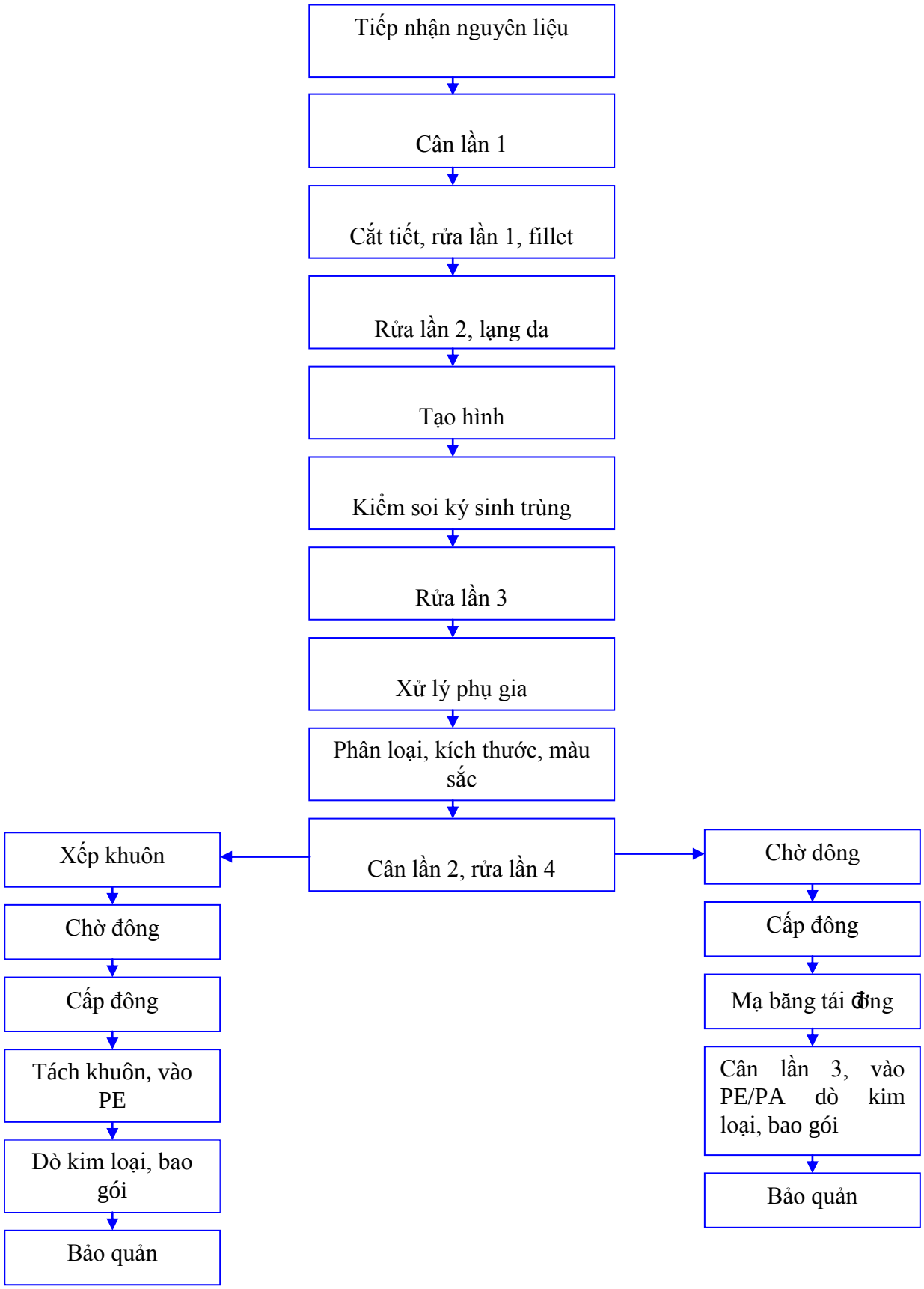

2.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

- Công ty đang áp dụng chương trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn HACCP do Việt Nam quy định, được Cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Nafiqad) công nhận và cấp code EU DL 479 chứng nhận hàng hóa đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Đặc biệt là đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng và được cấp chứng nhận đạt tiêu chuẩn quốc tế như ISO 9001, 2008, BRC 2011,ASC, HACCP, HALAL, FDA, ISO 17025:2005 (VILAS 443). . . Đây là bằng chứng với khách hàng, là hàng hóa sản xuất ra đạt chất lượng tốt, đáp ứng các qui định khắc khe nhất của thị trường thế giới.

2.6 Hoạt động Marketing

- Công ty tham gia các hội chợ thủy sản lớn trong nước và quốc tế, tham gia các kỳ xúc tiến thương mại ở nước ngoài do VASEP và VCCI tổ chức. Tổ chức quảng cáo trên các báo quốc tế, đăng tải trên các trang web chuyên ngành thủy sản. Tích cực hoạt động chăm sóc khách hàng.

- Công ty hằng năm tham gia các kỳ Hội chợ lớn chuyên ngành thủy sản như hội chợ VIETFISH ở Việt Nam, CONXERMA ở Tây Ban Nha, GUFTFOOD ở Dubai - UAE, hội chợ BOSTON ở Mỹ, hội chợ thực phẩm ở Nga, hội chợ BRUSSEL ở Bỉ, Hội chợ Vũ Hán, Thanh Đảo, Phúc Châu, Quảng Châu, Thượng Hải ở Trung Quốc.... để xây dựng thương hiệu, giới thiệu sản phẩm và xúc tiến bán hàng, nhằm tiếp cận và tìm kiếm khách hàng mới.

- Công ty quảng cáo hình ảnh trên báo Seafood International, Intrafish. Đăng thông tin trên trang web SEAEX, quảng cáo trên trang web của VASEP.

- Công ty mời khách hàng đến thăm nhà máy để tạo niềm tin và thuyết phục khách mua hàng. Định kỳ gửi phiếu thăm dò khách hàng để lắng nghe ý kiến đóng góp, từ đó có biện pháp điều chỉnh phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- Công ty tìm kiếm khách hàng qua báo đài, mạng internet và sự giới thiệu của các doanh nghiệp trong ngành, của bạn hàng.

- Thị trường mới, công ty sử dụng những kênh phân phối có sẵn, duy trì và phát triển mối quan hệ mua bán với khách hàng truyền thống, tìm kiếm mở rộng các khách hàng mới.

- Thông qua việc nuôi liên kết với nông dân nhằm giới thiệu sản phẩm thức ăn thủy sản của Công ty đến với nông dân, tổ chức công tác đánh giá hiệu quả của việc sử dụng thức ăn thủy sản IDI. Từ đó xây dựng lòng tin cho những người nuôi cũng chính là khách hàng của Công ty bằng hiệu quả mà nông dân thu được. Tổ chức các hội thảo, hội nghị về thức ăn thủy sản, thông qua quản cáo trên báo đài và các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá sản phẩm đến với người nuôi.

Tham gia Hội chợ triển lãm Thủy sản Quốc tế

IDI THAM GIA HỘI CHỢ THỦY SẢN DUBAI 2012
company name
IDI CORPORATION
CORPORATION
SAO MAI GROUP

2.7 Hoạt động xã hội và quan hệ công chúng (PR)

- Công ty làm tốt công tác xã hội từ thiện ở địa phương và nhiều tỉnh thành khác trong cả nước.

- Công ty quảng bá thương hiệu trên báo, đài trung ương và địa phương như VTV1, VTV3, HTV7, HTV9, TH Cần Thơ, TH Vĩnh Long, TH An Giang, . . . TC Thủy sản, TC Chứng khoán, báo Đầu tư tài chính, báo An Giang . . . Tạo ấn tượng đẹp về Sao Mai - IDI đến với mọi người.

- Công ty tuân thủ các qui định của pháp luật. Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng và các đối tác. . . Giúp xây dựng nên hình ảnh, thương hiệu IDI.

- Trong năm 2017 Công ty IDI cùng Tập Đoàn Sao Mai tiếp tục chia sẽ với đồng bào bà con nghèo trong tỉnh An Giang, Đồng Tháp… để đón xuân.

Đoàn xe cứu trợ lũ lụt miền trung 2010

2.8 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Logo:

- Pháp lý: Logo IDI được Cục sở hữu trí tuệ thuộc Bộ Khoa học & Công nghệ Việt Nam cấp chứng nhận đăng ký nhãn hiệu theo quyết định số 5472/QĐ-SHTT ngày 24/3/2009.
- Danh mục sản phẩm và dịch vụ mang nhãn hiệu:
  - Nhóm 29: Thủy hải sản đã qua chế biến cá cá tra, cá basa, tôm, mực, nghêu, sò.
  - Nhóm 35: Hoạt động giới thiệu và quảng bá thương hiệu, mua bán thủy hải sản.
  - Nhóm 40: Chế biến thủy hải sản.
  - Nhóm 44: Nuôi trồng thủy sản cá nước ngọt gồm cá tra, cá basa, lươn, các loại cá biển như cá bob, cá ngừ, nuôi trồng thủy hải sản.

III/ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

3.1 Tình hình sản xuất kinh doanh 2017

A) Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2017:

Tình hình cá tra nguyên liệu năm 2017 có nhiều biến động ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả vùng nuôi. Việc xác định giá cá nguyên liệu trên thị trường là vấn đề rất khó cần phải xử lý thông tin kịp thời, chính xác để có dự báo giá cá nguyên liệu trên thị trường từng tháng, ba tháng và sáu tháng. Đồng thời quản lý được tỉ lệ nguyên liệu giữa cá tự nuôi, cá nuôi liên kết và cá mua ngoài.

Trong năm nhà máy sản xuất được 73.332 tấn cá nguyên liệu với cơ cấu cá được cung cấp cho nhà máy như sau: Cá Công ty nuôi và nuôi liên kết là 57.381 tấn chiếm tỷ lệ 78,25% tổng sản lượng cá đưa vào sản xuất trong năm. Công ty thực hiện mua ngoài tổng lượng cá là 15.951 tấn chiếm tỷ lệ 21,77%.Với cơ cấu đầu vào như thế với giá bình quân trong năm 2017 của Công ty là 22.304 đồng/kg trong khi giá mua cá ngoài trung bình năm 2017 là 28.000 đồng/kg. Cơ cấu như vậy sẽ đảm bảo cho Công ty có giá thành ổn định và tương đối thấp góp phần nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

A1. Tình hình thu mua nguyên liệu:

Giá cá tra nguyên liệu liên tục biến động tăng mạnh trong năm 2017. Trong Quý I,II, III thì giá cá dao động từ 24.000 – 26.000 đồng/kg nhưng trong Quý IV thì dao động từ 27.500 – 28.600 đồng/kg. Việc giá cá tăng cao vậy là tạo cơ hội cho người nuôi cá thu về lợi nhuận mong ước nhưng trước việc chất lượng cá giống và quá trình nuôi ngày càng khó khăn khiến năm 2017 lượng cá tra nguyên liệu luôn trong tình trạng khan hiếm, nhu cầu thu mua tăng cao, khiến cho các doanh nghiệp cũng gặp không ít khó khăn nếu không có sự chuẩn bị trước hoặc không dự đoán được tình hình nguyên liệu cho thời gian 6-9 tháng. Công ty IDI đã, đang và ngày càng tạo được lòng tin cho các hộ dân từ khâu tư vấn về giá, đến các cam kết mua và việc thanh toán cũng đúng hạn. Chính vì thế với lượng cá phải mua cho nhu cầu của nhà máy , IDI hoàn toàn có thể chủ động và có thể chốt giá với người nuôi tốt nhất.

A2. Tình hình nuôi cá và đầu tư liên kết:

Năm 2017, sản lượng cá Công ty tự nuôi và đầu tư nuôi liên kết với cá hộ nông dân là: 57.381 tấn cá với giá thành bình quân từ 21.000 đồng/ kg đến 21.850 đồng/kg. Hình thức này đã giúp các hộ nông dân đang gặp khó khăn về tài chính và không thể dự báo giá cá được trong tương lai yên tâm nuôi cá. Các hộ nông dân lựa chọn theo hình thức này rất an toàn và nhận khoán chi phí với giá từ 5.000 đồng – 7.500 đồng/kg tùy từng thời điểm. Với hình thức này có lợi thế tận dụng kỹ thuật cũng như kinh nghiệm của hộ nuôi, công ty không phải bỏ ra một khoản tiền lớn để đầu tư dài hạn cho ao nuôi giảm áp lực tài chính cho Công ty. Việc liên kết đã hỗ trợ cho những đơn hàng xuất khẩu cá nhỏ (size 3-5 hoặc size 5-7) mà mua ngoài không có, để kịp thời phục vụ đơn hàng xuất khẩu.

A3. Tình hình vùng nuôi công ty:

Công ty có hai vùng nuôi là Tân Hòa Lai Vung và khu Cồn Quạ Định Yên và trong năm 2017 Công ty đang xây dựng vùng nuôi ở xã Tân Long, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích 12 hecta với quy hoạch từ vùng nuôi này sẽ là cơ sở để nuôi cá giống thuộc trung tâm giống của Công ty. Để đạt hiệu quả trong quá trình nuôi, mỗi vùng nuôi đều bố trí người quản lý, theo dõi ghi chép cấp phát thức ăn, theo dõi sử dụng thuốc, mọi thu chi của vùng nuôi đều được công khai. Hệ số thức ăn của các hầm từ 1.57 kg, chi phí thuốc nằm trong khoảng 390 đến 420 đồng/kg cá nguyên liệu đây là một giá thành hợp lý. Ngoài ra thì hai vùng nuôi này cũng đã hình thành được qui trình nuôi, cách xử lý khi gặp dịch bệnh, cách nhận diện quá trình tăng trưởng của cá.

VÙNG NUÔI TẠI AN THẠNH TRUNG

A4. Tình hình quản lý chất lượng:

Để đáp ứng được đơn hàng xuất khẩu, công ty đang thực hiện các chương trình quản lý chất lượng sau:

* Tất cả vùng nuôi của Công ty đều được thực hiện theo tiêu chuẩn ASC, đối với vùng nuôi liên kết thì được thực hiện theo tiêu chuẩn Viet Gap. Như vậy với các tiêu chuẩn này thì sản phẩm cá tra của IDI sẽ đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu các thị trường khắt khe nhất. Không những thế với chuỗi sản xuất khép kín trong đó có dầu ăn Ranne thì sản phẩm này được làm từ mỡ cá tra nên chất lượng cũng được kiểm soát và độ an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

A6. Tình hình thực hiện đầu tư thức ăn năm 2017:

Trong năm 2017 công ty đã mua tổng cộng với 1.167 tấn thức ăn và phần còn lại là Công ty dùng thức ăn tự sản xuất với số lượng là 84.774 tấn để cung cấp cho vùng nuôi của công ty và vùng nuôi liên kết. Trong đó công ty mua của Proconco là 1.045 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 1,22%, Công ty thức ăn Việt Thắng là 122 tấn thức ăn chiếm tỷ trọng 0,14% và phần còn lại là thức ăn của Công ty tự sản xuất với tỷ trọng là 98,64%. Trong năm 2017 giá thức ăn tương đối ổn định. Trong năm các Công ty kinh doanh thức ăn thủy sản cũng áp dụng nhiều chính sách để hỗ trợ cho IDI tuy nhiên trong năm 2017 này chúng ta đã thuê 02 nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản, cuối năm 2017 đã hoàn thành nhà máy và tự sản xuất để cung cấp cho vùng nuôi của công ty cũng như vùng nuôi liên kết và kể cả việc bán cho các đại lý và hộ nông dân.

B. Tình hình sản xuất cá tra tại nhà máy đông lạnh IDI năm 2017:

- Sản lượng và định mức năm 2017 so với năm 2016:

Năm	2016	2017	Tăng	Tỷ lệ tăng
Sản lượng nguyên liệu (tấn)	62.269	73.332	11.063	17,77%
Thành phẩm (tấn)	35.555	43.106	7.551	21,24%
Công suất (tấn/ngày)	280	300	20	7,14%
Định mức	1.915	1.840	-0,075	-3,9%

Sản lượng nguyên liệu tăng thêm so với năm 2016 là 11.063 tấn tương ứng 17,77%, sản lượng thành phẩm tăng thêm 21,24%.Với số liệu trên cho thấy trong năm 2017 tốc độ tăng của thành phẩm cao hơn tốc độ tăng của nguyên liệu đưa vào sản xuất chứng tỏ nguyên liệu được đưa vào sản xuất đạt yêu cầu tốt hơn và kỹ thuật chế biến của Công ty cao hơn so với các năm trước các năm trước, chính vì vậy mà định mức tổng đối với cá quay phụ gia giảm 3,9% so với năm 2016. Công suất của Công ty trong năm 2017 cũng tăng bình quân 20 tấn/ngày so với năm 2016 tương đương tăng 7,14% , để đáp ứng tối đa các đơn hàng của Khách hàng.

- Công suất nhà máy hiện tại:

+ Size từ 1000 gr/con trở lên: 455 tấn/ngày.
+ Size từ 850 đến nhỏ hơn 1000 gr/con: 435 tấn/ngày.
+ Size từ 800 đến nhỏ hơn 850 gr/con: 425 tấn/ngày.
+ Size từ 750 đến nhỏ hơn 800 gr/con: 415 tấn/ngày.
+ Size từ 700 đến nhỏ hơn 750 gr/con: 405 tấn/ngày.
+ Size từ 650 đến nhỏ hơn 700 gr/con: 400 tấn/ngày.
+ Size nhỏ hơn 650 gr/con: 390 tấn/ngày.

Tuy nhiên, ngoài phụ thuộc vào size cá, công suất nhà máy còn phụ thuộc vào quy cách hàng hóa sản xuất (làm cá đỏ hoặc cá nguyên con càng nhiều thì công suất nhà máy sẽ cao hơn).

C. Tình hình kinh doanh năm 2017.

C.1 Khối lượng và doanh thu xuất khẩu.

THÁNG	Số lượng net (kg)	Số lượng gross (kg)	Giá trị (USD)
01/2017	3.043.916,10	3.807.642,00	6.616.338,87
02/2017	3.896.394,50	5.053.532,00	8.984.055,74
03/2017	3.273.174,92	4.174.096,64	7.426.168,82
04/2017	4.198.128,39	5.375.470,00	10.087.085,48
05/2017	2.962.960,51	3.786.555,50	7.030.274,66
06/2017	2.597.256,38	3.372.569,50	6.348.814,25
07/2017	3.273.807,32	4.226.848,00	7.219.355,62
08/2017	4.591.871,36	6.010.545,00	10.606.346,65
09/2017	3.531.679,20	4.286.364,00	8.271.100,79
10/2017	3.650.128,00	4.628.775,00	9.128.354,53
11/2017	3.696.257,00	4.562.804,00	9.193.636,11
12/2017	4.391.130,25	5.419.184,80	11.198.525,35
Tổng	**43.106.703,92**	**54.704.386,44**	**102.110.056,88**

C.2 Tỷ lệ các sản phẩm bán ra:

Stt	Sản phẩm	Khối lượng net (tấn)	Khối lượng gross (tấn)
1	Fillet tạo hình sạch	31.982	41.823
2	Cá nguyên con	4.573	5.403
3	Cá còn thịt đỏ	2.599	3.497
4	Cá loại 2	811	927
5	Cá cắt khúc, cắt miếng	1.635	1.877
6	Dè cá	797	817
7	Da cá	1.509	1.516
8	Các loại khác	51	53
Tổng		**43.957**	**55.913**

Một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất của Nhà Máy TS. Đa Quốc Gia

C.3 Thị trường & khách hàng mới:

Trong năm 2017, công ty đã xuất khẩu đến hơn 200 khách hàng tại các quốc gia và vùng lãnh thổ thuộc 5 Châu lục.

- Thị trường các quốc gia mà IDI xuất khẩu trong năm 2017:

STT	THỊ TRƯỜNG	K LƯỢNG (NET)	K LƯỢNG (GROSS)	DOANH THU (USD)	TỶ LỆ
1	Algeria	552.800,00	761.000,00	1.412.280,00	1,4%
2	Brazil	1.557.806,50	1.819.760,00	4.143.925,20	4,1%
3	Brunei	37.500,00	75.000,00	102.700,00	0,1%
4	Canada	90.344,64	93.510,64	191.940,80	0,2%
5	Chile	1.041.792,00	1.298.040,00	2.459.685,10	2,4%
6	China	20.363.482,96	24.652.856,30	49.126.759,95	48,0%
7	Colombia	2.984.842,00	3.838.360,00	6.668.471,50	6,5%
8	Costa Rica	100.322,00	130.400,00	267.293,00	0,3%
9	Egypt	37.800,00	50.000,00	91.900,00	0,1%
10	France	139.009,60	167.212,00	279.999,08	0,3%
11	GERMANY	1.095.005,00	1.126.700,00	2.308.140,25	2,3%
12	Malaysia	285.834,00	406.610,00	694.172,50	0,7%

13	Mexico	5.614.739,50	7.976.920,00	14.079.714,30	13,8%
14	Moroco	37.975,00	49.000,00	85.015,00	0,1%
15	Netherlands	472.817,00	533.445,00	1.192.627,60	1,2%
16	New Zealand	141.985,00	153.715,00	306.078,00	0,3%
17	Oman	97.500,00	150.000,00	255.500,00	0,3%
18	Peru	179.750,00	197.000,00	434.810,00	0,4%
19	Philippines	464.800,00	720.000,00	1.091.850,00	1,1%
20	Saudi Arabia	402.375,00	558.000,00	1.043.680,00	1,0%
21	Singapore	771.713,60	1.004.080,00	1.806.726,40	1,8%
22	Spain	24.000,00	24.000,00	73.200,00	0,1%
23	Taiwan	806.821,00	986.900,00	1.579.813,10	1,5%
24	Thailand	452.400,00	632.000,00	997.137,00	1,0%
25	Turkey	80.000,00	100.000,00	201.250,00	0,2%
26	UAE	131.850,00	196.500,00	340.590,00	0,3%
27	TUNISIA	110.100,00	150.000,00	233.250,00	0,2%
28	LEBANONE	50.300,00	68.500,00	145.425,00	0,1%
29	INDIA	530.125,00	945.000,00	1.588.795,00	1,6%
30	PAKISTAN	190.110,00	276.000,00	478.647,00	0,5%
31	ITALIA	1.272.006,00	1.416.000,00	1.073.760,00	1,1%
32	ROMANIA	45.750,00	60.000,00	82.543,38	0,1%
33	BELGIUM	78.000,00	86.000,00	230.070,00	0,2%
34	Australia	75.500,00	85.160,00	196.003,60	0,2%
35	NICARAGOA	131.576,63	139.417,50	208.141,50	0,2%
36	ENGLAND	63.720,00	69.000,00	201.650,00	0,2%
37	HONGKONG	2.594.251,50	3.708.300,00	6.436.512,63	6,3%
CỘNG		**43.106.703,92**	**54.704.386,44**	**102.110.056,88**	**100%**

Hiện nay, Việt Nam xuất khẩu cá tra sang 140 thị trường trên thế giới, đạt kim ngạch 1,78 tỷ USD, tăng khoảng gần 4,3% so với cùng kỳ 2016. Các thị trường chính:Trung Quốc – Hong Kong, ASEAN, Mỹ, EU, Mexico, Brazil, Colombia và Ảrập Xêút chiếm 79,2% tỷ trọng. Trung Quốc- Hong Kong đã trở thành thị trường lớn nhất của cá tra Việt Nam với giá trị xuất khẩu đạt 410.8 triệu USD, tăng 34.8% so với năm 2016, chiếm 23% tổng giá trị xuất khẩu. Trong thời gian tới đây vẫn là thị trường hết sức tiềm năng của cá tra Việt Nam khi người tiêu dùng Trung Quốc- Hong Kong thay đổi thói quen ăn uống sang các loại thực phẩm tốt cho sức khỏe hơn như thủy sản. Sự tăng trưởng từ thị trường này giúp cân bằng lại sự sụt giảm từ hai thị trường truyền thống lớn nhất trước đây là Mỹ và châu Âu. IDI là doanh nghiệp tiên phong mở cửa thị trường Trung Quốc từ những năm 2010 và cũng là doanh nghiệp chiếm thị phần cao nhất tại Trung Quốc- Hong Kong, chiếm khoảng 13.5% thị phần toàn thị trường. Giá trị xuất khẩu của IDI sang Trung Quốc – Hong Kong trong năm 2017 tăng 65,70% so với năm 2016. Với lượng khách hàng lớn, ổn định và ngày càng mở rộng, dự kiến doanh thu xuất khẩu của IDI tại Trung Quốc- Hong Kong sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Xe lạnh đang nhận hàng tại kho lạnh của nhà máy Thủy sản Đa Quốc Gia

C.4 Thị phần theo châu lục:

CHÂU LỤC	DOANH THU	TỶ LỆ %
CHÂU ÂU	8.862.885,41	8,68%
CHÂU MỸ	25.436.359,80	24,91%
CHÂU Á	65.688.308,57	64,33%
CHÂU PHI	1.620.421,50	1,59%
CHÂU ÚC	502.081,60	0,49%
TỔNG	102.110.056,88	100,00%

3.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:(kế hoạch kinh doanh riêng Công ty mẹ)

Kinh doanh cá tra Fillet xuất khẩu.

- Giữ vững khách hàng và thị phần của công ty, đồng thời mở rộng thị trường tiềm năng.
- Nâng công suất sản xuất của nhà máy và nâng doanh thu xuất khẩu thủy sản của công ty đạt mức khoảng 129 triệu USD và đạt lợi nhuận trước thuế là khoảng 430 tỷ đồng.
- Đảm bảo ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh tạo công việc ổn định cho người lao động trong vùng.
- Phấn đấu nâng thứ hạng của công ty IDI lên top 2 Công ty chế biến và xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam.
- Đối với những thị trường hiện có, công ty tiếp tục củng cố khách hàng, tăng sự hài lòng và tăng tần suất mua lại của khách qua việc chăm sóc khách hàng, phân loại khách hàng và phân khúc thị trường để có chiến lược hợp tác lâu dài.
- Mặt khác, công ty cũng sẽ quan tâm nhiều đến các khách hàng là hệ thống siêu thị, nhà hàng, các nhà chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ cá tra để có những đơn hàng dài hạn (6 đến 12 tháng) và duy trì sản xuất ổn định.

C.5.1 Khối lượng tiêu thụ theo kế hoạch năm 2018.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	1.171	2.147	390	195	781	260	260	5.204
2	586	1.074	195	98	390	130	130	2.603
3	781	1.431	260	130	521	173	173	3.469
4	781	1.431	260	130	521	173	173	3.469
5	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
6	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
7	650	1.561	260	130	521	173	173	3.468
8	732	1.757	293	146	586	195	195	3.904
9	732	1.757	293	146	586	195	195	3.904
10	773	1.854	309	154	618	206	206	4.120
11	773	1.854	309	154	618	206	206	4.120
12	927	1.700	309	154	618	206	206	4.120
Tổng	**9.206**	**19.688**	**3.398**	**1.697**	**6.802**	**2.263**	**2.263**	**45.317**

- Luôn xem chất lượng là yếu tố then chốt trong chế biến hàng xuất khẩu và luôn luôn nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Kiểm tra giám sát chặt chẽ từ khâu nuôi cá, thu mua cá, và từng khâu trong chế biến và xuất hàng.
- Cam kết mang lại cho khách hàng sản phẩm chất lượng tốt, đảm bảo tính ổn định của chất lượng sản phẩm.
- Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất chế biến nhằm đạt hiệu quả cao nhất.
- Đào tạo đội ngũ nhân viên và cán bộ kỹ thuật, quản lý chất lượng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn tạo sự hài lòng cho khách hàng.
- Nhà máy sẽ cải tiến quy trình sản xuất, cắt giảm chi phí chế biến nhằm đảm bảo sản phẩm có giá thành cạnh tranh hấp dẫn khách hàng.
- Đối với thị trường cao cấp, công ty sẽ tăng cường tiếp thị và đẩy mạnh sản phẩm cao cấp như cá tra fillet trắng và trắng hồng không xử lý phụ gia, cá tra fillet được chế biến từ nguyên liệu có chứng nhận, ASC,VietGap sản phẩm đóng túi lẻ, cá fillet tẩm bột, cá fillet xông $CO_{2,}$, cá tra fillet cắt miếng, cá xiên que, cá cuộn (sản phẩm mới) và sản phẩm đông block công nghiệp cung cấp cho các nhà chế biến cá finger, portion v.v….
- Ngoài ra, với chứng nhận ASC, VietGap…công ty cũng sẽ tiếp cận hệ thống siêu thị lớn trên Thế Giới.
- Đối với thị trường bình dân, tiếp tục phát huy những sản phẩm thông thường như các loại cá fillet tạo hình sạch, fillet còn thịt đỏ, cá cắt khúc, cá nguyên con, v.v… nhằm đáp ứng công suất sản xuất của hai xưởng, giảm áp lực cạnh tranh và tăng doanh thu.

Pangasius Skewer

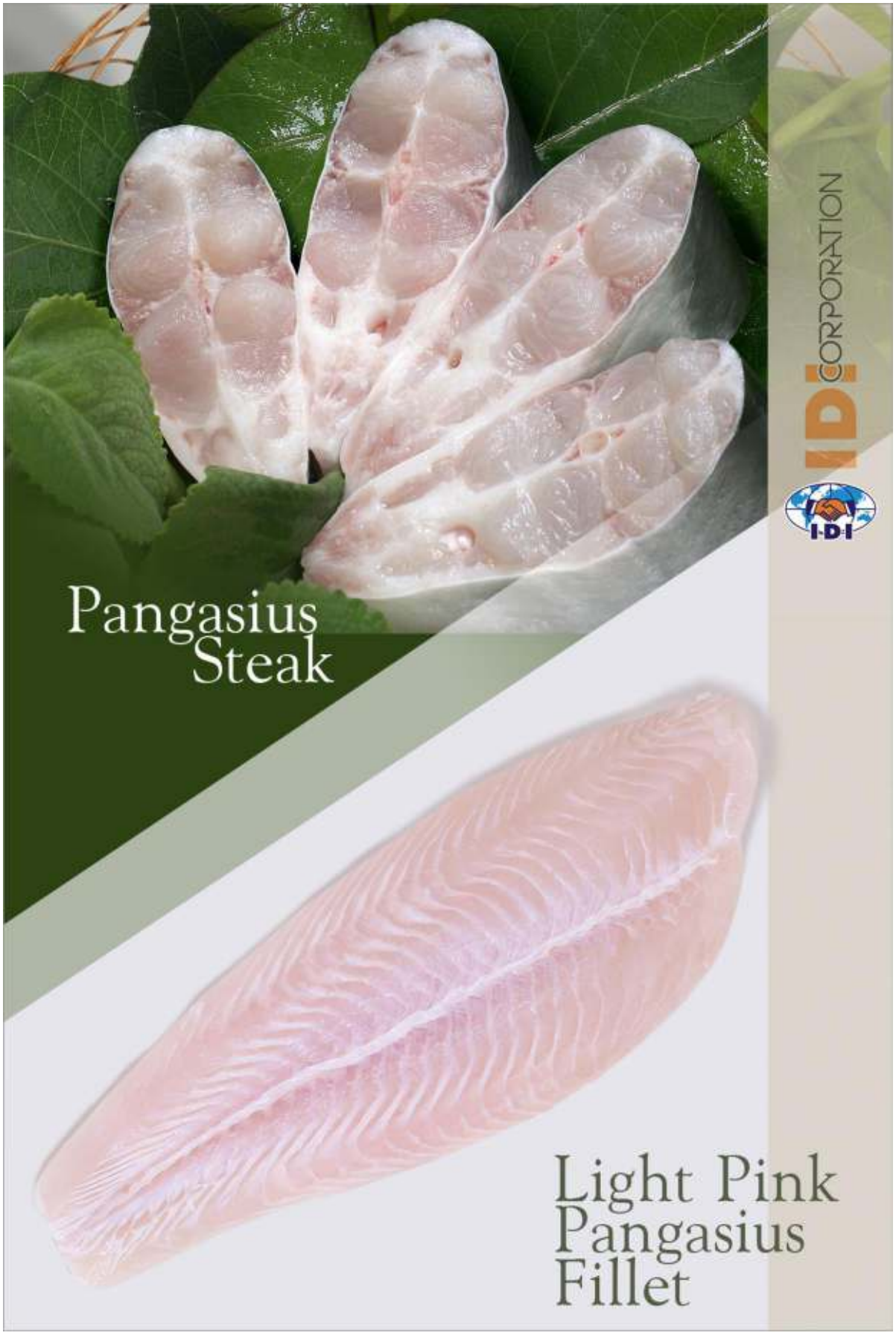

Các sản phẩm của nhà máy thủy sản IDI

C.5.2 Doanh thu kế hoạch năm 2018: (Đvt : USD)

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng doanh thu
1	3.504.946	6.389.317	1.156.141	575.835	1.962.162	650.076	669.855	14.908.332
2	1.753.970	3.196.147	578.071	289.394	979.825	325.038	334.928	7.457.373
3	2.337.628	4.258.553	770.761	383.890	1.308.945	432.550	445.711	9.938.038
4	2.337.628	4.258.553	770.761	383.890	1.308.945	432.550	445.711	9.938.038
5	1.945.529	4.645.424	770.761	383.890	1.308.945	432.550	445.711	9.932.810
6	1.945.529	4.645.424	770.761	383.890	1.308.945	432.550	445.711	9.932.810
7	1.945.529	4.645.424	770.761	383.890	1.308.945	432.550	445.711	9.932.810
8	2.190.966	5.228.705	868.588	431.138	1.472.250	487.557	502.392	11.181.596
9	2.190.966	5.228.705	868.588	431.138	1.472.250	487.557	502.392	11.181.596
10	2.313.684	5.517.370	916.020	454.762	1.552.645	515.060	530.732	11.800.273
11	2.313.684	5.517.370	916.020	454.762	1.552.645	515.060	530.732	11.800.273
12	2.774.624	5.059.078	916.020	454.762	1.552.645	515.060	530.732	11.802.921
Tổng	**27.554.683**	**58.590.070**	**10.073.253**	**5.011.241**	**17.089.147**	**5.658.158**	**5.830.318**	**129.806.870**

- Thu hút nhân viên bán hàng giỏi và đào tạo lực lượng bán hàng kế thừa.
- Tập trung bán hàng vào những thị trường tiềm năng.
- Ưu tiên những khách hàng uy tín, thanh toán tốt, mua hàng ổn định và ưu tiên những phương thức thanh toán nhanh nhằm tạo vòng quay vốn nhanh tăng hiệu quả kinh doanh.
- Tạo sự khác biệt so với các công ty cùng ngành nghề qua việc luôn đảm bảo 3 yêu cầu quan trọng của khách hàng là "giá tốt, chất lượng tốt và dịch vụ tốt".
- Tổ chức những đợt tham dự hội chợ Thủy sản quốc tế và tổ chức các chuyến đi khảo sát thị trường và làm việc với khách hàng như chuyến khảo sát khu vực Nam Mỹ Brazil, Trung Quốc, Colombia, Peru, khu vực Châu Phi như Ai Cập, Nam Phi, An Giê Ri, v.v…

IDI
SWAI
Pangasius Fillets
SẢN PHẨM TỪ CÁ TRA XUẤT KHẨU

C.5.3 Kế hoạch sản xuất.

Tháng	Fillet trắng	Fillet hồng lợt	Fillet hồng	Fillet vàng lợt	Fillet thịt đỏ	Cắt khúc	Nguyên con	Tổng cộng thành phẩm
1	1.176	2.156	392	196	784	261	261	5.226
2	588	1.078	196	98	392	131	131	2.614
3	784	1.437	261	131	523	174	174	3.484
4	784	1.437	261	131	523	174	174	3.484
5	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
6	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
7	653	1.568	261	131	523	174	174	3.484
8	735	1.764	294	147	588	196	196	3.920
9	735	1.764	294	147	588	196	196	3.920
10	776	1.862	310	155	621	207	207	4.138
11	776	1.862	310	155	621	207	207	4.138
12	931	1.707	310	155	621	207	207	4.138
Tổng	**9.244**	**19.771**	**3.411**	**1.708**	**6.830**	**2.275**	**2.275**	**45.514**

- Luôn tìm hiểu và luôn cải tiến quy trình sản xuất, định mức sản xuất để có giá thành tốt hơn.
- Luôn đảm bảo lực lượng công nhân lành nghề nhằm ổn định sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm.
- Luôn lắng nghe những phản hồi của khách hàng và ứng dụng những tiến bộ công nghệ và kỹ thuật tiên tiến nhất trong chế biến và quản lý nhà máy.
- Tăng cường nâng cao nghiệp vụ đội ngũ quản lý nhà máy, quản lý chất lượng sản phẩm nhằm luôn đáp ứng mọi nhu cầu về chất lượng sản phẩm.
- Tuyển dụng và đào tạo thêm đội ngũ quản lý nhà máy, công nhân để đáp ứng nhu cầu tăng công suất hoạt động nhà máy.

C.5.4 Kế hoạch nguyên liệu đầu vào.

Tháng	Khối lượng cá T1	Khối lượng cá T2	Tổng số nguyên liệu/tháng
1	6.943	3.739	10.682
2	3.473	1.870	5.343
3	4.629	2.492	7.121
4	4.629	2.492	7.121
5	4.273	2.848	7.121
6	4.273	2.848	7.121
7	4.273	2.848	7.121
8	4.807	3.205	8.012
9	4.807	3.205	8.012
10	5.075	3.383	8.458
11	5.075	3.383	8.458
12	5.498	2.960	8.458
Tổng	**57.755**	**35.273**	**93.028**

- Diện tích vùng nuôi riêng của công ty là 40 ha với sản lượng 15.000 -16.000 Tấn cá nguyên liệu/năm hơn 10% tổng sản lượng nguyên liệu cần cho nhà máy.
- Diện tích vùng nuôi liên kết là 200 ha ước cho tổng sản lượng là 60.000 - 70.000 Tấn cá nguyên liệu đáp ứng gần 90% nhu cầu nguyên liệu trong năm.
- Còn lại khoảng 5% nhu cầu nguyên liệu của nhà máy (10.000 Tấn), công ty sẽ thu mua từ nông dân bên ngoài.
- Nhìn chung, xí nghiệp nuôi trồng và phòng thu mua nguyên liệu sẽ đảm bảo đủ sản lượng nguồn nguyên liệu (khoảng 88.000 tấn) cho chế biến đảm bảo tính khả thi của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm.

Vùng nuôi thủy sản

➢ **Kinh doanh *thức ăn thủy sản*.**

- Với việc Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản chính thức đi vào hoạt động trong Quý IV năm 2017 thì cần phải tập trung vào việc quảng cáo thương hiệu thông qua các kênh truyền hình, hội thảo với nông dân, hội thảo với các nông dân liên kết nuôi cá với Công ty IDI …

- Xây dựng thương hiệu và nhận diện sản phẩm thức ăn thủy sản của Công ty IDI dựa trên chất lượng và hiệu quả khi nông dân sử dụng thức ăn của Công ty. Từ đó làm cơ sở để cạnh tranh với các nhà sản xuất lớn, có thương hiệu như Conco, Việt Thắng, ViNa, Cỏ May…..

- Thực hiện sản xuất đảm bảo công suất bình quân đạt 16.500 tấn thành phẩm/tháng. Kiểm soát giá thành sản phẩm, chất lượng sản phẩm và tập trung phân phối sản phẩm đến người nuôi và đạt doanh thu 1.980 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 123 tỷ đồng trong năm 2018.

D.5.1 Dự kiến sản lượng thức ăn tiêu thụ trong năm 2018 (đvt: tấn).

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	2.700	10.800	13.500
2	2.700	10.800	13.500
3	2.700	10.800	13.500
4	3.100	12.400	15.500
5	3.100	12.400	15.500
6	3.300	13.200	16.500
7	3.300	13.200	16.500
8	3.700	14.800	18.500
9	3.700	14.800	18.500
10	3.700	14.800	18.500
11	3.700	14.800	18.500
12	3.700	14.800	18.500
Tổng	**39.400**	**157.600**	**197.000**

- Thông qua việc phân phối cho các hộ nông dân nuôi liên kết với Công ty và những nông dân bán cá nhiều năm cho Công ty và được Công ty bao tiêu sản phẩm thì với lượng thức ăn sản xuất được trong năm được đảm bảo phân phối hết theo kế hoạch.

D.5.2 Dự kiến doanh thu thức ăn thủy sản năm 2018 (đvt: ngàn đồng)

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	28.485.000	107.233.200	135.718.200
2	28.485.000	107.233.200	135.718.200
3	28.485.000	107.233.200	135.718.200
4	32.705.000	123.119.600	155.824.600
5	32.705.000	123.119.600	155.824.600
6	34.815.000	131.062.800	165.877.800
7	34.815.000	131.062.800	165.877.800
8	39.035.000	146.949.200	185.984.200
9	39.035.000	146.949.200	185.984.200
10	39.035.000	146.949.200	185.984.200
11	39.035.000	146.949.200	185.984.200
12	39.035.000	146.949.200	185.984.200
Tổng	**415.670.000**	**1.564.810.400**	**1.980.480.400**

D.5.3 Dự báo giá vốn thức ăn thủy sản tiêu thụ trong năm 2018 (đvt: ngàn đồng).

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	27.305.100	101.487.600	128.792.700
2	27.305.100	101.487.600	128.792.700
3	27.305.100	101.487.600	128.792.700
4	31.350.300	116.522.800	147.873.100
5	31.350.300	116.522.800	147.873.100
6	33.372.900	124.040.400	157.413.300
7	33.372.900	124.040.400	157.413.300
8	37.418.100	139.075.600	176.493.700
9	37.418.100	139.075.600	176.493.700
10	37.418.100	139.075.600	176.493.700
11	37.418.100	139.075.600	176.493.700
12	37.418.100	139.075.600	176.493.700
Tổng	**398.452.200**	**1.480.967.200**	**1.879.419.400**

D.5.4 Dự báo lợi nhuận từ kinh doanh thức ăn thủy sản 2018 (đvt: ngàn đồng).

Tháng	Thức ăn 3 ly 28% đạm	Thức ăn 5 ly 26% đạm	Tổng Cộng
1	1.179.900	5.745.600	6.925.500
2	1.179.900	5.745.600	6.925.500
3	1.179.900	5.745.600	6.925.500
4	1.354.700	6.596.800	7.951.500
5	1.354.700	6.596.800	7.951.500
6	1.442.100	7.022.400	8.464.500
7	1.442.100	7.022.400	8.464.500
8	1.616.900	7.873.600	9.490.500
9	1.616.900	7.873.600	9.490.500
10	1.616.900	7.873.600	9.490.500
11	1.616.900	7.873.600	9.490.500
12	1.616.900	7.873.600	9.490.500
Tổng	**17.217.800**	**83.843.200**	**101.061.000**

Dự báo kết quả kinh doanh năm 2018.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Kế hoạch KD năm 2018 riêng Công ty mẹ		Kế hoạch KD năm 2018 Trisedco	Kết quả kinh doanh hợp nhất 2018
		Cá tra Fillet	Thức ăn thủy sản		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.893.783.868.286	3.227.551.575.000	1.980.480.400.000	1.650.718.000.000	6.858.749.975.000
4. Giá vốn hàng bán	3.334.383.800.759	2.582.041.260.000	1.823.036.818.000	1.531.383.000.000	5.936.461.078.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	559.400.067.527	645.510.315.000	157.443.582.000	120.434.000.000	923.387.897.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	98.351.544.986	99.790.510.456	7.513.782.163	30.644.000.000	137.948.292.619
7. Chi phí tài chính	144.891.372.594	140.733.670.560	21.059.800.125	62.949.000.000	224.742.470.685
8. Chi phí bán hàng	138.610.783.093	131.080.765.958	15.760.000.000	28.620.000.000	175.460.765.958
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28.233.424.613	39.985.742.813	5.895.075.978	9.639.000.000	55.519.818.791
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	346.016.032.213	433.500.646.125	122.242.488.060	49.870.000.000	605.613.134.185
11. Thu nhập khác	988.710.491	1.483.065.737	1.980.480.400	9.000.000	3.472.546.137
12. Chi phí khác	1.104.267.569	1.435.547.840	1.188.288.240	425.000.000	3.048.836.080
13. Lợi nhuận khác	(115.557.078)	47.517.897	792.192.160	(416.000.000)	423.710.057
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.943.667.914	26.010.038.768	-	-	26.010.038.768
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**328.956.807.221**	**407.538.125.254**	**123.034.680.220**	**49.454.000.000**	**580.026.805.474**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2017 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

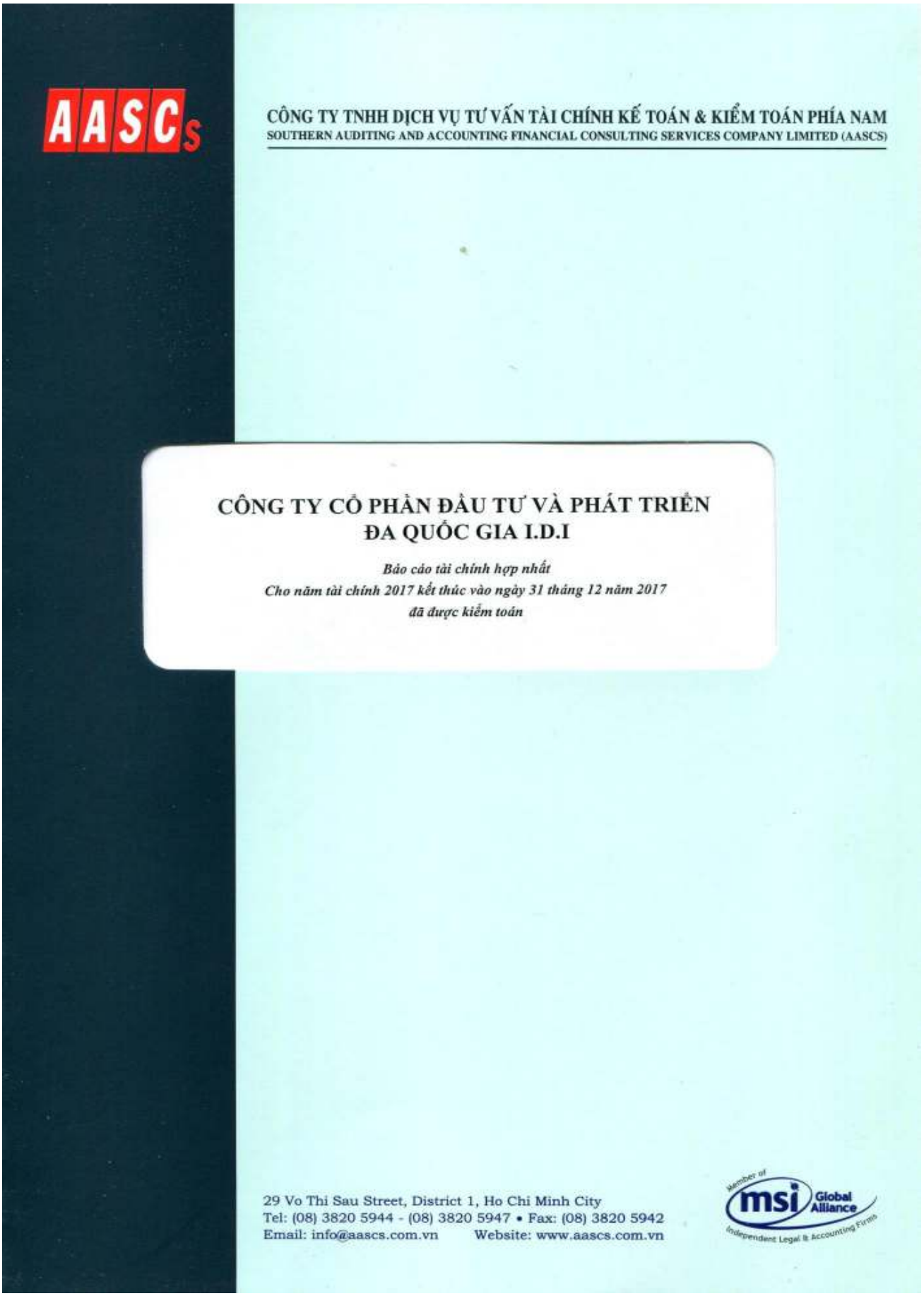

AASCs

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017
đã được kiểm toán

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 • Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

msi Global Alliance
Member of Independent Legal & Accounting Firms

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09 - 09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 49

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **1.816.096.710.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3. Ngành nghề kinh doanh:

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4. Cấu trúc Công ty

Công ty con

- Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy sản

+ Địa chỉ : Quốc lộ 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.
+ Vốn điều lệ: 438.149.200.000 VND
+ Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ : 79,25%
+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 79,25%

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Tài chính

+ Địa chỉ: 326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang
+ Vốn điều lệ: 52.168.970.000 VND
+ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 72,80%
+ Tỷ lệ quyền biểu quyết : 75,35%

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.1
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết ngày 28/02/2018 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia, đã thông qua việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai tăng tỷ lệ nắm giữ trên 51% đến mức tối đa có thể trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Lê Thanh Thuần	Chủ tịch
Ông:	Nguyễn Văn Hưng	Phó chủ tịch
Ông:	Lê Xuân Quế	Thành viên
Ông:	Trương Vĩnh Thành	Thành viên
Ông:	Phạm Đình Nam	Thành viên
Ông:	Lê Văn Chung	Thành viên
Ông:	Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Bà :	Lê Thị Phượng	Thành viên
Ông:	Trương Công Khánh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc	
Ông:	Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Văn Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Lê Đình Lịch	Phó Tổng Giám đốc	
Ông:	Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Bà:	Võ Thị Minh Tâm	P.Tổng Giám đốc	*Bổ nhiệm ngày 17/02/2017*

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Lê Hoàng Cương	Trưởng ban
Bà :	Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Ông:	Lê Thanh Dũng	Ủy viên

Đại diện theo phát luật:

Ông:	Lê Văn Chung

Kế toán trưởng:

Ông:	Lê Xuân Định

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty .

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch

LÊ THANH THUẦN

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

LÊ VĂN CHUNG

AASCS CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 435A/BCKT/TC/2018/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia I.D.I được lập ngày 20 tháng 01 năm 2018, từ trang 05 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)	**Kiểm toán viên**
Phó Tổng giám đốc	
Lê Văn Tuấn	**Nguyễn Thị Mỹ Ngọc**
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1	Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1091-2018-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I **Báo cáo tài chính hợp nhất**
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**3.272.727.439.101**	**3.979.429.748.104**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**V.01**	**459.950.883.817**	**168.228.465.119**
111	1. Tiền		315.016.030.257	134.893.611.559
112	2. Các khoản tương đương tiền		144.934.853.560	33.334.853.560
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**V.02**	**567.533.083.214**	**1.415.575.130.914**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		1.844.862.388	1.844.862.388
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(755.415.588,00)	(471.367.888)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		566.443.636.414	1.414.201.636.414
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.676.818.350.216**	**1.872.489.556.721**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	691.126.691.372	785.213.156.640
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		900.430.878.279	976.572.519.047
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	138.615.072.929	161.019.750.747
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(53.354.292.364)	(50.315.869.713)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	**IV. Hàng tồn kho**	**V.06**	**522.528.202.881**	**485.234.961.042**
141	1. Hàng tồn kho		531.567.759.782	485.419.310.612
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(9.039.556.901)	(184.349.570)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**45.896.918.973**	**37.901.634.308**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	1.607.452.969	1.838.627.459
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		43.923.817.800	6.959.314.027
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		365.648.204	29.103.692.822
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**2.464.167.830.057**	**1.101.153.652.782**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**11.474.842.809**	**10.598.722.809**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	11.474.842.809	10.598.722.809
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	**II. Tài sản cố định**		**768.254.446.365**	**605.639.704.426**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	322.211.780.498	319.234.627.846
222	- Nguyên giá		544.300.981.505	507.255.483.058
223	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(222.089.201.007)	(188.020.855.212)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09	285.778.437.979	123.816.148.784
225	- Nguyên giá		315.042.736.446	139.119.414.450
226	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(29.264.298.467)	(15.303.265.666)
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.10	160.264.227.888	162.588.927.796
228	- Nguyên giá		167.905.802.469	167.296.730.869
229	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(7.641.574.581)	(4.707.803.073)
230	**III. Bất động sản đầu tư**	**V.11**	**110.734.765.202**	**115.679.956.502**
231	- Nguyên giá		124.429.500.002	124.429.500.002
232	- Giá trị hao mòn luỹ kế (*)		(13.694.734.800)	(8.749.543.500)
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	**V.07**	**477.709.557.712**	**298.849.385.463**
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		477.709.557.712	298.849.385.463
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	**V.02**	**1.090.000.000.000**	**67.950.000.000**
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			14.000.000.000
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.090.000.000.000	53.950.000.000
260	**V. Tài sản dài hạn khác**		**5.994.217.969**	**2.435.883.582**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.12	5.786.909.989	2.195.961.140
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		133.925.441	133.925.441
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại	V.12	73.382.539	105.997.001
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**5.736.895.269.158**	**5.080.583.400.886**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C . NỢ PHẢI TRẢ**		**3.515.948.226.110**	**2.929.572.041.063**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**2.911.803.605.573**	**2.355.358.314.638**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	209.288.069.358	234.948.839.861
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		60.387.695.988	16.487.089.077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	26.099.051.367	7.203.408.058
314	4. Phải trả người lao động		31.777.742.652	27.192.267.305
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.17	105.929.192	105.929.193
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	105.470.763.444	53.925.086.284
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	2.473.187.113.195	2.009.309.084.982
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.487.240.377	6.186.609.878
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	**II. Nợ dài hạn**		**604.144.620.537**	**574.213.726.325**
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	604.120.802.182	574.185.263.466
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		23.818.355	28.462.959
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I **Báo cáo tài chính hợp nhất**
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
400	**D . VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**V.18**	**2.220.947.043.048**	**2.151.011.359.823**
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.220.947.043.048	2.151.011.359.823
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.816.096.710.000*	*1.816.096.710.000*
411b	*- Cổ phiếu ưu đãi*			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.060.700.000	17.060.700.000
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		45.288.900.000	
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(42.000.000)	(42.000.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		23.897.550.302	23.791.570.926
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		967.463.663	
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		967.463.663	
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		203.864.215.358	186.527.725.687
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*11.531.800.685*	*92.051.221.033*
421b	*- LNST chưa phân phối kỳ này*		*192.332.414.673*	*94.476.504.654*
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		112.846.040.062	107.576.653.210
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**5.736.895.269.158**	**5.080.583.400.886**

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
TRẦN PHƯỚC MINH	LÊ XUÂN ĐỊNH	LÊ VĂN CHUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA LD.I **Báo cáo tài chính hợp nhất**
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp, năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**VI.01**	**5.331.879.057.938**	**4.047.446.216.761**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.02	4.379.439.674	6.272.360.664
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**5.327.499.618.264**	**4.041.173.856.097**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**VI.03**	**4.681.230.572.778**	**3.707.741.281.934**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**646.269.045.486**	**333.432.574.163**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.04	114.958.876.816	91.358.867.256.000
22	7. Chi phí tài chính	VI.05	195.477.010.765	152.034.877.065
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*178.163.816.583*	*134.599.843.069*
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			2.721.138.695
25	8. Chi phí bán hàng	VI.06	164.216.174.982	133.533.863.456
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.06	39.475.534.127	41.612.890.824
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**362.059.202.428**	**100.330.948.770**
31	11. Thu nhập khác	VI.07	993.411.776	7.162.995.833
32	12. Chi phí khác	VI.08	1.719.034.158	1.918.609.756
40	**13. Lợi nhuận khác**		**(725.622.382)**	**5.244.386.077**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**361.333.580.046**	**105.575.334.847**
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.10	18.417.157.725	6.130.763.550
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.11	23.818.355	(105.462.482)
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**342.892.603.966**	**99.550.033.779**
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		337.620.151.473	94.476.504.654
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		5.272.452.493	5.073.529.125
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.12	1.859	612
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.13	1.859	612

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
TRẦN PHƯỚC MINH	LÊ XUÂN ĐỊNH	LÊ VĂN CHUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế**		**361.333.580.046**	**105.575.334.847**
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	1. Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT		55.908.341.404	56.646.199.642
03	2. Các khoản dự phòng		12.177.677.682	6.418.654.280
04	3. Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.744.421.342)	(9.314.996.981)
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(102.314.150.853)	(72.540.412.694)
06	5. Chi phí lãi vay		178.163.816.583	134.599.843.069
07	6. Các khoản điều chỉnh khác			
08	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**497.524.843.520**	**221.384.622.163**
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		164.589.426.053	(534.795.433.470)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(46.148.449.170)	285.207.988.859
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(105.843.756.808)	(136.890.550.237)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.359.774.359)	(1.590.767.127)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh			
14	- Tiền lãi vay đã trả		(170.842.808.106)	(126.539.843.069)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.363.791.552)	(9.535.844.282)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh			
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(266.946.396)	(90.676.000)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**329.288.743.182**	**(302.850.503.172)**
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(189.460.815.486)	(557.947.026.338)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			25.603.410.842
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.813.671.371.131)	(1.950.400.018.831)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		1.625.379.371.131	799.548.382.417
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.000.000.000	60.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		102.310.361.270	62.375.467.334
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(261.442.454.216)**	**(1.560.819.784.576)**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐA QUỐC GIA I.D.I **Báo cáo tài chính hợp nhất**
QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp. năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			832.846.710.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền thu từ đi vay		8.080.700.007.760	5.800.168.808.664
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(7.556.801.250.633)	(5.050.180.602.267)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(29.622.288.272)	(19.373.832.927)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(270.026.961.000)	
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**224.249.507.855**	**1.563.461.083.470**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**292.095.796.821**	**(300.209.204.278)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**168.228.465.119**	**468.896.056.459**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(373.378.123)	(458.387.062)
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**		**459.950.883.817**	**168.228.465.119**

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
TRẦN PHƯỚC MINH	LÊ XUÂN ĐỊNH	LÊ VĂN CHUNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 . Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I là một doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy phép Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 7 năm 2003; Đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 10 năm 2004; Đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 15 tháng 2 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 17 số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 09 tháng 06 năm 2016.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2017 là: **1.816.096.710.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: QL 80, cụm công nghiệp Vàm Cống, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

2 . Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất chế biến thủy hải sản.

3 . Ngành nghề kinh doanh

Mua bán chế biến thủy hải sản; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông. Kinh doanh nhà. Kinh doanh khách sạn; Mua bán vật liệu xây dựng, trang trí nội thất. Nuôi trồng thủy sản. Sản xuất và chế biến thức ăn thủy sản; Kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản). Sản xuất bao bì nhựa - giấy, nước đóng chai; Sản xuất và đóng hộp dầu, mỡ động thực vật. Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Bốc xếp hàng hóa cảng biển. Vận tải hàng hóa đường bộ bằng ô tô chuyên dụng, đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

4 . Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

5 . Cấu trúc Công ty

Công ty con:

- **Tổng số các Công ty con** : 02
  - + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02
  - + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
+ Công ty Cp ĐT Du lịch và Phát triển Thủy Sản	QL80, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.	79,25%	79,25%	79,25%	79,25%
+ Công ty Cp Tư vấn và Đầu tư Tài Chính	326 Hùng Vương-P.Mỹ Long-Tp.Long Xuyên An Giang	72,80%	72,80%	75,35%	75,35%

II . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 . Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

2 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

3 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác…

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:
- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4 . Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi: Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5 . Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6 . Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 -30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03- 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

7 . Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8 . Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

9 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

10 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

11 . Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

12 . Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

13 . Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

14 . Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án … chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:
- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

15 . Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

16 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

17 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

18 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

20 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

22 . Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23 . Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24 . Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Theo Thông tư 210,Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25 . Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán " Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:
Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:
Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị sổ cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thoả thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	**785.411.260**	**508.475.249**
Tiền gửi không kỳ hạn	**314.230.618.997**	**134.385.136.310**
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	**144.934.853.560**	**33.334.853.560**
- Tiền gửi có kỳ hạn	144.934.853.560	33.334.853.560
- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Cộng	**459.950.883.817**	**168.228.465.119**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
a) Chứng khoán kinh doanh	**1.844.862.388**	**1.120.082.800**	**(755.415.588)**	**1.844.862.388**	**1.373.494.500**	**(471.367.888)**
Tổng giá trị cổ phiếu	1.844.862.388	1.120.082.800	(755.415.588)	1.844.862.388	1.373.494.500	(471.367.888)
+ ASM	*1.844.862.388*	*1.089.446.800*	*(755.415.588)*	*1.844.862.388*	*1.373.494.500*	*(471.367.888)*
Cộng	**1.844.862.388**	**1.120.082.800**	**(755.415.588)**	**1.844.862.388**	**1.373.494.500**	**(471.367.888)**

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị ghi sổ*	*Giá gốc*	*Giá trị ghi sổ*
b1) Ngắn hạn	566.443.636.414	566.443.636.414	1.414.201.636.414	1.414.201.636.414
- Tiền gửi có kỳ hạn	*566.443.636.414*	*566.443.636.414*	*1.414.201.636.414*	*1.414.201.636.414*
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn	1.090.000.000.000	1.090.000.000.000	53.950.000.000	53.950.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	*1.090.000.000.000*	*1.090.000.000.000*	*53.950.000.000*	*53.950.000.000*
- Các khoản đầu tư khác				
Cộng	**1.656.443.636.414**	**1.656.443.636.414**	**1.468.151.636.414**	**1.468.151.636.414**

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
	Giá gốc	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Giá hợp lý*	*Dự phòng*
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Đầu tư vào đơn vị khác				**14.000.000.000**		
+ Cty CP Nhựt Hồng (*)				14.000.000.000		
Cộng				**14.000.000.000**		

(*) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

Trang 107

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**691.126.691.372**	**785.213.156.640**
+ Công ty TNHH MTV Kiểm Định & Đầu Tư Toàn Cầu	5.723.990.531	108.948.047.247
+ LLC"MEKONG FOOD"	24.888.075.900	56.642.870.525
+ Công ty CP Dầu cá Châu Á	162.225.182.840	108.731.657.227
+ Đối tượng khác	498.289.442.101	510.890.581.641
b) Dài hạn		
Cộng	**691.126.691.372**	**785.213.156.640**

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04 . PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*
a) Ngắn hạn	**138.615.072.929**	**(528.000.000)**	**161.019.750.747**	**(528.000.000)**
Tạm ứng	58.496.722.653		113.047.412.758	
Cho mượn	4.450.000.000		5.268.706.722	
Các khoản chi hộ	543.564.500		59.800.000	
Phải thu khác	75.124.785.776	(528.000.000)	42.643.831.267	(528.000.000)
+ Cty CP Tập đoàn Sao Mai	*29.090.066.740*			
+ Cty CT tài chính TNHH MTV NHTMCP Công Thương VN	*14.659.356.407*		*4.083.329.092*	
+ Đối tượng khác	*31.375.362.629*	*(528.000.000)*	*38.560.502.175*	*(528.000.000)*
b) Dài hạn	**11.474.842.809**		**10.598.722.809**	
Ký cược, ký quỹ	11.474.842.809		10.598.722.809	
Cộng	**150.089.915.738**	**(528.000.000)**	**171.618.473.556**	**(528.000.000)**

05 . NỢ XẤU

1. Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá gốc*	*Giá trị có thể thu hồi*
+ LLC "Sata Fish Ltd"	9.468.303.750		9.491.280.000	
+ Alfredo Foods	9.073.864.755		9.095.883.840	
+ Alliance Seafood Group	9.108.077.119		9.130.179.226	
+ Lapson International Trading Ltd	6.886.342.534		4.482.623.510	
+ Sarl Globe Alliance	7.104.978.870		7.122.220.160	
+ Tian Ye Aquatic Products Co. Ltd	6.554.720.267	1.966.416.080	6.570.626.272	3.285.313.136
+ Đối tượng khác	11.297.834.803	4.173.413.654	13.111.148.002	5.402.778.161
Cộng	**59.494.122.098**	**6.139.829.734**	**59.003.961.010**	**8.688.091.297**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

2. Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm...phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu: không có

06. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
- Hàng đang đi đường				
- Nguyên liệu, vật liệu	6.863.757.129		7.710.523.911	
- Công cụ, dụng cụ	623.240.513		647.839.507	
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.424.770.434		8.216.158.133	
- Thành phẩm	223.588.097.257	(9.039.556.901)	339.155.143.923	(184.349.570)
- Hàng hóa	275.976.492.815		121.951.899.830	
- Hàng gửi đi bán	18.091.401.634		7.737.745.308	
Cộng	**531.567.759.782**	**(9.039.556.901)**	**485.419.310.612**	**(184.349.570)**

Ghi chú:
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 456.337.237.600 đ
- Lý do trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: giá gốc của thành phẩm cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày 31/12/2017

07. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

b) Xây dựng cơ bản dở dang	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Mua sắm	115.199.998	216.799.998
Xây dựng cơ bản	477.594.357.714	298.632.585.465
+ Khu công nghiệp huyện Lấp Vò	*1.565.846.400*	*1.565.846.400*
+ Nhà máy tinh lọc dầu cô	*1.893.218.502*	*22.472.435.129*
+ Nhà máy thức ăn	*462.454.394.911*	*267.413.191.818*
+ Khu đất tái định cư	*3.329.825.217*	*4.028.161.724*
+ Công trình khác	*3.966.309.964*	*3.152.950.394*
+ Công trình 5 bồn dầu nguyên liệu	*2.727.272.728*	
+ Nhà lò hơi	*1.636.363.636*	
+ Khác	*21.126.356*	
Sửa chữa		
Cộng	**477.709.557.712**	**298.849.385.463**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

08 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**195.149.255.711**	**291.496.494.214**	**14.704.642.456**	**1.070.684.618**	**4.834.406.059**	**507.255.483.058**
2. Số tăng trong năm	**567.653.636**	**46.492.091.216**	**1.515.300.455**	**532.053.140**	**661.400.000**	**49.768.498.447**
- Mua trong năm	*567.653.636*	*46.492.091.216*	*1.515.300.455*	*532.053.140*	*661.400.000*	*49.768.498.447*
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác						
3. Số giảm trong năm		**12.723.000.000**				**12.723.000.000**
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		*12.723.000.000*				*12.723.000.000*
4. Số dư cuối năm	**195.716.909.347**	**325.265.585.430**	**16.219.942.911**	**1.602.737.758**	**5.495.806.059**	**544.300.981.505**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**40.304.594.672**	**138.012.868.168**	**6.181.713.667**	**907.083.251**	**2.614.595.454**	**188.020.855.212**
2. Khấu hao trong năm	**7.477.476.480**	**23.540.425.743**	**2.265.195.444**	**147.798.280**	**637.449.848**	**34.068.345.795**
- Khấu hao trong năm	*7.477.476.480*	*23.540.425.743*	*2.265.195.444*	*147.798.280*	*637.449.848*	*34.068.345.795*
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm	**47.782.071.152**	**161.553.293.911**	**8.446.909.111**	**1.054.881.531**	**3.252.045.302**	**222.089.201.007**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**154.844.661.039**	**153.483.626.046**	**8.522.928.789**	**163.601.367**	**2.219.810.605**	**319.234.627.846**
2. Tại ngày cuối năm	**147.934.838.195**	**163.712.291.519**	**7.773.033.800**	**547.856.227**	**2.243.760.757**	**322.211.780.498**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 273.231.424.441 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 9.419.942.329 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

'09 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	TSCĐ vô hình	Cộng
I. Nguyên giá							
1. Số dư đầu năm		**133.133.111.452**	**5.986.302.998**				**139.119.414.450**
2. Số tăng trong năm		**175.923.321.996**					**175.923.321.996**
- Thuê tài chính trong năm		*175.923.321.996*					*175.923.321.996*
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
3. Số giảm trong năm							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm		**309.056.433.448**	**5.986.302.998**				**315.042.736.446**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế							
1. Số dư đầu năm		**14.479.883.592**	**823.382.074**				**15.303.265.666**
2. Khấu hao trong năm		**12.871.359.129**	**1.089.673.672**				**13.961.032.801**
- Khấu hao trong năm		*12.871.359.129*	*1.089.673.672*				*13.961.032.801*
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
3. Giảm trong năm							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
4. Số dư cuối năm		**27.351.242.721**	**1.913.055.746**				**29.264.298.467**
III. Giá trị còn lại							
1. Tại ngày đầu năm		**118.653.227.860**	**5.162.920.924**				**123.816.148.784**
2. Tại ngày cuối năm		**281.705.190.727**	**4.073.247.252**				**285.778.437.979**

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 12.612.731.938 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính.
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thoả thuận trong hợp đồng

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	**166.951.730.869**			**345.000.000**		**167.296.730.869**
2. Số tăng trong năm	**299.071.600**			**310.000.000**		**609.071.600**
- Mua trong năm				*310.000.000*		*310.000.000*
- Tạo ra từ nội bộ DN						
- Tăng khác	*299.071.600*					*299.071.600*
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	**167.250.802.469**			**655.000.000**		**167.905.802.469**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
1. Số dư đầu năm	**4.495.865.440**			**211.937.633**		**4.707.803.073**
2. Khấu hao trong năm	**2.793.423.440**			**140.348.068**		**2.933.771.508**
- Khấu hao trong năm	*2.793.423.440*			*140.348.068*		*2.933.771.508*
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						
4. Số dư cuối năm	**7.289.288.880**			**352.285.701**		**7.641.574.581**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	**162.455.865.429**			**133.062.367**		**162.588.927.796**
2. Tại ngày cuối năm	**159.961.513.589**			**302.714.299**		**160.264.227.888**

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 120.828.752.632 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 91.500.000 VND

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
a) BĐS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	**124.429.500.002**			**124.429.500.002**
- Quyền sử dụng đất	17.254.727.273			17.254.727.273
- Nhà	107.174.772.729			107.174.772.729
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế	**8.749.543.500**	**4.945.191.300**		**13.694.734.800**
- Quyền sử dụng đất	781.829.466	392.211.852		1.174.041.318
- Nhà	7.967.714.034	4.552.979.448		12.520.693.482
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại	**115.679.956.502**			**110.734.765.202**
- Quyền sử dụng đất	16.472.897.807			16.080.685.955
- Nhà	99.207.058.695			94.654.079.247
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) BĐS đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tổn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 65.505.820.837 VND
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**1.607.452.969**	**1.838.627.459**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.524.288.803	1.532.125.158
Các khoản khác	83.164.166	306.502.301
b) Dài hạn	**5.786.909.989**	**2.195.961.140**
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.159.271.260	2.116.516.699
Sửa chữa	2.568.610.948	
Các khoản khác	59.027.781	79.444.441
c) Lợi thế thương mại	**73.382.539**	**105.997.001**
Giá trị LTTM phát sinh từ việc mua Công ty con	73.382.539	105.997.001
Cộng	**7.467.745.497**	**4.140.585.600**

13 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn	*Số cuối năm*		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Vay ngắn hạn - VND	1.762.202.059.319	1.762.202.059.319	6.555.481.667.884	6.409.952.453.588	1.616.672.845.023	1.616.672.845.023
Vay ngắn hạn - USD	674.064.836.422	674.064.836.422	1.411.123.139.607	1.109.115.445.425	372.057.142.240	372.057.142.240
Cộng	**2.436.266.895.741**	**2.436.266.895.741**	**7.966.604.807.491**	**7.519.067.899.013**	**1.988.729.987.263**	**1.988.729.987.263**

b) Vay dài hạn	*Số cuối năm*		*Trong năm*		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Tăng*	*Giảm*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
Trên 1 năm đến 5 năm	309.885.030.833	309.885.030.833	7.500.000.000	54.202.756.392	356.587.787.225	356.587.787.225
- VND	*309.885.030.833*	*309.885.030.833*	*7.500.000.000*	*54.202.756.392*	*356.587.787.225*	*356.587.787.225*
Trên 5 năm						
Cộng	**309.885.030.833**	**309.885.030.833**	**7.500.000.000**	**54.202.756.392**	**356.587.787.225**	**356.587.787.225**

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Trang 114

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

c) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

	Năm nay			*Năm trước*		
Thời hạn	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Trả tiền lãi thuê*	*Trả nợ gốc*	*Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính*	*Trả tiền lãi thuê*	*Trả nợ gốc*
Từ 1 năm trở xuống	3.155.715.525	278.998.629	2.876.716.896	6.365.254.432	1.377.094.822	4.988.159.610
Trên 1 năm đến 5 năm	39.079.304.685	12.333.733.309	26.745.571.376	20.805.774.522	6.420.101.205	14.385.673.317
Cộng	**42.235.020.210**	**12.612.731.938**	**29.622.288.272**	**27.171.028.954**	**7.797.196.027**	**19.373.832.927**

d) Giá trị nợ thuê tài chính	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
	Giá đánh giá lại	*Giá gốc*	*Giá đánh giá lại*	*Giá gốc*
Ngắn hạn	**36.920.217.454**	**36.920.217.454**	**20.579.097.719**	**20.579.097.719**
Gốc nợ thuê tài chính	36.920.217.454	36.920.217.454	20.579.097.719	20.579.097.719
Lãi thuê tài chính phải trả				
Dài hạn	**145.614.741.033**	**145.614.741.033**	**70.355.415.629**	**70.355.415.629**
Gốc nợ thuê tài chính	145.614.741.033	145.614.741.033	70.355.415.629	70.355.415.629
Lãi thuê tài chính phải trả				
Cộng	**182.534.958.487**	**182.534.958.487**	**90.934.513.348**	**90.934.513.348**

đ) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán: không có

e) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan: không có

f) Trái phiếu thường	*Số cuối năm*			*Số đầu năm*		
	Giá trị	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*	*Giá trị*	*Lãi suất*	*Kỳ hạn*
+ Ngắn hạn						
+ Dài hạn	**148.621.030.316**			**147.242.060.612**		
Loại phát hành theo mệnh giá	148.621.030.316	10,4%/năm	36 tháng	147.242.060.612	10,4%/năm	36 tháng
Cộng	**148.621.030.316**			**147.242.060.612**		

đ) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ : Không có

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị	*Số có khả năng trả nợ*	*Giá trị*	*Số có khả năng trả nợ*
a) Ngắn hạn	**209.288.069.358**	**209.288.069.358**	**234.948.839.861**	**234.948.839.861**
+ Hợp tác xã Nuôi Trồng TS Chợ Mới			27.458.086.594	27.458.086.594
+ Công ty CP du lịch Đồng Tháp			22.842.525.600	22.842.525.600
+ Công ty TNHH MTV Proconco Cần thơ	1.315.850.000	1.315.850.000	7.667.368.000	7.667.368.000
+ Công ty cổ phần Hum	16.940.822.700	16.940.822.700		
+ Công ty TNHH MTV Mỹ Kiều	13.395.429.628	13.395.429.628		
+ Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sao Mai	18.332.798.000	18.332.798.000		
+ Công ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	14.678.056.570	14.678.056.570		
- Công ty CP Xuất khẩu Hải sản sạch	25.125.710.279	25.125.710.279		
- Desmet Ballestra (SEA) pte. Ltd	13.868.350.000	13.868.350.000		
- Công ty TNHH Hòa Thuận Bình Long	9.213.766.070	9.213.766.070		
+ Phải trả cho các đối tượng khác	96.417.286.111	96.417.286.111	176.980.859.667	176.980.859.667
b) Dài hạn				
Cộng	**209.288.069.358**	**209.288.069.358**	**234.948.839.861**	**234.948.839.861**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		*Số phải nộp trong năm*	*Số đã thực nộp trong năm*	*Số cuối năm*	
	Phải thu	*Phải nộp*			*Phải thu*	*Phải nộp*
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính		5.727.099.911	18.225.343.448	6.363.791.552		17.588.651.807
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động KD bất động sản	557.991.070		197.856.547	5.513.681	365.648.204	
Thuế GTGT		1.300.345.782	15.490.768.392	16.306.147.325		484.966.849
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	28.545.701.752		34.415.494.524	5.869.792.772		
Thuế xuất nhập khẩu		28.857.375	1.419.081.169	1.447.938.544		
Thuế thu nhập cá nhân		134.528.990	8.807.304.842	934.257.121		8.007.576.711
Thuế tài nguyên		12.576.000	151.953.000	146.673.000		17.856.000
Thuế nhà thầu			357.210.276	357.210.276		
Thuế khác			119.221.545	119.221.545		
Cộng	**29.103.692.822**	**7.203.408.058**	**79.184.233.743**	**31.550.545.816**	**365.648.204**	**26.099.051.367**

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

Trang 117

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**105.470.763.444**	**53.925.086.284**
Tài sản thừa chờ giải quyết	52.287.503	52.287.503
Kinh phí công đoàn	612.270.746	1.090.577.670
Bảo hiểm xã hội	185.094.355	86.528.185
Bảo hiểm y tế	24.377.363	13.671.000
Bảo hiểm thất nghiệp	7.730.680	6.076.000
Phải trả về cổ phần hóa		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.892.117.500	7.435.117.500
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.031.795.500	690.250.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	94.665.089.797	44.550.578.426
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	*5.885.709.744*	
+ Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Và Đầu Tư Tài Chính	*1.162.175.000*	
b) Dài hạn		
Cộng	**105.470.763.444**	**53.925.086.284**

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
a) Ngắn hạn	**105.929.192**	**105.929.193**
Doanh thu nhận trước	105.929.192	105.929.193
b) Dài hạn		
Cộng	**105.929.192**	**105.929.193**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

18 . 1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH	Vốn khác của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	**983.250.000.000**		**17.266.800.000**	**(42.000.000)**	**21.679.256.617**	**96.148.880.481**	**102.377.819.755**	**1.220.680.756.853**
Tăng vốn trong năm trước	832.846.710.000							832.846.710.000
Lãi trong năm trước						94.476.504.654	5.073.529.125	99.550.033.779
Tăng do trích lập từ lợi nhuận					2.112.314.309			2.112.314.309
Tăng khác							346.969.052	346.969.052
Trích quỹ từ lợi nhuận						(2.539.128.262)	(221.664.722)	(2.760.792.984)
Thù lao hội đồng quản trị						(792.000.000)		(792.000.000)
Giảm khác			(206.100.000)			(766.531.186)		(972.631.186)
Số dư đầu năm nay	**1.816.096.710.000**		**17.060.700.000**	**(42.000.000)**	**23.791.570.926**	**186.527.725.687**	**107.576.653.210**	**2.151.011.359.823**
Lãi trong năm nay						337.620.151.473	5.270.038.252	342.890.189.725
Tăng do trích từ lợi nhuận		45.288.900.000						45.288.900.000
Trích quỹ từ lợi nhuận					2.040.906.702	(2.040.255.302)	(651.400)	
Chia cổ tức						(317.703.406.500)		(317.703.406.500)
Thù lao hội đồng quản trị						(540.000.000)		(540.000.000)
Giảm khác								
Số dư cuối năm nay	**1.816.096.710.000**	**45.288.900.000**	**17.060.700.000**	**(42.000.000)**	**25.832.477.628**	**203.864.215.358**	**112.846.040.062**	**2.220.947.043.048**

(*) Xem thuyết minh V.18.5: Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

18 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	*Số cuối năm*	%	*Số đầu năm*	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	1.816.096.710.000	100,00%	1.816.096.710.000	100,00%
Cộng	**1.816.096.710.000**	**100,00%**	**1.816.096.710.000**	**100,00%**

18 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	1.816.096.710.000	983.250.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		832.846.710.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	1.816.096.710.000	1.816.096.710.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	317.703.406.500	

18 . 4. Cổ phiếu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	181.609.671	98.325.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	*181.609.671*	*181.609.671*
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	181.609.671	181.609.671
- Cổ phiếu phổ thông	*181.609.671*	*181.609.671*
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

18 . 5. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Quỹ đầu tư phát triển	23.897.550.302	23.791.570.926
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	967.463.663	
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	967.463.663	

18 . 6. Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo qui định của các chuẩn mực kế toán cụ thể

Thù lao hội đồng quản trị	540.000.000

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

c) Ngoại tệ các loại	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
- Dollar Mỹ (USD)	1.968.135,90	4.684.553,77
- Bảng Anh (EUR)	2.248,64	1.835,00
- Đô la Hồng Kông (HKD)	14.860,00	14.860,00
- Nhân dân tệ (CNY)	2.753,00	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	*Năm trước*
a) Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm cá tra	2.796.972.119.220	1.997.766.593.068
Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	1.381.018.711.356	979.806.239.477
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi	1.064.535.312.011	991.845.381.066
Doanh thu cung cấp dịch vụ	58.363.560.072	72.025.400.059
Doanh thu bất động sản đầu tư	30.989.355.279	4.999.579.454
Doanh thu khác		1.003.023.637
Cộng	**5.331.879.057.938**	**4.047.446.216.761**

b) Doanh thu đối với các bên liên quan

Đối tượng	**Mối quan hệ**	**Năm nay**
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn	538.801.719.790

02 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay	*Năm trước*
Giảm giá hàng bán	2.394.897.374	395.805.764
Hàng bán bị trả lại	1.984.542.300	5.876.554.900
Cộng	**4.379.439.674**	**6.272.360.664**

03 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	*Năm trước*
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm cá tra đã bán	2.291.406.263.734	1.806.143.328.983
- Giá vốn bột cá, mỡ cá	1.331.270.504.348	946.071.099.981
- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm thức ăn chăn nuôi đã bán	1.002.404.734.592	921.617.505.466
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.670.337.171	33.167.443.297
- Giá vốn kinh doanh Bất động sản	30.623.525.602	(405.469.000)
+ Chi phí kinh doanh BĐS	*30.623.525.602*	*(405.469.000)*
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8.855.207.331	184.349.570
- Giá vốn khác		963.023.637
Cộng	**4.681.230.572.778**	**3.707.741.281.934**

04 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	100.526.930.447	62.375.467.334
Lãi bán các khoản đầu tư		7.736.100.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	169.749.541	
Lãi chênh lệch tỷ giá	12.459.940.422	20.301.064.573
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	1.787.220.406	873.333.015
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.036.000	72.902.334
Cộng	**114.958.876.816**	**91.358.867.256**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	178.163.816.583	134.599.843.069
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	12.563.129	
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
Lỗ chênh lệch tỷ giá	15.142.611.862	15.308.678.310
Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	268.206.500	471.367.888
Chi phí tài chính khác	1.889.812.691	1.654.987.798
Cộng	**195.477.010.765**	**152.034.877.065**

06 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
06 . 1. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	9.164.534.696	6.159.374.849
Chi phí công cụ, dụng cụ	181.900.000	302.971.203
Chi phí khấu hao	1.203.249.932	536.900.003
Chi phí vận chuyển hàng hóa	71.963.625.760	52.068.060.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.184.788.558	21.787.581.615
Chi phí bằng tiền khác	49.518.076.036	52.678.975.098
Cộng	**164.216.174.982**	**133.533.863.455**

06 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	22.193.996.606	21.313.814.306
Chi phí công cụ, dụng cụ	217.711.209	390.360.350
Chi phí khấu hao	3.347.660.303	3.234.286.463
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	3.038.422.651	5.762.936.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.588.638	670.082.478
Các khoản chi phí QLDN khác	9.886.154.720	10.241.410.405
Cộng	**39.475.534.127**	**41.612.890.824**

07 . THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		2.428.845.360
Tiền phạt thu được	21.715.500	4.655.946.685
Các khoản khác	971.696.276	78.203.788
Cộng	**993.411.776**	**7.162.995.833**

08 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
Các khoản bị phạt	1.427.431.316	1.711.946.782
Các khoản khác	291.602.842	206.662.974
Cộng	**1.719.034.158**	**1.918.609.756**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

09 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.101.993.438.932	1.760.277.111.216
Chi phí nhân công	334.392.101.044	252.851.875.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	55.576.355.574	43.771.280.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.766.264.610	117.795.384.314
Chi phí khác bằng tiền	135.561.092.975	106.324.023.732
Cộng	**2.770.289.253.135**	**2.281.019.675.816**

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	18.274.544.153	5.752.891.738
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	142.613.572	377.871.812
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**18.417.157.725**	**6.130.763.550**

11 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LOẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	23.818.355	28.462.959
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		(133.925.441)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	**23.818.355**	**(105.462.482)**

12 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	337.620.151.473	94.476.504.654
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	181.609.671	154.456.586
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.859**	**612**

13 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	337.620.151.473	94.476.504.654
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế		
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	181.609.671	154.456.586
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.859**	**612**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Số cuối năm
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	175.923.321.996

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	*Năm nay*
- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	8.080.700.007.760

4 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:	*Năm nay*
- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường:	7.556.801.250.633

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết ngày 28/02/2018 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia, đã thông qua việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai tăng tỷ lệ nắm giữ trên 51% đến mức tối đa có thể trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	*Năm trước*
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	880.000.000	792.000.000
Tiền lương	2.973.569.557	2.809.365.053

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai	Cổ đông lớn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Trong kỳ, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Bán cá tra fillet, cá tra đông lạnh	78.349.106.600
	- Phải thu tiền ủy thác xuất khẩu	816.200.000
	- Chi hộ cước vận chuyển	1.015.656.511
	- Bán cá rô phi	240.800.000
	- Phải trả tiền chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	38.244.448.000
	- Phải trả tiền ủy thác nhập khẩu	85.434.799.519
	- Phải trả tiền mua tài sản	45.865.000.000
	- Mua thức ăn thủy sản	117.304.916.860
	- Xây dựng nhà máy thức ăn	63.055.120.000
	- Chi dùm tiền phí hoa hồng	2.076.566.640
	- Chi hộ tiền bảo hiểm	483.764.500
	- Mua mỡ cá	46.723.200.000
	- Xuất bán bột cá	459.469.813.190

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Các khoản phải thu (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Bán cá tra fillet, cá tra đông lạnh	5.171.301.216
	- Tiền bán nguyên liệu thức ăn cá	2.886.891.980
	- Tiền chi dùm bảo hiểm	483.764.500
	- Ứng trước tiền xây dựng nhà máy thức ăn	409.080.026.412
	- Ứng trước Mua thức ăn thủy sản	77.319.525.210
	- Mua mỡ cá	9.980.000
	- Tiền chi hộ bảo hiểm	86.528.185

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải trả (VND)
+ Công ty CP Tập đoàn Sao Mai		
	- Chuyển nhượng Quyền sử dụng đất	12.907.982.000
	- Tiền Ủy thác nhập khẩu 36 Silo Nhà máy thức ăn cho cá	75.344.499.519

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

04 . Thông tin bộ phận

a. Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Chỉ tiêu	Năm nay			Năm trước		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.671.249.599.763	2.656.250.018.501	5.327.499.618.264	2.460.124.087.392	1.581.049.768.705	4.041.173.856.097
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.671.249.599.763**	**2.656.250.018.501**	**5.327.499.618.264**	**2.460.124.087.392**	**1.581.049.768.705**	**4.041.173.856.097**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	253.164.149.371	393.104.896.115	646.269.045.486	155.218.384.360	178.214.189.803	333.432.574.163
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(203.691.709.109)			(175.146.754.279)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			**442.577.336.377**			**158.285.819.884**
Doanh thu hoạt động tài chính			114.958.876.816			91.358.867.256
Chi phí tài chính			(195.477.010.765)			(152.034.877.065)
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết						2.721.138.695
Thu nhập khác			993.411.776			7.162.995.833
Chi phí khác			(1.719.034.158)			(1.918.609.756)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(18.417.157.725)			(6.130.763.550)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			(23.818.355)			105.462.482
Lợi nhuận sau thuế TNDN			**342.892.603.966**			**99.550.033.779**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			**189.460.815.486**			**557.947.026.338**
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			**57.782.397.654**			**73.843.470.114**

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng	Trong nước	Nước ngoài	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	1.319.531.745.513	272.150.014.939	1.591.681.760.452	1.460.032.995.415	265.765.026.886	1.725.798.022.301
Tài sản không phân bổ			4.145.213.508.706			3.354.785.378.585
Tổng tài sản	**1.319.531.745.513**	**272.150.014.939**	**5.736.895.269.158**	**1.460.032.995.415**	**265.765.026.886**	**5.080.583.400.886**
Nợ phải trả bộ phận	187.506.747.743	93.291.084.726	280.797.832.469	212.379.294.268	40.659.541.989	253.038.836.257
Nợ phải trả không phân bổ			3.235.150.393.641			2.676.533.204.806
Tổng nợ phải trả	**187.506.747.743**	**93.291.084.726**	**3.515.948.226.110**	**212.379.294.268**	**40.659.541.989**	**2.929.572.041.063**

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Năm nay

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Bột Cá, mỡ cá	Thức ăn chăn nuôi	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.875.897.302.924	1.436.018.711.356	977.640.161.435	37.943.442.549	**5.327.499.618.264**
Tài sản bộ phận	1.482.179.578.905	305.774.417.252	312.087.942.852	3.636.853.330.149	**5.736.895.269.158**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					**189.460.815.486**

Năm trước

Chỉ tiêu	Sản xuất chế biến cá tra	Doanh thu Bột Cá, mỡ cá	Dầu cá	Khác	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.995.535.832.404	924.251.494.677	1.047.400.125.866	73.986.403.150	**4.041.173.856.097**
Tài sản bộ phận	615.405.338.694	42.016.894.821	6.286.535.500	1.110.795.234	**664.819.564.249**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					**557.947.026.338**

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		*Số đầu năm*		*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
	Giá trị	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Dự phòng*		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	459.950.883.817		168.228.465.119		459.950.883.817	168.228.465.119
Phải thu khách hàng	691.126.691.372		785.213.156.640		691.126.691.372	785.213.156.640
Trả trước cho người bán	900.430.878.279		976.572.519.047		900.430.878.279	976.572.519.047
Các khoản phải thu khác	150.089.915.738		171.618.473.556		150.089.915.738	171.618.473.556
Đầu tư tài chính ngắn hạn	568.288.498.802	(755.415.588)	1.416.046.498.802		567.533.083.214	1.416.046.498.802
Đầu tư tài chính dài hạn	1.090.000.000.000		67.950.000.000		1.090.000.000.000	67.950.000.000
Cộng	**3.859.886.868.008**	**(755.415.588)**	**3.585.629.113.164**		**3.859.131.452.420**	**3.585.629.113.164**
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	209.288.069.358		234.948.839.861		209.288.069.358	234.948.839.861
Người mua trả tiền trước	60.387.695.988		16.487.089.077		60.387.695.988	16.487.089.077
Vay và nợ	3.077.307.915.377		2.583.494.348.448		3.077.307.915.377	2.583.494.348.448
Phải trả người lao động	31.777.742.652		27.192.267.305		31.777.742.652	27.192.267.305
Trái phiếu chuyển đổi						
Các khoản phải trả khác	105.470.763.444		53.925.086.284		105.470.763.444	53.925.086.284
Cộng	**3.484.232.186.819**		**2.916.047.630.975**		**3.484.232.186.819**	**2.916.047.630.975**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

Báo cáo thường niên năm 2017

Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia IDI

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	209.288.069.358			209.288.069.358
Người mua trả tiền trước	60.387.695.988			60.387.695.988
Vay và nợ	2.473.187.113.195	604.120.802.182		3.077.307.915.377
Trái phiếu chuyển đổi				
Chi phí phải trả				
Các khoản phải trả phải nộp khác	105.470.763.444			105.470.763.444
Cộng	**2.848.333.641.985**	**604.120.802.182**		**3.452.454.444.167**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

IDI cam kết an toàn cho sự hợp tác toàn diện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.968.136	4.683.933
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	12.006.230	11.528.656
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác	(4.106.884)	(947.553)
Vay và nợ thuê tài chính	(29.799.965)	(16.577.445)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	**(19.932.483)**	**(1.312.410)**

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%	(9.082.864.319)	(620.893.924)
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%	9.082.864.319	620.893.924

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã sử dụng các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	Số cuối năm
Tiền gửi có kỳ hạn	1.596.930.000.000
Hàng tồn kho	456.337.237.600
Tài sản cố định hữu hình	463.329.177.277
Quyền sử dụng đất	125.646.910.719
Bất động sản đầu tư	72.116.500.000

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

07 . Thông tin về hoạt động liên tục

- Theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết ngày 28/02/2018 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia, đã thông qua việc cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai tăng tỷ lệ nắm giữ trên 51% đến mức tối đa có thể trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện chào mua công khai.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

08 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
TRẦN PHƯỚC MINH	LÊ XUÂN ĐỊNH	LÊ VĂN CHUNG

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ CÔNG TY

I/ CƠ CẤU TỔ CHỨC

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

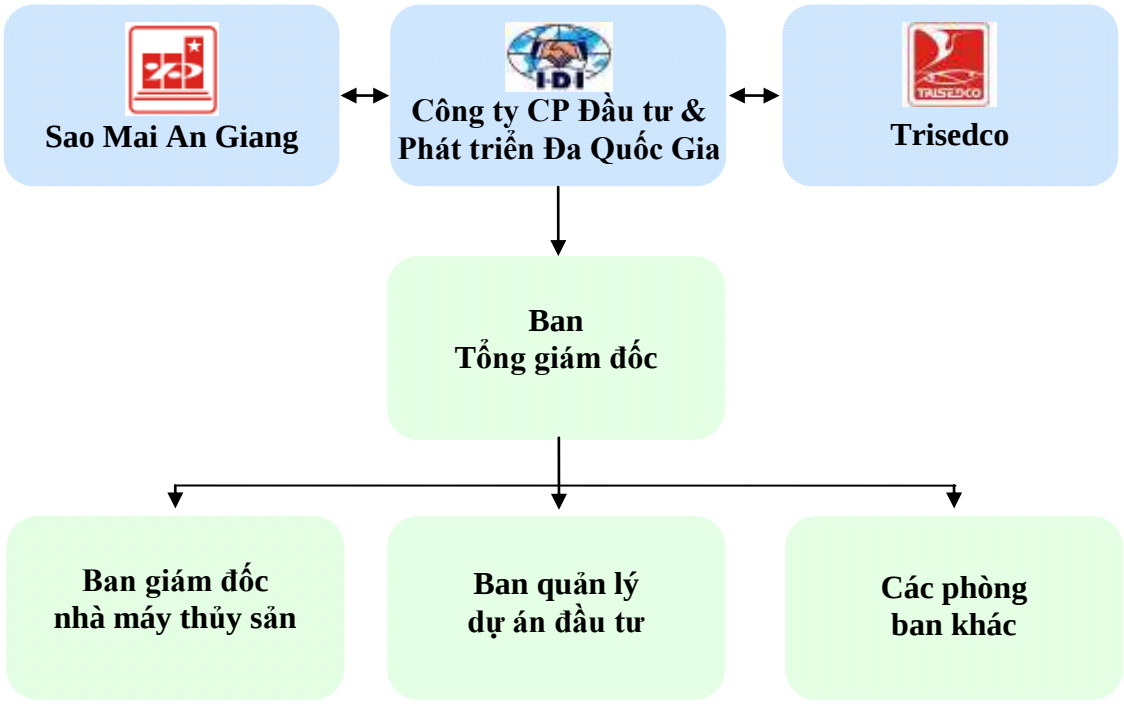

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC BỘ PHẬN TRONG TỔ CHỨC

Ban tổng giám đốc điều hành chung. Ban giám đốc nhà máy thủy sản, ban quản lý dự án đầu tư và các phòng ban khác điều hành trực tiếp sản xuất. Cụ thể như sau:

- Ban giám đốc nhà máy thủy sản: Trực tiếp quản lý và điều hành toàn bộ hoạt động chế biến thủy sản từ khâu tiếp nhận nguyên liệu đến khi sản xuất ra thành thẩm và kiểm định sản phẩm trước khi đưa ra thị trường.
- Ban quản lý dự án đầu tư: Quản lý và điều hành hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp Vàm Cống và các dự án khác tại huyện Lấp Vò (kể cả việc đầu tư liên kết với nông dân trong việc nuôi cá), tỉnh Đồng Tháp.
- Các phòng ban khác: Thực hiện các chức năng và nhiệm vụ cụ thể được phân công. Mỗi phòng ban đều có các trưởng, phó phòng trực tiếp phụ trách quản lý.

II. CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA CÁC BỘ PHẬN BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY

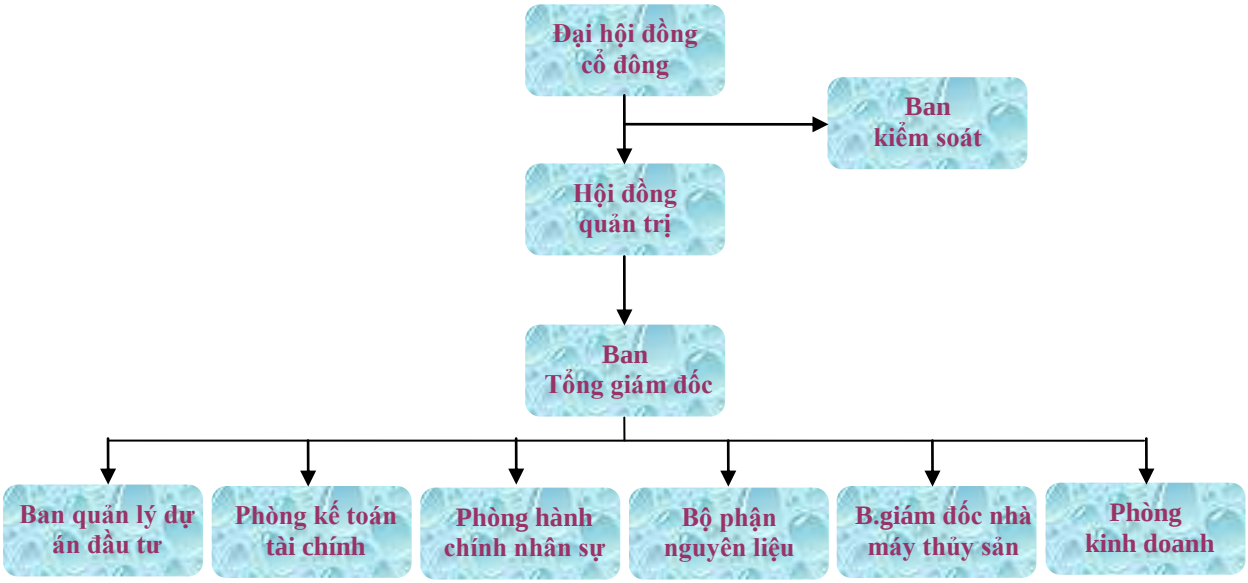

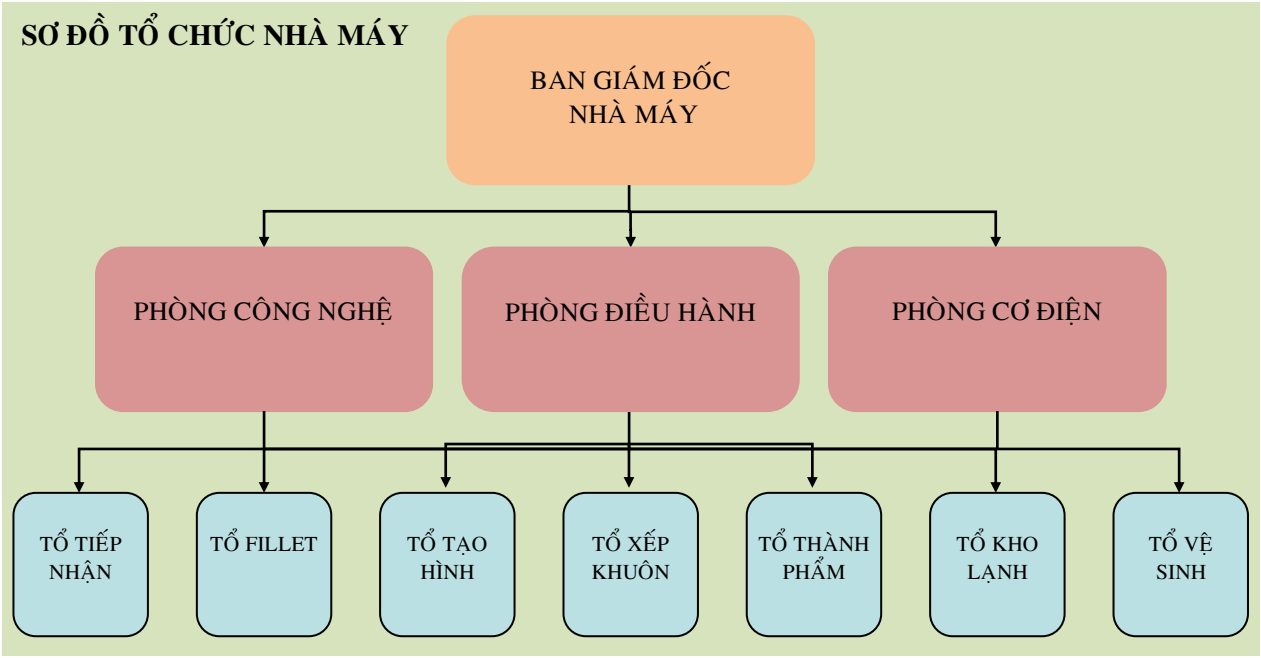

2.1 Hội đồng quản trị

- HĐQT được ĐHĐCĐ bầu ra gồm 09 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, có toàn quyền nhân danh công ty quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ như chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chất chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban tổng Giám đốc.
- HĐQT công ty nhiệm kỳ 2015 – 2019 gồm:

○ Ông Lê Thanh Thuấn	Chủ tịch.
○ Ông Nguyễn Văn Hung	Phó chủ tịch.
○ Ông Lê Văn Chung	Thành viên.
○ Ông Lê Xuân Quế	Thành viên.
○ Ông Trương Vĩnh Thành	Thành viên.
○ Ông Phạm Đình Nam	Thành viên.
○ Ông Lê Văn Thành	Thành viên.
○ Bà Lê Thị Phượng	Thành viên.
○ Ông Trương Công Khánh	Thành viên.

Các thành viên HĐQT và ban lãnh đạo công ty tại ĐHĐCĐTN 2017

2.2 Ban tổng giám đốc

- Ban giám đốc có 08 thành viên gồm 01 Tổng giám đốc và 05 Phó tổng giám đốc, 01 Giám đốc tài chính và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Là bộ phận tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo các mục tiêu và kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua.

- Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT và pháp luật về tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty. Để việc điều hành có hiệu quả, Tổng giám đốc sẽ căn cứ vào khả năng chuyên môn và năng lực quản lý của từng thành viên trong Ban tổng giám đốc thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định.

- Ban tổng giám đốc gồm có:

○ Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc.
○ Ông Lê Văn Cảnh	Phó Tổng Giám đốc.
○ Ông Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc.
○ Ông Lê Đình Lịch	Phó Tổng Giám đốc
○ Ông Nguyễn Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc
○ Bà Võ Thị Minh Tâm	Phó Tổng Giám đốc
○ Ông Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính.
○ Ông Lê Xuân Định	Kế toán trưởng.

2.3 Ban kiểm soát

- Là bộ phận quản trị với nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ tổ chức kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của HĐQT và Ban điều hành cũng như trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty. BKS gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm do ĐHĐCĐ bầu ra.

- BKS công ty nhiệm kỳ 2015 – 2019 gồm:
  - Ông Lê Hoàng Cương Trưởng ban.
  - Bà Nguyễn Thị Hương Thành viên.
  - Bà Lê Thanh Dũng Thành viên.

2.4 Các phòng ban khác

a) Phòng kế toán tài chính:

Tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Tổng giám đốc trong các hoạt động tài chính, quản lý tài sản và các dự án đầu tư, quản lý các nguồn vốn kinh doanh. Phân tích và kiểm soát hiệu quả việc sử dụng vốn đầu tư. Đảm bảo việc hạch toán sổ sách theo chuẩn mực kế toán hiện hành, thực hiện quyết toán và thanh lý các hợp đồng kinh tế với khách hàng. Phối hợp các phòng ban lập kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung dài hạn, giải quyết công nợ với khách hàng.

b) Phòng hành chính nhân sự:

Phụ trách các hoạt động lễ tân, tiếp khách, quản lý và lưu trữ hồ sơ nhân sự. Chịu trách nhiệm về hoạt động quản lý, tuyển dụng và đào tạo nhân sự. Hoạch định nhân sự nhằm mục đích phục vụ cho mục đích kinh doanh cũng như chiến lược của Công ty. Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGĐ với Người lao động trong Công ty. Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGĐ và Người lao động trong Công ty. Hỗ trợ cho các bộ phận liên quan về công tác đào tạo nhân viên, cách thức tuyển dụng nhân sự…

c) Xí nghiệp phát triển nguyên liệu:

Thực hiện việc quản lý, phát triển vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu nguyên liệu phục vụ sản xuất. Thực hiện triển khai xây dựng vùng nguyên liệu tự chủ theo kế hoạch. Xây dựng quy trình nuôi cá cũng như quy trình xử lý khi vùng nuôi khi cá gặp dịch bệnh. Kiểm soát và quản lý sao cho giá thành nuôi thấp nhất nhằm nâng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Phòng kinh doanh:

Chịu trách nhiệm xây dựng phương án kinh doanh có hiệu quả, các kế hoạch marketing, triển khai các phương án mở rộng thị trường. Liên hệ và tiếp xúc trực tiếp với khách hàng nước ngoài trong hoạt động xuất nhập khẩu. Luôn chủ động mở rộng thị trường và tìm kiếm khách hàng mới. Nắm bắt nhu cầu của khách hàng cũng như những phản ánh của khách hàng nhằm khắc phục những hạn chế từ đó hoàn thiện hơn trong việc chăm sóc khách hàng.

III/ CÁC THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

3.1 Hội đồng quản trị

Ông Lê Thanh Thuấn – Chủ tịch HĐQT

- CMND số : 350006170 cấp ngày17/01/2008 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 10/3/1958
- Địa chỉ thường trú: 326 Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Thanh Thuấn sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, Thanh Hóa. Tốt nghiệp là kỹ sư xây dựng, từ năm 1977, ông Thuấn làm việc tại Sở xây dựng An Giang.
- Từ năm 1979, Ông là cán bộ của Sở quản lý nhà đất An Giang.
- Năm 1982, ông Thuấn được bổ nhiệm làm Chánh văn phòng Ủy ban Xây dựng cơ bản Nhà nước An Giang. Sau đó, Ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty Liên doanh Kiến trúc An Giang vào năm 1986.
- Từ năm 1992, ông Thuấn được cử làm Giám đốc xí nghiệp Xây dựng Tây Sông Hậu thuộc Công ty Xây dựng Miền Tây, Bộ Xây Dựng. Đến năm 1997, Ông thành lập và điều hành Công CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2003, ông thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 10.000.000 cp, chiếm 5,51% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai sở hữu là: 71.346.378 cổ phần, chiếm 39,29% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Văn Hung – Phó chủ tịch HĐQT

- CMND số: 351139667 cấp ngày 18/04/2007 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 18/05/1954
- Địa chỉ thường trú: 49/30 Khúc Thừa Dụ, P.Mỹ Bình, TP.Long Xuyên, An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Hung sinh tại Đồng Tháp. Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng, Ông được nhận công tác tại Phòng chính trị Tỉnh đội An Giang từ năm 1975.
- Năm 1989, Ông được bổ nhiệm làm Trưởng phòng tổ chức Sở Kinh tế đối ngoại tỉnh An Giang; Sau đó, ông tiếp tục được bổ nhiệm làm Thanh tra Sở Thương mại Du lịch tỉnh An Giang từ năm 1995.
- Từ năm 1997, Ông Hung tham gia góp vốn thành lập và điều hành Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai và giữ chức vụ Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc.
- Năm 2003, ông tham gia thành lập công ty CP Đầu tư và Phát triển đa quốc gia (IDI) và giữ chức vụ phó Chủ tịch Hội đồng quản trị cho đến nay.
- Ngoài ra, Ông cũng đang giữ vị trí lãnh đạo khác: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy Sản.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 601.472 cổ phần, chiếm 0.33% vốn điều lệ.

Ông Lê Văn Chung - Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

- CMND số: 351393479 cấp ngày 09/06/2010 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 1964
- Địa chỉ thường trú : Số 72. Trần Nhật Duật, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Văn Chung sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Sau khi tốt nghiệp ngành cơ khí, Ông công tác tại Xí nghiệp Liên hiệp Đường sắt Huế.
- Năm 1987, Ông Chung làm việc tại Cộng Hòa Dân Chủ Đức. Đến năm 1991, Ông trở về Việt Nam và công tác tại Công ty liên doanh kiến trúc An Giang và được bổ nhiệm làm Đội trưởng xây dựng Công ty Xây dựng Miền Tây vào năm 1994. Sau đó, Ông Chung tham gia thành lập và điều hành Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang từ năm 1997.
- Năm 2003, ông Chung tham gia thành lập và giữ chức vụ thành viên HĐQT công ty IDI.
- Từ 2008 đến 22/10/2013, ông Chung giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Cty IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 6.118.698 cổ phần, chiếm 3,37% vốn điều lệ.

Ông Lê Văn Thành – Thành viên HĐQT

- CMND số: 351400599 cấp ngày 12/12/2012 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú: Số 706 Hà Hoàng Hổ, Mỹ Long, TP Long Xuyên, An Giang AG

- Ông Lê Văn Thành sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông Thành tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng công nghiệp và dân dụng, quá trình công tác như sau:
- Từ năm 1997 – 1998 : Phó phòng kỹ thuật Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai(Nay là Tập đoàn Sao Mai)
- Từ năm 1999 - 2001 : Đội trưởng đội xây dựng số 5 Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai
- Từ năm 2002 – 2006 : Phó phòng kế hoạch Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai.
- Từ năm 2007 – 2009 : Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai
- Từ 2010 – 2015: Trưởng phòng quản lý Bất động sản Công ty CP Đầu Tư và XD Sao Mai.
- Từ 2015 đến nay: Ông được bầu vào TV.HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.008.535 cổ phần, chiếm 1,11% vốn điều lệ.

Ông Phạm Đình Nam – Thành viên HĐQT

- CMND số: 351333247 cấp ngày 29/06/2008 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 08/02/1969
- Địa chỉ thường trú: 19/04 .Trần Hưng Đạo – P.Mỹ Quí –TP.Long xuyên – An Giang.

- Ông Phạm Đình Nam sinh tại thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Ông Nam tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng tại Trường Xây dựng Miền Tây, quá trình công tác như sau:
- Từ 1991-1993 : Đội trưởng đội xây dựng số 6 thuộc XNXD Tây Sông Hậu
- Từ 1994-1997 : Đội XD thuộc xí nghiệp XD Tây Sông Hậu
- Từ 1998-2005 : Giám đốc XN Phương Nam thuộc công ty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Từ 2006- 2009 : Giám đốc ban quản lý dự án Sao Mai Bến Tre
- Từ 2009- 2012 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Đầu tư Du lịch và Phát triển Thủy Sản (Trisedco)
- Từ 2013 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 191.830 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

Lê Xuân Quế - Thành viên HĐQT

- CMND số: 351259440 cấp ngày 08/02/2005 tại Tỉnh An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 25/05/1968
- Địa chỉ thường trú : 647B/33. Tôn Thất Thuyết, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Lê Xuân Quế sinh tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Từ năm 1992, Ông công tác tại xí nghiệp Tây Sông Hậu – Bộ Xây Dựng sau khi tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng.
- Năm 1997, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Xí nghiệp Phương Nam trực thuộc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Năm 2003, Ông được điều về công tác tại văn phòng công ty Sao Mai sau đó giữ chức vụ phó Tổng giám đốc Công ty.
- Năm 2010, ông Lê Xuân Quế được bầu vào và giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị của công ty IDI cho đến nay.
- Ngoài ra, Ông Quế còn giữ các chức vụ quản trị tại các công ty khác như thành viên HĐQT Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai, thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 1.665 cổ phần, chiếm 0,00% vốn điều lệ.

Ông Trương Vĩnh Thành – Thành viên HĐQT.

- CMND số: 352244166 cấp ngày 04/03/2010 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/7/1977
- Địa chỉ thường trú: Số 83.Lô E1, Khu ĐT Sao Mai, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Trương Vĩnh Thành sinh ở Thôn Giang Nam, Phước Hiệp, Tuy Phước, Bình Định. Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng Đại học Bách khoa TPHCM năm1999.
- Từ năm 1999-2001: Phó phòng, trợ lý giám đốc, trưởng phòng kỹ thuật Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.
- Từ năm 2001-2004: Giám đốc Cty tư vấn thiết kế Điển hình An Giang, trưởng phòng KCS, TP. Marketing Cty CP Đầu tư & Xây dựng Sao Mai.
- Từ năm 2005-2007: TP Quản lý Đầu tư Cty CP Đầu tư và Xây dựng Sao Mai kiêm P.Tổng giám đốc Cty Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia.
- Năm 2008 - 2011: Tổng giám đốc Cty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia.
- Từ 2011 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia, Thành viên hội đồng quản trị công ty Trisedco, Phó Tổng giám đốc Cty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 20.286cổ phần, chiếm 0.01% vốn điều lệ.

Bà Lê Thị Phượng – Thành viên HĐQT

- CMND số: 171 652 200 cấp ngày 04/08/2010 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 1980
- Địa chỉ thường trú: 54G1,Khu đô thị Sao Mai, Bình Khánh, LX,AG

- Bà Lê Thị Phượng sinh tại Xuân Thịnh, Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bà Phượng tốt nghiệp cử nhân kinh tế Trường Đại học Kinh Tế TP HCM, quá trình công tác như sau:

-Từ năm 2004 – 2006 : Kế toán Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai.
-Từ năm 2007 – 2015 : Kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư và Xây Dựng Sao Mai
- Từ 2015 đến nay: Bà được bầu vào TV.HĐQT Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

Ông Trương Công Khánh – TV.HĐQT kiêm GĐTC

- CMND số : 341365203 cấp ngày 23/8/2008 tại CA Đồng Tháp.
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 13/3/1987
- Địa chỉ thường trú: Ấp An Lạc, xã Định An, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Ông Trương Công Khánh sinh tại An Lạc, Định An, Lấp Vò, Đồng Tháp.
- Năm 2009 tốt nghiệp Đại học Kinh tế TP.HCM chuyên ngành kế toán kiểm toán.
- Tháng 08 năm 2009 làm việc tại Ban kiểm toán nội bộ Công Ty CP Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành.
- Tháng 11/2011 Làm Kế toán Trưởng Công Ty CP Đầu Tư Địa Ốc & Khoáng Sản Châu Á.
- Tháng 10/2013 Làm GĐTC Công Ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
- Tháng 05/2015 Ông được bầu làm TV.HĐQT Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Đa Quốc Gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm hội đồng quản trị đã tiến hành tổng số 27 cuộc họp với tỷ lệ tham dự đầy đủ 100% của tất cả các thành viên.
- Hàng tuần/tháng/quý, thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng;
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh Quý I, Quý II, Quý III, Quý IV năm 2017 đồng thời kết hợp với Ban tổng giám đốc để đặt mục tiêu, kế hoạch kinh doanh năm 2018.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như chỉ đạo với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm đảm bảo tình hình kinh doanh chung của Công ty được ổn định và an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo trực tiếp trong việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	3103/QĐ-HĐQT/2017	31/03/2017	Quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2017
2	11/NQ-HĐQT/2017	11/04/2017	Nghị quyết thông qua việc thoái vốn công ty Cổ phần Nhựt Hồng
3	1011/QĐ/HĐQT/2017	10/11/2017	Quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2015, 2016 và ứng trước cổ tức năm 2017
4	24211/QĐ/HĐQT/2017	24/11/2017	Quyết định chia cổ tức bằng tiền mặt năm 2015, 2016 và ứng trước cổ tức năm 2017 (thay thế Quyết định số 1011/QĐ/HĐQT/2017 ngày 10/11/2017)

5	1512/QĐ/HĐQT/2017	15/12/2017	Quyết định v/v xin ý kiến cổ đông bằng văn bản để cho Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai tăng tỷ lệ nắm giữ trên 51% đến mức tối đa có thể, trên tổn số cổ phần có quyền biểu quyết mà không phải thực hiện chào mua công khai

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;
- Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

3.2 Ban Tổng giám đốc

Ông Lê Văn Chung	Tổng Giám đốc.(đã tóm tắt ở trên).
Ông Phạm Đình Nam	Phó Tổng Giám Đốc (đã tóm tắt ở trên).
Ông Trương Công Khánh	Giám đốc tài chính (đã tóm tắt ở trên).

Ông Lê Đình Lịch - Phó Tổng giám đốc

- CMND số : 113242305 cấp ngày 04-6-2003 tại CA Hòa Bình.
- Giới tính : Nam.
- Ngày sinh: 12-5-1957.
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2A Phường Tân Thịnh TP. Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình.

Ông Lê Đình Lịch sinh tại Xã Dân Quyền huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa.
- Ông tốt nghiệp khoa tiếng Nga trường Đại học sư phạm ngoại ngữ Hà nội và tốt nghiệp chuyên ngành xây dựng Trường Đại học xây dựng Hà Nội.

Qua trình công tác như sau:
- Từ 1975 – 1978 : Học tại Liên Xô (cũ).
- Từ 1979 – 1993 : Tham gia xây dựng Thủy điện Sông Đà Hòa bình.
- Từ 1993 – 1997 : Quản đốc phân xưởng May công nghiệp Tổng đôi thanh niên Sông Đà.
- Từ 1997 – 2007: Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty May xuất khẩu 3-2 Hòa Bình.
- Từ 2007 – 2009 : Giám đốc Chi nhánh Công ty CPĐT & XD Sao Mai tại tỉnh hòa Bình.
- Từ 2009 – nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CPĐT & PT Đa quốc gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: không có.

Ông Nguyễn Thanh Hải – Phó Tổng Giám Đốc.

- CMND số: 352349644 cấp ngày 12/10/2011 tại CA An Giang
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 20/09/1988
- Địa chỉ thường trú: 72 Trần Nhật Duật, Phường Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang

- Ông Nguyễn Thanh Hải sinh ở xã Thọ Xương, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tốt nghiệp Cử Nhân Quản Trị Kinh Doanh trường California State University, Long Beach năm 2011.
- Từ năm 2011-2012: Nhân Viên Kinh Doanh, Trợ lý Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Từ năm 2012-2015: Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I.
- Từ 2015 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc kiêm Trợ lý Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Đa Quốc Gia I.D.I .
- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.000.000 cổ phần, chiếm 0,55% vốn điều lệ.

Bà Võ Thị Minh Tâm – Thành viên HĐQT.

- CMND số: 024 725 058 cấp ngày 01/11/2007 tại CA TP.HCM
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 07/07/1966
- Địa chỉ thường trú: 49 Trương Phước Phan, Bình Trị Đông, Bình Tân, TP.HCM

- Bà Võ Thị Minh Tâm sinh ở Long Xuyên, An Giang. Tốt nghiệp đại học kinh tế năm 1991
- Từ năm 1992 – 1998: Quản lý sản xuất Cty Hóa Mỹ Phẩm Pháp Mỹ
- Từ năm 1999 – 2000: Học tiếng Trung ở Bắc Kinh – Trung Quốc
- Từ năm 2001 – 2010: Làm ở **Cty Transimex** Sài Gòn
- Từ năm 2011 – 2016: Chánh văn phòng Cty IDI
- Từ tháng 02/2016 đến nay làm Phó tổng giám đốc Cty IDI, thành viên hội đồng quản trị Cty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đa Quốc Gia
- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.002.400 cổ phần, chiếm 1,1% vốn điều lệ.

Ông Lê Văn Cảnh – Phó Tổng giám đốc

- CMND số: 352272634 cấp ngày 11/08/2010 tại Công An tỉnh Thanh Hóa.
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 10/09/1975
- Địa chỉ thường trú: 46 Lê Hoàn, phường Bình Khánh , TP Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Ông Lê Văn Cảnh sinh tại huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Ông tốt nghiệp kỹ sư xây dựng ngành xây dựng.

Quá trình công tác như sau:

- Từ 2000 – 2005: Đội trưởng đội xây dựng số 9 thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2005 – 2006: Trưởng phòng kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sao Mai, tỉnh An Giang.
- Từ 2006 – 2010: Phó giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư và xây dựng Cụm Công nghiệp Vàm Cống.
- Từ 2010 đến nay: Làm Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa quốc gia IDI.
- Số lượng cổ phần sở hữu: 60.582 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Ông Lê Xuân Định – Kế toán trưởng.

- CMND số: 341 964 156 cấp ngày 18/06/2015 tại CA Đồng Tháp
- Giới tính: Nam.
- Ngày sinh : 04/03/1985
- Địa chỉ thường trú : Số 04B. Ấp An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp.

- Ông Lê Xuân Định sinh tại Minh Khôi, Nông Cống, Thanh Hóa.
- Năm 2007 Ông Lê Xuân Định tốt nghiệp cử nhân kế toán và cũng trong năm 2007 ông làm việc tại phòng kế toán Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI.
- Năm 2011 ông Lê Xuân Định giữ chức vụ kế toán trưởng Công ty CP Đầu Tư & PT Đa Quốc Gia IDI cho đến nay.
- Số lượng cổ phần sở hữu:Không có.
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: không có.

- Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Thị Thiên Trang	Ông Lê Thanh Thuấn CT.HĐQT	414,000	0.23%	3,201,540	1.76%	Nâng tỷ lệ nắm giữ
2	Nguyễn Thanh Sơn	Ông Nguyễn Thanh Hải Phó Tổng Giám Đốc	200,000	0.11%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
3	Ông Phạm Đình Nam - Phó Tổng Giám		2,211,830	1.22%	211,830	0.12%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
4	Ông Lê Xuân Quế -TV.HĐQT		1,421,665	0.78%	421,665	0,23%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
5	Ông Lê Xuân Quế - TV.HĐQT		421,665	0.23%	1.665	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
6	Ông Lê Hoàng Cương – Trưởng Ban kiểm soát		1,600,000	0.88%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
7	Lê Thị Thiên Trang	Ông Lê Thanh Thuấn CT.HĐQT	3,201,540	1.76%	414.000	0.23%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
8	Ông Lê Văn Cảnh- Phó Tổng Giám Đốc		1,060,582	0.58%	60.582	0.03%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
9	Ông Trương Công Khánh- TV.HĐQT kiêm Giám Đốc Tài Chính		1,000,000	0.55%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
10	Bà Lê Thị Phượng – TV. HĐQT		1,000,000	0.55%	0	0.00%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
11	Ông Trương Vĩnh Thành – TV. HĐQT		1,020,286	0.56%	20,286	0.01%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân

12	Ông Lê Văn Thông	Ông Lê Thanh Thuấn – CT.HĐQT	2,016,560	1.11%	16,560	0.01%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân
13	Ông Nguyễn Văn Hung- TV.HĐQT		1,001,472	0.55%	601,472	0.33%	Giải quyết nhu cầu tài chính cá nhân

3.3 Ban kiểm soát

a) Ông Lê Hoàng Cương – TB. Kiểm Soát.

- CMND số : 370 990 568 cấp ngày 24/03/2000 tại CA Kiên Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1985
- Địa chỉ thường trú : 21N1, KDC Bình Khánh 3 - P. Bình Khánh - Long Xuyên - An Giang
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

b) Bà Nguyễn Thị Hương – Ủy viên.

- CMND số : 351573787 cấp ngày 09/10/1999 tại CA An Giang
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 1984
- Địa chỉ thường trú : Số 34D3. Lý Bôn, P.Bình Khánh-TP.Long Xuyên,AG.
- Số lượng cổ phần sở hữu : Không có.

c) Ông Lê Thanh Dũng – Ủy viên.

- CMND số : 173 526 473 cấp ngày 22/10/2008 tại CA Thanh Hóa
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 1990
- Địa chỉ thường trú : KDC Sao Mai, An Giang, An Thạnh, Bình Thành, Lấp Vò, Đồng Tháp
- Số lượng cổ phần sở hữu: Không có.

Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty.
- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của công ty.
- Giám sát việc chấp hành các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của công ty.
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch, tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra công tác đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của công ty và các đơn vị trong Công ty.
- Kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra chi phí để đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Kiểm tra giám sát việc quản lý, sử dụng vốn.
- Kiểm tra công tác quản lý công nợ.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm của công ty.

IV/ THAY ĐỔI BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM

Trong năm 2017 Công ty không có thay đổi nào trong Ban điều hành.

V/ NGUỒN NHÂN LỰC

5.1 Lực lượng lao động

- Năm 2017, công ty đã thực hiện tuyển dụng và đào tạo được nhiều kỹ sư, cử nhân giỏi và công nhân có tay nghề cao từ 3.547 người lúc đầu năm 2017 và tăng lên 3.829 người lúc cuối năm 2017 để bổ sung cho nhà máy chế biến thức ăn thủy sản và nhà máy chế biến fillet xuất khẩu.

- Trong năm 2017 Công ty cũng đã thực hiện nhiều chính sách đào tạo cán bộ theo chiều sâu mà cụ thể là đã cử nhiều cán bộ đi du học tại các nước phát triển như: Mỹ, Trung Quốc, Singgapore, Úc.... Với nhiệm vụ vừa học vừa phát triển thị trường Trung Quốc đi kèm với việc quản lý khách hàng. Cử các cán bộ chuyên trách tham gia các lớp huấn luyện, học tập nghiệp vụ chuyên môn cũng như nắm bắt các thay đổi, các quy định mới về thuế, về quản lý chất lượng... Trong năm Công ty cũng có mời các chuyên gia nước ngoài về Công ty để tư vấn hướng dẫn và đào tạo cán bộ nâng cao trình độ tay nghề, nắm bắt công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực trẻ giúp Công ty phát triển được bền vững.

- Công ty cũng tạo nhiều điều kiện thuận lợi như bố trí hai nhà ăn thoáng mát hợp vệ sinh. Các món ăn của Công nhân viên của công ty được luân phiên nhằm đãm bảo đầy đủ các chất dinh dưỡng, hợp vệ sinh, an toàn thực phẩm để có sức khỏe tốt và làm việc hiệu quả. Ngoài ra Công ty cũng hỗ trợ chi phí qua phà, hỗ trợ xe về nghỉ tết âm lịch, bố trí nhà ở cho CB-CNV và người lao động của Công ty để mọi người an tâm làm việc.

BẢNG CƠ CẤU LAO ĐỘNG

ĐVT: Người

A	Theo trình độ	3.829	100,00%
1	Trên Đại học	4	0,10%
2	Đại học	219	5,72%
3	Cao Đẳng	122	3,19%
4	Trung cấp	125	3,26%
5	Sơ cấp	17	0,44%
6	Khác	3.342	87,28%
B	**Theo nhóm tuổi**	**3.829**	**100,00%**
1	Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	2.322	60,64%
2	Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	1.335	34,87%
3	Từ 56 tuổi đến 60 tuổi	160	4,18%
4	Trên 60 tuổi	12	0,31%

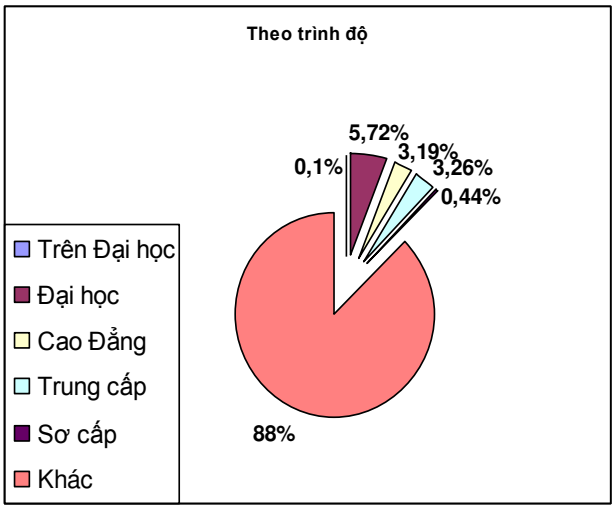

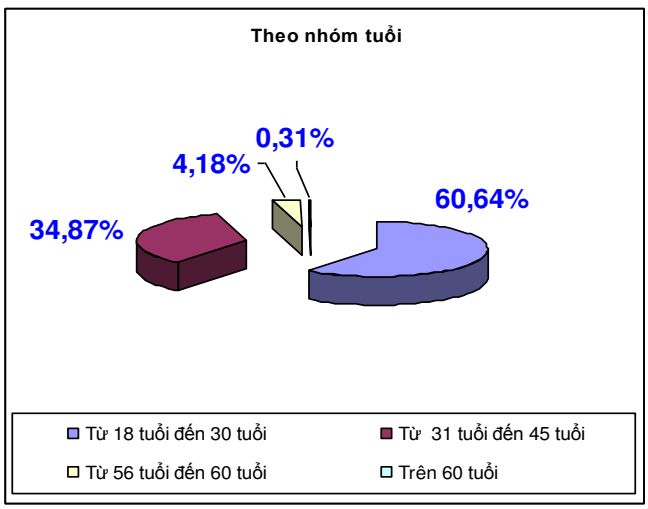

Chính sách lương, thưởng: Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến nâng suất lao động.

Mức lương bình quân

Năm	Mức lương bình quân của CB_CNV	Mức lương bình quân của công nhân
2014	8.000.000 đồng	4.500.000 đồng
2015	9.000.000 đồng	4.500.000 đồng
2016	10.000.000 đồng	5.000.000 đồng
2017	11.000.000 đồng	5.500.000 đồng

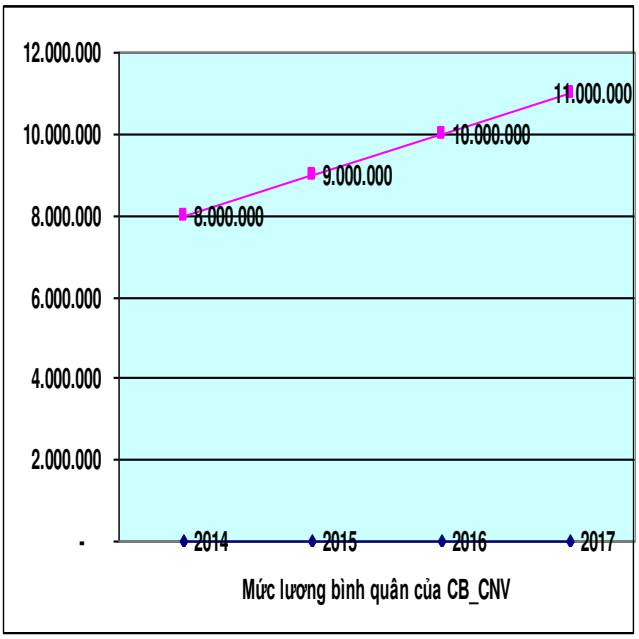

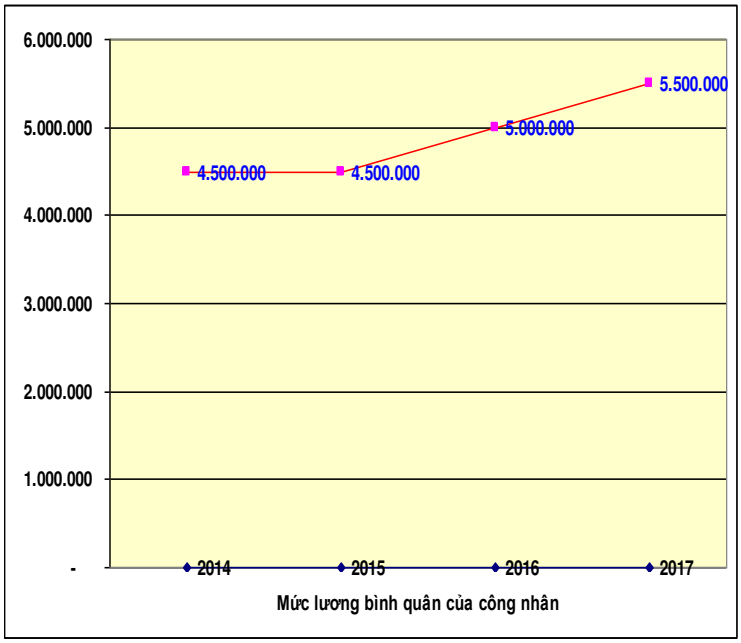

5.2 Chính sách đối với người lao động

- Năm 2017, công ty tuyển dụng hơn 700 công nhân và liên kết với Trung tâm dạy nghề đào tạo sơ cấp cho toàn bộ lao động phổ thông. Đây là lực lượng lao động tương đối lớn do tăng năng suất sản xuất. Nhưng công ty vẫn luôn đảm bảo các chế độ chính sách đối với người lao động theo qui định của luật lao động như : Các chế độ bảo hiểm, ốm đau, sinh sản . . .

- Thu nhập bình quân của CB-CNV là 11 triệu đồng/người/tháng, công nhân là 5,5 triệu đồng/người/tháng. Thực hiện chính sách thưởng trong các ngày lễ như 8/3, 30/4, 1/5, 2/9, tết dương lịch và âm lịch, lương tháng 13... Mỗi tháng, công ty đều có thưởng cho những công nhân đi làm đủ công, chấp hành tốt các quy định.

- Công ty hỗ trợ suất ăn trưa mỗi ngày và đồng phục mỗi năm. Riêng lực lượng lao động trực tiếp được trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động và tuân thủ an toàn lao động.

5.3 Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- Xây dựng lương thưởng theo hướng sáng tạo và đóng góp của người lao động. Thi đua sản xuất, cải tiến tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tuyển lao động có kinh nghiệm, đáp ứng yêu cầu công việc,lao động trẻ có tay nghề cao.

- Đào tạo, bồi dưỡng về HACCP, GMP, SQF, kỹ năng quản lý, kỹ năng nghiệp vụ cho công nhân và nhân viên tại nhà máy.
- Đào tạo nhân viên mới để nắm rõ nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc.
- Đào tạo từ đơn giản đến phức tạp, từ cấp thấp đến cấp cao, nhân viên thuộc bộ phận nào sẽ được phụ trách bộ phận đó hướng dẫn, đào tạo và phân công.
- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi về thời gian và kinh phí cho người lao động nâng cao trình độ và kiến thức.

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY.

I/ THÔNG TIN QUẢN TRỊ CÔNG TY

1.1 Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 – 2019 có 09 thành viên gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Phó Chủ tịch HĐQT và 07 thành viên HĐQT. Trong đó, có 03 thành viên tham gia điều hành và 06 thành viên không tham gia điều hành.
- Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức nhiều cuộc họp để giải quyết các vấn đề quan trọng của công ty. Hàng tuần/tháng/quý, Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp với Ban tổng giám đốc. Việc giám sát của HĐQT đối với Ban tổng giám đốc được thực hiện qua báo cáo hoạt động của Tổng Giám đốc gửi các thành viên HĐQT hàng tháng và các đợt kiểm tra đội xuất.
- Hội đồng quản trị đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh hàng Quý, đồng thời kết hợp với Ban tổng giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh cho Quý tiếp theo.
- Hội đồng quản trị đánh giá những rủi ro kinh doanh cũng như kiến nghị với Ban giám đốc về những giải pháp trong việc kinh doanh an toàn.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc cơ cấu thị trường, mở rộng thị trường xuất khẩu nhằm đảm bảo kế hoạch kinh doanh chung của năm 2017 được hoàn thành và cho thời gian sắp tới.
- Hội đồng quản trị chỉ đạo việc thực hiện chi trả cổ tức năm 2015, năm 2016 và trả cổ tức năm 2017 lần 1.
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty;
- Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ, công tác pháp chế và thi đua – khen thưởng trong Công ty;

1.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2019 có 03 thành viên gồm 01 trưởng ban và 02 thành viên. Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tổ chức nhiều cuộc họp, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, quy chế chế của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều tham gia đầy đủ và tích cực theo đúng tinh thần và trách nhiệm mà đại hội đồng cổ đông giao.

II/ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

2.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty.

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty IDI theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán tại ngày 15/12/2017 của Công ty gửi Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TRÊN 5% CỔ PHẦN

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	71.346.378	39,29%
2	Lê Thanh Thuấn	350006170	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	10.000.000	5,51%
Tổng cộng:				**81.346.378**	**44,80%**

2.2 Danh sách cổ đông sáng lập

Danh sách cổ đông sáng lập của công ty IDI theo giấy chứng nhận ĐKKD số 0303141296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 09/06/2016 và theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/12/2017 đã lưu ký như sau:

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

STT	Họ và tên	Số ĐKSH	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Lê Thanh Thuấn	350006170	326. Hùng Vương - TP.LX – AG.	10.000.000	5,51%
2	Công Ty CP Tập Đoàn Sao Mai. Đại diện pháp luật: Ông Lê Thanh Thuấn.	1600169024	326. Hùng Vương - TP.Long Xuyên - An Giang	71.346.378	39,29%
3	Nguyễn Văn Hung	351139667	49/30. Khúc Thừa Dụ -TP.LX	601.472	0,33%
4	Lê Văn Chung	351393479	72. Trần Nhật Duật - TP.LX	6.118.698	3,37%
5	Lê Xuân Quế	351259440	647B/33. Trần Hưng Đạo – LX	1.665	0,00%
6	Trương Vĩnh Thành	352244166	83E1. Khu Sao Mai - Bình Khánh 3 – TP.LX	20.286	0,01%
7	Lê Văn Cảnh	35272634	P.Bình Khánh - TP.Long Xuyên.	60.582	0,03%

8	Phạm Đình Nam	351333247	72. Trần Nhật Duật - TP.LX.	191.830	0,11%
9	Trần Văn Cừ	351700797	84E1. Khu ĐTCC Sao Mai – Bình Khánh 3 – LX	69	0,00%
10	Lê Xuân Quang	172345460	Xuân Thịnh - Triệu Sơn – Thanh Hóa	0	0,00%
11	Phan Văn Đạt	350038725	544B. Hà Hoàng Hổ - TP.LX	5.000	0,00%
12	Lê Văn Thông	172321457	01. Trương Định – TP.LX	16.560	0,01%
13	Lê Văn Thành	351400599	706B. Hà Hoàng Hổ - TP.LX	2.008.535	1,11%
14	Lê Văn Thủy	351627326	645/33. Trần Hưng Đạo – TP.LX.	116.437	0,06%
15	Lê Khắc Tám	350791747	219. Nguyễn Trường Tộ - LX	200.000	0,11%
Tổng cộng:				**90.687.512**	**49,94%**

2.3 Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông lớn và cổ đông nhỏ:	181.609.671	100,00%
+ Cổ đông lớn	81.346.378	44.79%
+ Cổ đông nhỏ	100.263.293	55.21%
Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:	181.609.671	100,00%
+ Cổ đông tổ chức	75.571.601	41,61%
+ Cổ đông cá nhân	106.038.070	58,39%
Cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài:	181.609.671	100,00%
+ Cổ đông trong nước	177.964.685	97,99%
+ Cổ đông nước ngoài	3.644.986	2,01%
Cổ đông Nhà nước, cổ đông đặc biệt và cổ đông khác:	181.609.671	100,00%
+ Cổ đông Nhà nước	0	0,00%
+ Cổ đông đặc biệt (HĐQT, Ban Giám đốc, BKS....)	22.005.468	12,12%
+ Cổ đông khác	159.604.203	87,88%

Nguồn: Theo Danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 15/12/2017

2.4 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Trong năm 2017, Công ty không có thay đổi vốn đầu tư của Chủ sở hữu.

2.5 Doanh nghiệp là cổ đông lớn của IDI.

- **Công ty CP Tập Đoàn Sao Mai (ASM)**

- Vốn điều lệ : 2.199.398.670.000 đồng.
- Tổng số cổ phần: 219.939.867 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
- Địa chỉ : Số 326 Hùng Vương, P. Mỹ Long, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang.
- Thành lập ngày : 05/03/1997 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600169024, thay đổi lần thứ 27 ngày 02/10/2015.
- Điện thoại : 076 3840 138 Fax: 076 3840 139.
- Website : www.saomaiag.vn Email: thuansaomai@hotmail.com
- Mã số thuế : 16001690241.
- Đại diện theo Pháp luật: Ông **Lê Thanh Thuấn** – Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

- Ngành nghề kinh doanh chính:
  - *Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng.*
  - Kinh doan*h dịch vụ khách sạn, nhà hàng.*
  - *Nuôi trồng, chế biến thủy sản.*

- Tình hình cổ phần:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ IDI đến 15/12/2017	Số vốn cổ phần của ASM đến 15/12/2017	Tỷ lệ (%)
1.816.096.710.000	713.463.780.000	39,29%

2.6 Doanh nghiệp là công ty con của IDI:

- **Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Tài Chính-ASTAR:**

+ Vốn điều lệ : 120.000.000.000 đồng.
+ Tổng số cổ phần: 12.000.000 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
+ Địa chỉ : 326. Hùng Vương, P.Mỹ Long, TP.Long Xuyên, An Giang.
+ Thành lập ngày : 12/10/2000 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600583700 và thay đổi lần thứ 9 ngày 14/07/2011.
+ Đại diện theo pháp luật : Ông **Bùi Cao Cường** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
+ Ngành nghề kinh doanh chính:
  - *Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.*
  - *Nuôi trồng thủy sản nội địa. Khai thác quặng kim loại và khai khoáng khác.*

+ Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ ASTAR	Số vốn thực góp	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
120.000.000.000	52.168.970.000	39.309.000.000	63,05%

➢ **Công ty CP Đầu tư Du lịch & Phát triển Thủy sản – Trisedco (DAT):**

+ Vốn điều lệ : 438.149.200.000 đồng.
+ Tổng số cổ phần: 43.814.920 cp, mệnh giá 10.000 đồng/cp.
+ Địa chỉ: Quốc lộ 80. Cụm Công nghiệp Vàm Cống, ấp An Thạnh, xã Bình Thành, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.
+ Thành lập ngày: Ngày 15/03/2008 theo giấy CNĐKKD số 5203000095, thay đổi lần thứ 18 ngày 08/01/2018 theo giấy CNĐKDN CTCP số 1600895650.
+ Đại diện theo pháp luật : Ông **Lê Xuân Quế** Chức vụ: Tổng Giám đốc.
+ Ngành nghề kinh doanh chính:
  - *Mua bán thủy sản và sản phẩm thủy sản đã qua chế biến.*
  - *Nuôi trồng thủy sản nội địa.*
  - *Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.*
  - *Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, bán buôn thực phẩm.*
  - *Sản xuất dầu, mỡ động thực vật.*

+ Tình hình góp vốn:

ĐVT: VND

Vốn điều lệ Trisedco	Số vốn đã góp của IDI đến 31/12/2017	Tỷ lệ (%)
438.149.200.000	347.214.900.000	79,25%

Nhà máy chế biến Bột cá - Dầu cá

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

(ĐVT: đồng).

Stt	Khoản mục	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	
				Tăng/Giảm	Tỷ lệ (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.322.056.031.851	1.095.609.379.618	226.446.652.233	20,67%
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.435.878.018.454	944.730.309.521	491.147.708.933	51,99%
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	27.352.493.670	26.279.449.763	1.073.043.907	4.08%
4	Lợi nhuận khác	-522.823.400	-27.436.619	-495.386.781	1805,57%
5	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.829.670.270	26.252.013.144	577.657.126	2,20%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.363.885.576	24.416.731.901	947.153.675	3,88%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	665	641	24	3,74%

(Nguồn: theo BCTC KT năm 2017)

- Tổng tài sản của công ty năm 2017 so với năm 2016 tăng 226,4 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 20,67% đã cho thấy công ty có sự tăng trưởng nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Sự gia tăng của tổng tài sản chủ yếu tập trung ở sự gia tăng của vốn lưu động, đây là nguồn vốn ngắn hạn chủ yếu phục vụ cho quá trình sản xuất của công ty.

- Doanh thu thuần: năm 2017 đạt 1.435 tỷ đồng, tăng 944,7 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ tăng 51,99% so với năm 2016, nguyên nhân là do nhu cầu về bột cá, mỡ cá và dầu cá trên thị thường ngày càng tăng, bên cạnh đó Công ty cũng tích cực khai thác và mở rộng thị trường tiêu thụ. Với tốc độ tăng trưởng doanh thu khá tốt, cho thấy Công ty có những chính sách bán hàng và mở rộng thị trường hợp lý. Có được kết quả này là nhờ sự chỉ đạo đúng đắn và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty trong việc đầu tư mở rộng sản xuất cũng như đã đề ra nhiều chính sách bán hàng linh hoạt. Mặc dù trước áp lực cạnh tranh rất lớn từ các doanh nghiệp cùng ngành, nhưng với tốc độ tăng 51,99% về doanh thu sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng tốc độ tăng trưởng doanh thu sẽ còn nhanh hơn nữa khi nhu cầu thị trường về các mặt hàng do Công ty sản xuất ngày càng tăng.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Năm 2017 Công ty đã cắt giảm được nhiều chi phí sản xuất tuy nhiên giá xuất khẩu chưa được tăng đáng kể nên đã đạt mức lợi nhuận thuần là 27,3 tỷ đồng, tăng hơn 1 tỷ đồng so với năm 2016 và tốc độ tăng là 4,08% so với năm 2016. Mặc dù kết quả chưa cao nhưng sẽ là cơ sở để chúng ta tin tưởng vào một kết quả khả quan hơn khi giá xuất khẩu được dự báo tốt hơn trong năm 2018.

+ Các sản phẩm chính của Công ty Trisedco.

Bột Cá

Xuất xứ: Việt Nam
Loại cá: cá Tra
Qui cách đóng gói: 50kg (trọng lượng tịnh)/ bao nhựa
Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng
Tiêu chuẩn: Độ đạm 58-60%, độ ẩm (%) 10 max, Tro (%) 25 max, độ tươi (%) 50 max, chất béo (%) 12 max

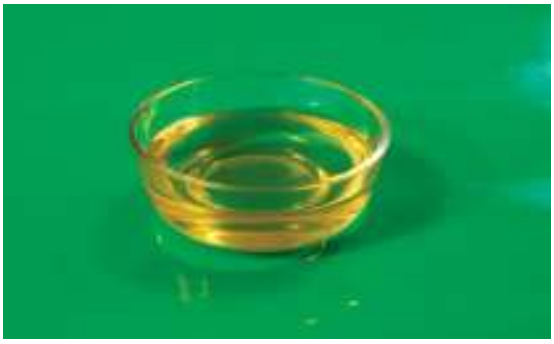

Mỡ Cá Thô

Xuất xứ: Việt Nam
Loại cá: cá Tra
Qui cách đóng gói: 193kg / thùng phi hoặc 20 tấn/flexitank
Số lượng cung ứng: 1.000 – 1.200 tấn/tháng
Tiêu chuẩn: Acid (mgKOH/g) 3%max, Iodine (gl2/100g) 80max

Bong Bóng Tươi

Bao Tử Cá

Sản Phẩm Khác

Ức Cá, Vây Cá

Sản phẩm bong bóng

Nhà máy tinh luyện dầu cá (Thực phẩm dinh dưỡng) trong cụm công nghiệp Vàm Cống

Dầu cá cao cấp
Ranee
Ngon cho Chồng - Tốt cho Con
Tuyệt vời cho cả gia đình
VI CHẤT
dinh dưỡng Việt Nam
Omega 369
DHA&EPA
Vitamin E
TỰ NHIÊN

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

I/ Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng sản lượng cá tra nguyên liệu (mua ngoài và tự chăn nuôi) để phục vụ sản xuất trong năm 2017 là gần 80.000 tấn.
- Công ty không có tái chế hoặc chế biến sản phẩm phụ.

II/ Tiêu thụ năng lượng:

1/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 30.000.000 kw và gián tiếp: 0kw

2/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

Trong năm 2017, công ty đã tiết kiệm thông qua các sáng kiến: 1.200.000kw (tỷ lệ: 4%)

3/ Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng trong sản xuất của bộ phận nhà máy:

- Quản lý vận hành thiết bịt điện hiệu quả tránh lãng phí.
- Tận dụng điện trong khoảng thời gian thấp điểm, giá thành thấp.
- Đầu tư thay các thiết bị tiêu thụ điện hiệu suất thấp bằng thiết bị hiệu suất cao.
- Công ty đã đầu tư lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời công suất 1,06 MW.

III/ Tiêu thụ nước:

1/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Nguồn nước được lấy từ nguồn giếng nước ngầm và đưa vào sử dụng với khối lượng 300.100m^3/năm.

2/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không dùng nước đã tái chế để bảo đảm chất lượng sản phẩm tốt nhất xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

IV/ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia IDI luôn nhận thức được tầm quan trọng việc bảo vệ môi trường. Nên ban lãnh đạo công ty thường xuyên nhắc nhở cán bộ nhà máy phải kiểm tra quá trình xử lý nước thải phải đúng theo quy định của Nhà nước. Việc đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời là một minh chứng cho thấy trách nhiệm với môi trường của IDI khi mà IDI là người tiên phong trong việc sử dụng năng lượng sạch.

Trên đây là báo cáo thường niên 2017 của Công ty CP đầu tư & phát triển đa quốc gia IDI. Trân trọng!